BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LỊCH SỬ

8







NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHAN NGỌC LIÊN (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên)
NGUYỄN HỮU CHÍ - NGUYỄN NGỌC CƠ - NGUYỄN ANH DŨNG
TRỊNH ĐÌNH TÙNG - TRẦN THỊ VINH

LỊCH SỬ 8

(Tái bản lần thứ bảy)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

PM K Tr.2

Chịu trách nhiệm xuất bản : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc **NGÔ TRẦN ÁI**
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập **NGUYỄN QUÝ THAO**

Biên tập lần đầu : **LÊ HỒNG SƠN - NGUYỄN HỒNG LIÊN**
Biên tập tái bản : **LÊ HỒNG SƠN**
Biên vẽ lược đồ : **CÙ ĐỨC NGHĨA**
Biên tập mĩ thuật, kĩ thuật : **NGUYỄN BÍCH LA - NGUYỄN KIM DUNG**
Trình bày bìa : **NGUYỄN MẠNH HÙNG**
Sửa bản in : **LÊ HỒNG SƠN**
Chế bản : **CÔNG TY CỔ PHẦN MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG**

LỊCH SỬ 8
Mã số : 2H815T1

In .... cuốn, khổ 17 x 24 cm.
In tại Công ti cổ phần in ....
Số in : .... Số XB : 01–2011/CXB/80–1235/GD.
In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 2011.

Phần một

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI
(TỪ GIỮA THẾ KỈ XVI ĐẾN NĂM 1917)

Chương I

THỜI KÌ XÁC LẬP CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN (TỪ GIỮA THẾ KỈ XVI ĐẾN NỬA SAU THẾ KỈ XIX)

Bài 1

NHỮNG CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN ĐẦU TIÊN

Những biến đổi trong kinh tế, xã hội vào cuối thời trung đại dẫn tới những cuộc cách mạng tư sản đầu tiên : Cách mạng Hà Lan, Cách mạng Anh, Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ.

I - SỰ BIẾN ĐỔI VỀ KINH TẾ, XÃ HỘI TÂY ÂU TRONG CÁC THẾ KỈ XV - XVII. CÁCH MẠNG HÀ LAN THẾ KỈ XVI

1. Một nền sản xuất mới ra đời

Vào thế kỉ XV, trên cơ sở nền sản xuất công trường thủ công, ở Tây Âu bắt đầu xuất hiện các xưởng dệt vải, luyện kim, nấu đường... có thuê mướn nhân công. Nhiều thành thị trở thành trung tâm sản xuất và buôn bán. Các ngân hàng được thành lập và ngày càng có vai trò to lớn.

Đó là nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, với sự hình thành hai giai cấp mới : giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.

Trong nền sản xuất mới, giai cấp tư sản có thế lực về kinh tế, nhưng không có quyền lực chính trị, bị nhà nước phong kiến kìm hãm. Nhân dân lao động (chủ yếu là nông dân, thợ thủ công, công nhân) bị áp bức, bóc lột nặng nề.

Mâu thuẫn giữa chế độ phong kiến với giai cấp tư sản và các tầng lớp nhân dân ngày càng gay gắt ; đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn tới các cuộc đấu tranh.

- Hãy nêu những biểu hiện mới về kinh tế, xã hội ở Tây Âu trong các thế kỉ XV - XVII.

2. Cách mạng Hà Lan thế kỉ XVI

Vào đầu thế kỉ XVI, vùng đất Nê-đéc-lan (thuộc hai nước Hà Lan và Bỉ hiện nay) có nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển nhất ở Tây Âu, song sự thống trị của Vương quốc Tây Ban Nha đã ngăn cản sự phát triển này. Nhân dân Nê-đéc-lan nhiều lần nổi dậy chống sự đô hộ của Vương quốc Tây Ban Nha, mạnh mẽ nhất là cuộc đấu tranh tháng 8 - 1566. Cuộc đấu tranh bị đàn áp đẫm máu. đến năm 1581, các tỉnh miền Bắc Nê-đéc-lan thành lập nước cộng hoà với tên gọi chính thức là Các tỉnh liên hiệp (về sau gọi là Hà Lan). Cuộc chiến tranh còn tiếp diễn, mãi đến năm 1648 nền độc lập của Hà Lan mới được chính thức công nhận. Hà Lan được giải phóng, tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản ở nước này phát triển.

Cách mạng Hà Lan thế kỉ XVI được xem là *cuộc cách mạng tư sản đầu tiên* trên thế giới.

- Trình bày diễn biến và kết quả của Cách mạng Hà Lan.

II - CÁCH MẠNG TƯ SẢN ANH THẾ KỈ XVII

1. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Anh

Trong sự phát triển chung của châu Âu, quan hệ tư bản chủ nghĩa ở Anh lớn mạnh hơn cả, trước hết là ở miền Đông - Nam. Nhiều công trường thủ công : luyện kim, cơ khí, làm đồ sứ, dệt len dạ... ra đời, phục vụ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu sang Hà Lan, Pháp, Đức, I-ta-li-a...

Nhiều trung tâm lớn về công nghiệp, thương mại, tài chính được hình thành, tiêu biểu là Luân Đôn.

Những phát minh mới về kĩ thuật, các hình thức tổ chức lao động hợp lí làm cho năng suất lao động tăng nhanh.

Từ năm 1551 đến năm 1651, số lượng than được khai thác tăng 14 lần. Vào đầu thế kỉ XVII, ở Anh có 800 lò nấu sắt, mỗi tuần sản xuất 3 - 4 tấn. Một số xưởng dệt len dạ thuê hàng nghìn công nhân. Nhiều công ti thương mại hoạt động mạnh ở nhiều nước, nổi tiếng nhất là Công ti Đông Ấn Độ.

Số đông địa chủ là quý tộc vừa và nhỏ chuyển sang kinh doanh theo lối tư bản. Họ đuổi tá điền, rào đất, biến ruộng thành đồng cỏ, thuê nhân công nuôi cừu, lấy lông cừu cung cấp cho thị trường. Họ trở thành tầng lớp *quý tộc mới*, có thế lực lớn về kinh tế. Nông dân trở nên nghèo khổ, kéo ra thành thị làm thuê, hay di cư ra nước ngoài.

Sự thay đổi về kinh tế, những mâu thuẫn gay gắt giữa tư sản, quý tộc mới với chế độ quân chủ chuyên chế (bên cạnh mâu thuẫn cũ giữa nông dân với địa chủ, quý tộc) dẫn tới cuộc cách mạng lật đổ chế độ phong kiến, xác lập quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

- *Trình bày sự phát triển chủ nghĩa tư bản ở Anh và những hệ quả của nó.*

2. Tiến trình cách mạng

a) Giai đoạn 1 (1642 - 1648)

Năm 1640, Quốc hội (được thành lập từ thế kỉ XIII) - gồm phần lớn là quý tộc mới, được triệu tập. Các đại biểu đã tố cáo chính sách cai trị độc đoán của vua Sác-lơ I và đề ra một số yêu cầu : vua không được tự tiện đặt thuế mới, không được bắt người mà không đưa ra toà án xét xử.

Nhân dân ủng hộ Quốc hội, lên án nhà vua. Sác-lơ I chạy lên phía bắc Luân Đôn, chuẩn bị lực lượng chống lại Quốc hội và nhân dân.

Tháng 8 - 1642, cuộc nội chiến bùng nổ. Quân đội của Quốc hội, do Ô-li-vơ Crôm-oen (1599 - 1658) chỉ huy, đánh bại quân đội nhà vua. Giai đoạn 1 của cuộc nội chiến chấm dứt vào năm 1648.



Hình 1. Lược đồ cuộc nội chiến ở Anh

b) Giai đoạn 2 (1649 - 1688)

Trước sức ép của quân đội và nhân dân, Crôm-oen đưa vua ra xét xử. Ngày 30 - 1 - 1649, Sác-lơ I bị xử tử trước sự chứng kiến của đông đảo quần chúng. Nước Anh trở thành nước cộng hoà. Mọi quyền hành thuộc về quý tộc mới và tư sản. Nông dân, binh lính không được hưởng một chút quyền lợi gì. Vì vậy, họ tiếp tục nổi dậy đấu tranh. Crôm-oen thiết lập chế độ độc tài quân sự.



Hình 2. Xử tử Sác-lơ I

Sự bất mãn của quần chúng ngày càng tăng. Vì vậy, quý tộc mới và tư sản khôi phục lại chế độ quân chủ nhưng vẫn giữ những thành quả của cách mạng. Tháng 12 - 1688, Quốc hội tiến hành một cuộc đảo chính, phế truất vua Giêm II (lên ngôi năm 1685) và đưa Vin-hem O-ran-giơ (Quốc trưởng Hà Lan, con rể Giêm II) lên làm vua. Chế độ quân chủ lập hiến ra đời. Nhà vua không nắm thực quyền, mọi quyền lực quốc gia thuộc về tư sản và quý tộc mới.

- ***Trình bày những nét chính về cuộc nội chiến ở Anh.***
- ***Vì sao chế độ cộng hoà ở Anh lại được thay bằng chế độ quân chủ lập hiến ?***

3. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII

Cuộc Cách mạng tư sản Anh đã thành công, chủ yếu vì được quần chúng ủng hộ và tham gia đấu tranh. Cách mạng mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ hơn, đem lại thắng lợi cho giai cấp tư sản và quý tộc mới. Nhưng quyền lợi của nhân dân lao động lại không được đáp ứng.

> Về ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII, Các Mác viết : "Thắng lợi của giai cấp tư sản có nghĩa là thắng lợi của chế độ xã hội mới, thắng lợi của chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa đối với chế độ phong kiến".

- ***Em hiểu như thế nào về câu nói trên của Mác ?***
- ***Nêu kết quả của Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII.***

III - CHIẾN TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA CÁC THUỘC ĐỊA ANH Ở BẮC MĨ

1. Tình hình các thuộc địa. Nguyên nhân của chiến tranh

Sau khi Cô-lôm-bô tìm ra châu Mĩ, nhiều nước châu Âu lần lượt chiếm và chia nhau châu lục mới này làm thuộc địa. Từ đầu thế kỉ XVII đến đầu thế kỉ XVIII, thực dân Anh đã thành lập 13 thuộc địa của mình ở Bắc Mĩ.



Hình 3. Lược đồ 13 thuộc địa của Anh ở Bắc Mĩ

Đây là vùng đất phì nhiêu, giàu tài nguyên, quê hương lâu đời của người In-đi-an (thổ dân da đỏ). Trong hai thế kỉ XVII - XVIII, thực dân Anh đã tiêu diệt hoặc dồn người In-đi-an vào vùng đất phía tây xa xôi. Họ bắt người da đen ở châu Phi đưa sang làm nô lệ để khai khẩn đất hoang, lập đồn điền.

- ***Nêu một vài nét về sự xâm nhập và thành lập các thuộc địa của thực dân Anh ở Bắc Mĩ.***

Kinh tế ở 13 thuộc địa này sớm phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Thực dân Anh tìm mọi cách ngăn cản sự phát triển công, thương nghiệp của các thuộc địa ở Bắc Mĩ (cướp đoạt tài nguyên, thuế má nặng nề, độc quyền buôn bán trong và ngoài nước). Cư dân ở các thuộc địa Bắc Mĩ, gồm phần lớn là con cháu người Anh di cư sang, mâu thuẫn gay gắt với chính quốc. Các tầng lớp nhân dân thuộc địa, bao gồm tư sản, chủ đồn điền, công nhân, nô lệ đều đấu tranh chống ách thống trị của thực dân Anh.

- Vì sao nhân dân các thuộc địa ở Bắc Mĩ đấu tranh chống thực dân Anh ?

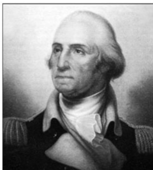
2. Diễn biến cuộc chiến tranh

Tháng 12 - 1773, nhân dân cảng Bô-xtơn tấn công ba tàu chở chè của Anh và ném các thùng chè xuống biển để phản đối chế độ thuế của thực dân Anh ở các thuộc địa Bắc Mĩ.

Từ 5 - 9 đến 26 - 10 - 1774, đại biểu các thuộc địa Bắc Mĩ đã họp Hội nghị lục địa ở Phi-la-đen-phi-a, đòi vua Anh xoá bỏ các luật cấm vô lí. Nhà vua không chấp nhận.

Tháng 4 - 1775, chiến tranh bùng nổ giữa chính quốc và các thuộc địa Bắc Mĩ. Nghĩa quân do Gioóc-giơ Oa-sinh-tơn chỉ huy.

G. Oa-sinh-tơn là một chủ nô giàu, có tài quân sự và tổ chức, được cử làm Tổng chỉ huy nghĩa quân.



Hình 4. G. Oa-sinh-tơn (1732 - 1799)

Ngày 4 - 7 - 1776, *Tuyên ngôn Độc lập* được công bố, xác định quyền của con người và quyền độc lập của các thuộc địa.

Tuyên ngôn đã khẳng định : Mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hoá ban cho họ những quyền không thể tước bỏ. Trong số những quyền ấy có quyền được sống, quyền được tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.

- Theo em, tính chất tiến bộ của "Tuyên ngôn Độc lập" của Mĩ thể hiện ở những điểm nào ?

Chiến tranh vẫn tiếp diễn. Do số lượng ít, trang bị nghèo nàn nên lúc đầu quân khởi nghĩa đã thất bại ở một số nơi. Tuy nhiên, nghĩa quân vẫn giữ được lực lượng và đánh thắng các đợt tấn công lớn của quân Anh.

Ngày 17 - 10 - 1777, quân khởi nghĩa thắng một trận lớn ở Xa-ra-tô-ga.

5000 quân Anh bị bắt làm tù binh, viên tướng chỉ huy phải đầu hàng. Chiến thắng của quân khởi nghĩa làm suy sụp tinh thần quân Anh, củng cố lòng tin vào thắng lợi của nhân dân các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ. Tiếp đó, nghĩa quân thắng nhiều trận khác, buộc Anh phải kí Hiệp ước Véc-xai 1783.

- *Cuộc Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ diễn ra như thế nào ?*

3. Kết quả và ý nghĩa cuộc Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ

Theo Hiệp ước Véc-xai 1783, Anh thừa nhận nền độc lập của các thuộc địa Bắc Mĩ. Chiến tranh kết thúc thắng lợi với sự ra đời một quốc gia mới - Hợp chúng quốc Mĩ (viết tắt theo tiếng Anh là USA, thường gọi là nước Mĩ hay Hoa Kì).

Năm 1787, Hiến pháp được ban hành. Theo Hiến pháp, Mĩ là nước cộng hoà liên bang. Chính quyền trung ương được tăng cường, nhưng các bang được quyền tự trị rộng rãi. Tổng thống nắm quyền hành pháp. Quốc hội gồm hai viện - Thượng viện và Hạ viện, nắm quyền lập pháp. Quyền dân chủ bị hạn chế.

Chỉ những người da trắng có tài sản, đóng thuế theo quy định mới có quyền ứng cử, bầu cử. Phụ nữ không có quyền bầu cử. Những người nô lệ da đen và người In-đi-an không có quyền chính trị.

- *Những điểm nào thể hiện sự hạn chế của Hiến pháp 1787 của Mĩ ?*

Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ đã giải phóng nhân dân Bắc Mĩ khỏi ách đô hộ của chủ nghĩa thực dân, làm cho nền kinh tế tư bản Mĩ phát triển. Do đó, cuộc chiến tranh giành độc lập này đồng thời cũng là một cuộc cách mạng tư sản, có ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh giành độc lập của nhiều nước vào cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX.

- *Những kết quả lớn của Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ là gì ?*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Lập niên biểu về Cách mạng tư sản Anh và Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ.
2. Nêu ý nghĩa lịch sử của các cuộc cách mạng tư sản đầu tiên.

Bài 2

CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP CUỐI THẾ KỈ XVIII

Cách mạng Pháp cuối thế kỉ XVIII có những điểm giống và khác với các cuộc cách mạng tư sản đầu tiên, có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển của lịch sử.

I - NƯỚC PHÁP TRƯỚC CÁCH MẠNG

1. Tình hình kinh tế

Về nông nghiệp, công cụ và phương thức canh tác vẫn thô sơ, lạc hậu, chủ yếu dùng cày và cuốc nên năng suất thấp. Ruộng đất bị bỏ hoang nhiều. Nạn mất mùa, đói kém thường xảy ra.

Công, thương nghiệp đã phát triển, máy móc được sử dụng trong sản xuất. Nhiều trung tâm dệt, luyện kim ra đời. Các hải cảng lớn như Mác-xây, Boóc-đô... tấp nập tàu buôn ra vào, chở hàng xuất khẩu (rượu vang, vải vóc, quần áo, đồ thuỷ tinh...) đến nhiều nước và nhập máy móc, đường, cà phê từ Anh, châu Mĩ. Nhưng chế độ phong kiến chuyên chế đã cản trở sự phát triển của công, thương nghiệp : thuế má nặng, không có đơn vị tiền tệ và đo lường thống nhất, sức mua của dân nghèo rất hạn chế.

2. Tình hình chính trị - xã hội

Trước cách mạng, Pháp là một nước quân chủ chuyên chế. Nhà vua nắm mọi quyền hành.

Xã hội phong kiến Pháp phân thành ba đẳng cấp : Tăng lữ, Quý tộc và Đẳng cấp thứ ba.

Đẳng cấp Quý tộc nắm giữ những chức vụ cao trong bộ máy hành chính, quân đội. Tăng lữ và Quý tộc là những đẳng cấp được hưởng mọi đặc quyền kinh tế, nhưng không phải đóng thuế cho nhà vua.



Hình 5. Tình cảnh nông dân Pháp trước cách mạng

Đẳng cấp thứ ba gồm nhiều giai cấp và tầng lớp : tư sản, nông dân, bình dân thành thị. Họ không có quyền lợi chính trị. Nông dân chiếm 90% dân số (khoảng 24 triệu người), là giai cấp nghèo khổ nhất vì không có ruộng đất, bị nhiều tầng lớp áp bức bóc lột. Tư sản đứng đầu Đẳng cấp thứ ba, có thế lực kinh tế, song không có quyền lực chính trị.

- *Xã hội Pháp trước cách mạng phân ra những đẳng cấp nào ?*
- *Quan sát hình 5, hãy miêu tả tình cảnh người nông dân trong xã hội Pháp thời bấy giờ.*

3. Đấu tranh trên mặt trận tư tưởng

Chế độ quân chủ chuyên chế cũng bị tố cáo, phê phán gay gắt trong lĩnh vực văn hoá, tư tưởng. Tiêu biểu cho cuộc đấu tranh này là những nhà tư tưởng kiệt xuất của giai cấp tư sản trong trào lưu triết học Ánh sáng như Sác-lơ Mông-te-xki-ơ, Vôn-te[1], Giăng Giắc Rút-xô.



Hình 6. S. Mông-te-xki-ơ (1689 - 1755)

"Tự do về chính trị của công dân thể hiện ở chỗ : công dân đó không phải lo sợ, ngược lại luôn cảm thấy an toàn. Để có tự do chính trị, chính phủ phải được tổ chức để không một ai có thể đe doạ người khác".

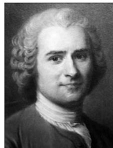
(Tinh thần luật pháp)



Hình 7. Vôn-te (1694 - 1778)

"Hãy đập tan toà nhà của sự dối trá !".
"Xéo nát bọn đê tiện".

(Những lá thư triết học)



Hình 8. G.G. Rút-xô (1712 - 1778)

"Mọi người sinh ra tự do, nhưng ở khắp nơi họ đều mang xiềng xích... Tự do là quyền tự nhiên của con người".

(Khế ước xã hội)

- *Dựa vào những đoạn trích ngắn trên, em hãy nêu một vài điểm chủ yếu trong tư tưởng của Mông-te-xki-ơ, Vôn-te, Rút-xô.*

(1) Tên thật là Phrăng-xoa Ma-ri A-ru-ê.

II - CÁCH MẠNG BÙNG NỔ

1. Sự khủng hoảng của chế độ quân chủ chuyên chế

Vua Lu-i XVI lên ngôi năm 1774, chế độ phong kiến ngày càng suy yếu. Do số nợ Nhà nước vay của tư sản không thể trả được (đến năm 1789 lên tới 5 tỉ livrơ[1]) nên nhà vua phải thu nhiều thuế. Công, thương nghiệp đình đốn làm nhiều công nhân và thợ thủ công thất nghiệp.

Tình hình này đã thôi thúc nhân dân đấu tranh mạnh mẽ chống chế độ phong kiến. Năm 1788, nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra khắp nơi, riêng mùa xuân năm 1789 đã có hàng trăm cuộc nổi dậy của nông dân và bình dân thành thị.

- *Sự khủng hoảng của chế độ quân chủ chuyên chế thể hiện ở những điểm nào ?*
- *Vì sao cách mạng nổ ra ?*

2. Mở đầu thắng lợi của cách mạng

Hội nghị ba đẳng cấp do nhà vua triệu tập khai mạc ngày 5 - 5 - 1789 tại Cung điện Véc-xai, với sự tham dự của các đại biểu thuộc ba đẳng cấp.

Hội nghị diễn ra căng thẳng vì đại biểu Quý tộc và Tăng lữ ủng hộ nhà vua tăng thuế, còn đại biểu Đẳng cấp thứ ba kịch liệt phản đối chủ trương này.

Ngày 17 - 6, các đại biểu Đẳng cấp thứ ba tự họp thành Hội đồng dân tộc, sau đó tuyên bố là Quốc hội lập hiến, có quyền soạn thảo Hiến pháp, thông qua các đạo luật về tài chính. Nhà vua và quý tộc dùng quân đội để uy hiếp Quốc hội.

Quần chúng lao động và những người tư sản cách mạng tự vũ trang chống lại nhà vua. Phần lớn binh lính cũng đứng về phía nhân dân.

Ngày 14 - 7, quần chúng được vũ trang kéo đến tấn công chiếm pháo đài - nhà tù Ba-xti ; sau đó lần lượt làm chủ hầu hết các cơ quan và vị trí quan trọng trong thành phố.

Cuộc tấn công pháo đài - nhà tù Ba-xti đã mở đầu cho thắng lợi của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII.

---

(1) Đồng tiền Pháp lúc đó.



Hình 9.

Tấn công pháo đài - nhà tù Ba-xti

- ***Những nguyên nhân nào dẫn tới Cách mạng tư sản Pháp ?***
- ***Các nhà tư tưởng tiến bộ Pháp vào thế kỉ XVIII đã đóng góp gì trong việc chuẩn bị cho cuộc cách mạng ?***
- ***Cách mạng tư sản Pháp 1789 bắt đầu như thế nào ?***

III - SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁCH MẠNG

1. Chế độ quân chủ lập hiến (từ ngày 14 - 7 - 1789 đến ngày 10 - 8 - 1792)

Cách mạng thắng lợi ở Pa-ri và nhanh chóng lan rộng khắp nước. Phái Lập hiến của tầng lớp đại tư sản lên cầm quyền, nhưng Lu-i XVI vẫn được giữ ngôi vua, mặc dù không có quyền hành gì.

Cuối tháng 8 - 1789, Quốc hội thông qua *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền*, nêu khẩu hiệu nổi tiếng : "Tự do - Bình đẳng - Bác ái".

Nội dung Tuyên ngôn có một số điều sau :

Điều 1 : Mọi người sinh ra đều có quyền sống tự do và bình đẳng...

Điều 2 : ... (được hưởng) quyền tự do, quyền sở hữu, quyền được an toàn và quyền chống áp bức.

Điều 17 : Quyền sở hữu là quyền bất khả xâm phạm và thiêng liêng, không ai có thể tước bỏ.

- ***Qua những điều trên, em có nhận xét gì về "Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền" ?***

Tháng 9 - 1791, Hiến pháp được thông qua, xác lập chế độ quân chủ lập hiến : nhà vua không nắm thực quyền, mọi quyền lực thuộc về Quốc hội. Tuy vậy, nhà vua đã liên kết với lực lượng phản động trong nước và cầu cứu các nước phong kiến châu Âu mang quân can thiệp để chống phá cách mạng.

Tháng 4 - 1792, hai nước Áo, Phổ liên minh với nhau, cùng bọn phản động trong nước Pháp chống lại cách mạng. Tháng 8 - 1792, 80 vạn quân Phổ tràn vào nước Pháp.

Trước tình hình "Tổ quốc lâm nguy", ngày 10 - 8 - 1792, nhân dân Pa-ri cùng quân tình nguyện các địa phương đứng lên lật đổ sự thống trị của phái Lập hiến, đồng thời xoá bỏ chế độ phong kiến.

- ***Nhân dân Pháp đã hành động như thế nào khi "Tổ quốc lâm nguy"? Kết quả ra sao ?***

2. Bước đầu của nền cộng hoà (từ ngày 21 - 9 - 1792 đến ngày 2 - 6 - 1793)

Sau cuộc khởi nghĩa của nhân dân lật đổ phái Lập hiến, chính quyền lại chuyển sang tay tư sản công thương nghiệp, được gọi là phái Gi-rông-đanh.

Một Quốc hội mới được bầu ra (nam giới từ 21 tuổi được quyền bầu cử, không hạn chế theo mức thuế). Ngày 21 - 9 - 1792, nền cộng hoà đầu tiên của nước Pháp được thành lập. Ngày 21 - 1 - 1793, vua Lu-i XVI bị đưa lên máy chém vì tội phản quốc.

Trừ được bọn phản động trong nước, nhân dân và quân đội cách mạng dốc sức chống ngoại xâm. Ngày 20 - 9 - 1792, quân Pháp đánh thắng quân xâm lược Áo - Phổ một trận lớn ở cao điểm Van-mi (thuộc Đông Bắc Pháp, gần biên giới Bỉ). Sau đó, quân Pháp chuyển sang phản công, đuổi địch ra khỏi đất nước ; trên đường truy kích chiếm luôn Bỉ và vùng tả ngạn sông Ranh.

Mùa xuân 1793, quân Anh cùng quân các nước phong kiến châu Âu tấn công nước Pháp cách mạng. Trong nước, bọn phản động lại nổi loạn ở vùng Văng-đê và cả miền Tây Bắc. Nạn đầu cơ tích trữ hoành hành. Giá cả tăng vọt. Đời sống nhân dân rất khốn khổ. Trong khi đó, phái Gi-rông-đanh không lo tổ chức chống ngoại xâm, nội phản và ổn định cuộc sống nhân dân mà chỉ lo củng cố quyền lực.



Hình 10. Lược đồ lực lượng phản cách mạng tấn công nước Pháp năm 1793

Trước tình hình ấy, ngày 2 - 6 - 1793, nhân dân Pa-ri, dưới sự lãnh đạo của Rô-be-spie, đã khởi nghĩa thắng lợi, lật đổ phái Gi-rông-đanh.

- *Trình bày diễn biến chiến sự trên đất Pháp vào những năm 1792 - 1793.*
- *Vì sao nhân dân Pa-ri phải lật đổ phái Gi-rông-đanh ?*

3. Chuyên chính dân chủ cách mạng Gia-cô-banh (từ ngày 2 - 6 - 1793 đến ngày 27 - 7 - 1794)

Sau khi phái Gi-rông-đanh bị lật đổ, chính quyền cách mạng thuộc về phái Gia-cô-banh, gồm những người dân chủ cách mạng được quần chúng ủng hộ. Quốc hội do phái Gia-cô-banh chiếm đa số, cử ra Uỷ ban cứu nước, đứng đầu là Rô-be-spie.



Hình 11. M. Rô-be-spie (1758 - 1794)

Ma-xi-mi-liêng đơ Rô-be-spie là một luật sư trẻ tuổi, đại biểu Quốc hội, có tài hùng biện. Trong Quốc hội, ông tích cực bảo vệ quyền lợi của nhân dân. Rô-be-spie trở thành lãnh tụ xuất sắc của phái Gia-cô-banh và nổi tiếng là "Con người không thể bị mua chuộc."

- ***Nêu một vài phẩm chất tốt đẹp của Rô-be-spie.***

Chính quyền cách mạng thi hành nhiều biện pháp kiên quyết để trừng trị bọn phản cách mạng và giải quyết những yêu cầu của nhân dân. Đất công xã mà quý tộc phong kiến chiếm đoạt, được lấy chia cho nông dân. Ruộng đất tịch thu của Giáo hội và quý tộc trốn ra nước ngoài được chia thành những khoảnh nhỏ bán cho nông dân. Uỷ ban cứu nước còn trưng thu lúa mì, quy định giá bán tối đa các mặt hàng thiết yếu cho dân nghèo, đồng thời cũng quy định mức lương tối đa của công nhân.

Quần chúng phấn khởi, hưởng ứng lệnh tổng động viên. Quân đội cách mạng được tổ chức và trang bị tốt, lại có tinh thần chiến đấu cao. Liên minh chống Pháp bị đánh bại và bắt đầu tan rã từ ngày 26 - 6 - 1794.

- Em có nhận xét gì về các biện pháp của chính quyền Gia-cô-banh ?

Sau khi chiến thắng ngoại xâm và nội phản, nội bộ phái Gia-cô-banh bị chia rẽ. Nhân dân cũng không ủng hộ chính quyền nữa vì quyền lợi không được đảm bảo như giới cầm quyền Gia-cô-banh đã hứa.

Ngày 27 - 7 - 1794, tư sản phản cách mạng tiến hành cuộc đảo chính. Rô-be-spie và các bạn chiến đấu của ông bị bắt và bị xử tử.

Thời kì chuyên chính Gia-cô-banh chấm dứt.

- Vì sao sau năm 1794, Cách mạng tư sản Pháp không thể tiếp tục phát triển ?

4. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII

Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII đã lật đổ chế độ phong kiến, đưa giai cấp tư sản lên cầm quyền, xoá bỏ nhiều trở ngại trên con đường phát triển của chủ nghĩa tư bản. Quần chúng nhân dân là lực lượng chủ yếu đưa cách mạng đạt tới đỉnh cao - nền chuyên chính dân chủ Gia-cô-banh.

Tuy nhiên, Cách mạng tư sản Pháp cũng có những hạn chế : chưa đáp ứng đầy đủ quyền lợi cơ bản của nhân dân, như không giải quyết được triệt để vấn đề ruộng đất cho nông dân, không hoàn toàn xoá bỏ chế độ bóc lột phong kiến...

> "Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mĩ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hoà và dân chủ, kì thực trong thì nó tước lục (tức tước đoạt) công nông, ngoài thì áp bức thuộc địa".
>
> (Hồ Chí Minh)

- Dựa vào đoạn trích trên, em hãy nhận xét về các cuộc cách mạng Mĩ và Pháp trong thế kỉ XVIII.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Lập niên biểu những sự kiện chính của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII.
2. Vai trò của nhân dân trong Cách mạng tư sản Pháp được thể hiện ở những điểm nào ?
3. Nêu những sự kiện chủ yếu qua các giai đoạn để chứng tỏ sự phát triển của Cách mạng tư sản Pháp.
4. Trình bày và phân tích ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII.

Bài 3

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐƯỢC XÁC LẬP TRÊN PHẠM VI THẾ GIỚI

Cách mạng công nghiệp khởi đầu ở Anh và lan nhanh ra các nước tư bản khác. Đồng thời, cách mạng tư sản tiếp tục thành công ở nhiều nước với những hình thức khác nhau, đánh dấu sự thắng lợi của chủ nghĩa tư bản trên phạm vi thế giới.

I - CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP

1. Cách mạng công nghiệp ở Anh

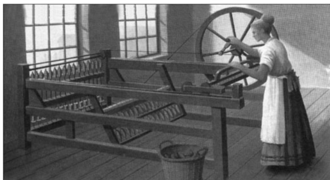
Từ những năm 60 của thế kỉ XVIII, máy móc được phát minh và sử dụng trong sản xuất đầu tiên ở Anh, trước hết ở ngành dệt, với sự ra đời của máy kéo sợi Gien-ni.



Hình 12. Chủ bao mua và những người thợ kéo sợi

Thời bấy giờ, hàng dệt của Anh bán chạy làm cho nghề dệt rất phát đạt, mặc dù có sự mất cân đối giữa khâu kéo sợi và dệt vải - cứ 10 người kéo sợi mới đủ sợi cho một thợ dệt. Để khắc phục tình trạng "đói sợi", năm 1764 Giêm Ha-gri-vơ sáng chế ra máy kéo sợi và lấy tên con gái mình đặt cho máy, gọi là máy Gien-ni. Máy xe được 16 sợi bông một lúc, năng suất tăng 8 lần.

- ***Quan sát hình 12 và 13, em hãy cho biết việc kéo sợi đã thay đổi như thế nào ?***
- ***Theo em, điều gì xảy ra trong ngành dệt của nước Anh khi máy kéo sợi Gien-ni được sử dụng rộng rãi ?***

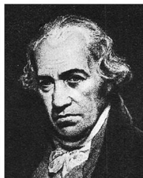


Hình 13. Máy kéo sợi Gien-ni

Năm 1769, Ác-crai-tơ phát minh ra máy kéo sợi chạy bằng sức nước. Năm 1785, Ét-mơn Các-rai chế tạo ra máy dệt đầu tiên ở Anh, làm cho năng suất dệt tăng gần 40 lần so với dệt bằng tay. Về sau, máy dệt cũng chạy bằng sức nước.

Do máy dệt chạy bằng sức nước nên các nhà máy phải đặt gần những khúc sông chảy xiết. Về mùa đông, máy phải ngừng hoạt động vì nước đóng băng.

Năm 1784, Giêm Oát hoàn thành việc phát minh ra máy hơi nước. Từ đó, các nhà máy có thể xây dựng ở bất cứ nơi nào thuận tiện.



Hình 14. G. Oát (1736 - 1819)

Lúc đầu máy móc mới được sử dụng trong ngành dệt vải, về sau được đưa dần vào các ngành kinh tế khác. Nhu cầu vận chuyển nguyên vật liệu đến nhà máy và đưa hàng hoá đi các nơi ngày một tăng. Từ đó, máy móc được sử dụng trong giao thông vận tải. Đầu thế kỉ XIX, tàu thuỷ chạy bằng máy hơi nước thay thế dần thuyền buồm ; xe lửa và đường sắt bắt đầu phục vụ đời sống xã hội.

Năm 1825, đoạn đường sắt đầu tiên ở nước Anh được khánh thành. Năm 1830, cả nước Anh chỉ có 108 km đường sắt, đến năm 1850 - tăng lên 10 000 km.



Hình 15. Xe lửa Xti-phen-xơn

Máy móc và đường sắt phát triển đòi hỏi công nghiệp nặng phát triển. Năm 1850, Anh sản xuất được một nửa số gang, thép và than đá của thế giới.

- Vì sao vào giữa thế kỉ XIX, Anh đẩy mạnh sản xuất gang, thép và than đá ?

Như vậy, từ năm 1760 đến năm 1840, ở Anh diễn ra quá trình chuyển biến *từ sản xuất nhỏ thủ công sang sản xuất lớn bằng máy móc*. Đây là cuộc cách mạng công nghiệp hay công nghiệp hoá việc sản xuất. Cách mạng công nghiệp đã làm cho sản xuất phát triển nhanh chóng, của cải ngày càng dồi dào. Công nghiệp hoá diễn ra đầu tiên ở Anh, sớm hơn các nước khác khoảng 60 đến 100 năm và trở nên phổ biến ở các nước tư bản chủ nghĩa. Anh từ một nước nông nghiệp trở thành nước công nghiệp phát triển nhất thế giới. Thời bấy giờ, nước Anh được gọi là "công xưởng của thế giới".

- Nêu kết quả của cách mạng công nghiệp ở Anh.

2. Cách mạng công nghiệp ở Pháp, Đức

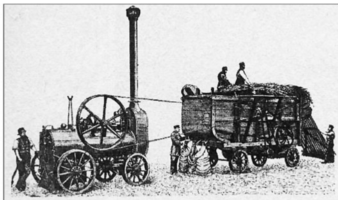
Ở Pháp, cách mạng công nghiệp bắt đầu từ năm 1830. Trong 20 năm (1830 - 1850), các ngành sản xuất của Pháp tăng lên nhiều.

Sản lượng gang, sắt tăng 3 lần, độ dài đường sắt tăng 100 lần (từ 30 km lên đến 3000 km). Giữa thế kỉ XIX, Pháp có trên 5000 máy hơi nước, đến năm 1870 - khoảng 27 000 chiếc.

Nước Pháp hoàn thành cách mạng công nghiệp, kinh tế phát triển, đứng thứ hai sau Anh, hơn hẳn các nước khác trên lục địa châu Âu.

Ở Đức, tuy đất nước chưa thống nhất nhưng cách mạng công nghiệp vẫn diễn ra vào những năm 40 của thế kỉ XIX. Trong những năm 1850 - 1860, kinh tế phát triển với tốc độ nhanh và đạt được nhiều kết quả.

Sản lượng than, sắt, thép và độ dài đường sắt tăng từ 2 đến 3 lần, số máy hơi nước tăng 6 lần. Nhờ tiếp thu những thành tựu khoa học - kĩ thuật mới, công nghiệp hoá chất, công nghiệp luyện kim phát triển và có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế Đức.



Hình 16. Máy móc trong nông nghiệp

Máy móc cũng được sử dụng trong nông nghiệp. Trên đồng ruộng của các nước tiến hành cách mạng công nghiệp đã xuất hiện máy cày, máy bừa, máy gặt đập. Đồng thời, phân bón hoá học được sử dụng rộng rãi, làm tăng năng suất cây trồng.

- ***Sự phát triển của cách mạng công nghiệp ở Pháp, Đức được thể hiện ở những mặt nào ?***

3. Hệ quả của cách mạng công nghiệp

Cách mạng công nghiệp đã làm thay đổi bộ mặt của các nước tư bản : nhờ phát minh máy móc, nhiều khu công nghiệp lớn, nhiều thành phố mọc lên, thu hút dòng người từ nông thôn đến tìm việc làm.



Hình 17. Lược đồ nước Anh giữa thế kỉ XVIII



Hình 18. Lược đồ nước Anh nửa đầu thế kỉ XIX

- ***Quan sát hai lược đồ trên, em hãy nêu những biến đổi ở nước Anh sau khi hoàn thành cách mạng công nghiệp.***

Về mặt xã hội, hệ quả quan trọng nhất của cách mạng công nghiệp là hình thành hai giai cấp cơ bản của xã hội tư bản : giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.

Do nắm được kinh tế, giai cấp tư sản thống trị xã hội. Giai cấp vô sản là những người lao động làm thuê, bị áp bức, bóc lột. Ngay từ đầu họ đã đứng lên đấu tranh chống lại ách áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản với các hình thức : đập phá máy móc, nêu yêu cầu về quyền lợi, khởi nghĩa vũ trang.

II - CHỦ NGHĨA TƯ BẢN XÁC LẬP TRÊN PHẠM VI THẾ GIỚI

1. Các cuộc cách mạng tư sản thế kỉ XIX

Sang thế kỉ XIX, do sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế tư bản chủ nghĩa, phong trào dân tộc dân chủ ở các nước châu Âu và châu Mĩ ngày càng dâng cao, tấn công mạnh mẽ vào thành trì của chế độ phong kiến.

Do tác động của Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ và Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII, nhân lúc thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha đang suy yếu, các thuộc địa của hai nước này ở khu vực Mĩ La-tinh đã nổi dậy đấu tranh giành độc lập, dẫn đến sự ra đời của một loạt quốc gia tư sản mới.

- ***Quan sát lược đồ, lập bảng thống kê các quốc gia tư sản ở khu vực Mĩ La-tinh theo thứ tự niên đại thành lập.***



Hình 19. Lược đồ khu vực Mĩ La-tinh đầu thế kỉ XIX



Hình 20. Lược đồ cách mạng 1848 - 1849 ở châu Âu

Ở châu Âu, tháng 7 - 1830 phong trào cách mạng tư sản lại nổ ra ở Pháp, lật đổ nền thống trị của triều đại Buốc-bông (từng bị lật đổ trong cách mạng 1789, được phục hồi từ năm 1815). Sau đó, cách mạng lan nhanh sang các nước Bỉ, Đức, I-ta-li-a, Ba Lan, Hi Lạp ...

Trong những năm 1848 - 1849, cách mạng tư sản diễn ra sôi nổi ở nhiều nước châu Âu. Những cuộc cách mạng này đã củng cố sự thắng lợi của chủ nghĩa tư bản ở Pháp, làm rung chuyển chế độ phong kiến ở Đức, I-ta-li-a và đế quốc Áo - Hung.

Ở Đức, I-ta-li-a, nhiệm vụ của cách mạng là thống nhất đất nước, mở đường cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển. Các dân tộc trong đế quốc Áo - Hung như Hung-ga-ri, Séc, Slô-va-ki-a, Ru-ma-ni, Ba Lan, các dân tộc trên bán đảo Ban-căng,... đấu tranh đòi giải quyết vấn đề dân tộc, thành lập các quốc gia độc lập.



Hình 21. Khởi nghĩa tháng 2 - 1848 ở Pa-ri

Mười năm sau cách mạng 1848 - 1849, cơn bão táp cách mạng mới lại bùng lên ở châu Âu.

Từ năm 1859 đến năm 1870, dưới sự lãnh đạo của tư sản mà đại diện là Ca-vua - một quý tộc tư sản hoá, 7 quốc gia ở bán đảo I-ta-li-a đã thống nhất thành Vương quốc I-ta-li-a. Trong sự nghiệp thống nhất này, quần chúng nhân dân, dưới sự lãnh đạo của người anh hùng dân tộc Ga-ri-ban-đi, đã đóng vai trò quan trọng.



Hình 22. Đoàn quân Ga-ri-ban-đi tiến vào Pa-léc-mô ngày 27-5-1860

Cùng thời gian đó, từ năm 1864 đến đầu năm 1871, nước Đức được thống nhất từ 38 quốc gia lớn nhỏ bằng các cuộc chiến tranh chinh phục dưới sự lãnh đạo của quý tộc quân phiệt Phổ, đứng đầu là Thủ tướng Bi-xmác.



Hình 23. Lễ tuyên bố thống nhất Đức tháng 1 - 1871 tại Cung điện Véc-xai

Ở Nga, dưới áp lực các cuộc bạo động của nông nô, diễn ra dồn dập trong những năm 1858 - 1860, tháng 2 - 1861 Nga hoàng ban bố "Sắc lệnh giải phóng nông nô". Cuộc cải cách có tính chất tư sản này, dù rất hạn chế, đã mở đường cho nước Nga chuyển nhanh sang chủ nghĩa tư bản.

- ***Lập niên biểu các cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu trong những năm 60 của thế kỉ XIX. Những cuộc cách mạng tư sản này đưa đến những kết quả gì ?***

2. Sự xâm lược của tư bản phương Tây đối với các nước Á, Phi

Trong thời kì cách mạng công nghiệp, kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Anh và Pháp phát triển nhanh chóng làm tăng nhu cầu tranh giành thị trường, đẩy mạnh việc xâm lược các nước ở phương Đông, đặc biệt là Ấn Độ, Trung Quốc và khu vực Đông Nam Á.

Ấn Độ từ lâu là nơi tranh chấp giữa Anh và Pháp. Cuối thế kỉ XVIII, Pháp phải để cho Anh độc chiếm Ấn Độ.

Năm 1840, Anh gây ra cuộc Chiến tranh thuốc phiện với triều đình Mãn Thanh, mở đầu sự xâm chiếm Trung Quốc. Sau đó, các nước khác như Mĩ, Pháp, Đức... đua nhau xâu xé Trung Quốc, biến Trung Quốc thành nước nửa thuộc địa.

Đông Nam Á nằm giữa Ấn Độ và Trung Quốc, tiếp giáp với Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, có một vị trí chiến lược quan trọng và giàu tài nguyên, nên sớm bị tư bản phương Tây nhòm ngó. Phi-líp-pin đã là thuộc địa của Tây Ban Nha từ thế kỉ XVI. Quần đảo In-đô-nê-xi-a bị Hà Lan xâm lược từ thế kỉ XVI - XVII. Năm 1824, Anh bắt đầu xâm lược Miến Điện (1) ; đến cuối thế kỉ XIX, hoàn thành công cuộc chinh phục nước này. Mã Lai (2) cũng rơi vào tay Anh. Việt Nam, Cam-pu-chia, Lào lần lượt bị Pháp đô hộ. Xiêm (3) trở thành nơi tranh chấp thế lực giữa các nước Anh và Pháp.

Châu Phi vào nửa đầu thế kỉ XIX còn là một lục địa bí hiểm đối với các nước tư bản phương Tây. Các nước này mới đặt được một số căn cứ thương mại ở ven biển. Riêng Anh có thuộc địa Kếp ở Nam Phi, Pháp có thuộc địa An-giê-ri ở Bắc Phi. Đến nửa sau thế kỉ XIX, thực dân phương Tây mới tìm cách đi sâu vào đất liền.

"Vì luôn luôn bị thúc đẩy bởi nhu cầu về những nơi tiêu thụ sản phẩm, giai cấp tư sản xâm lấn khắp toàn cầu. Nó xâm nhập vào khắp nơi, trụ lại ở khắp nơi và thiết lập những mối liên hệ khắp nơi. Nó buộc tất cả các dân tộc phải thực hành phương thức sản xuất tư bản, nếu không sẽ bị tiêu diệt ; nó buộc tất cả các dân tộc phải du nhập cái gọi là văn minh, nghĩa là phải trở thành tư sản. Nói tóm lại, nó tạo ra cho nó một thế giới theo hình ảnh của nó".

(Mác, Ăng-ghen - *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*)

Kết quả là, hầu hết các nước châu Á, châu Phi lần lượt trở thành thuộc địa hoặc phụ thuộc của thực dân phương Tây.

- ***Vì sao các nước tư bản phương Tây đẩy mạnh việc xâm chiếm thuộc địa ?***

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Những sự kiện nào chứng tỏ đến giữa thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản đã thắng lợi trên phạm vi toàn thế giới ?
2. Dùng lược đồ thế giới, đánh dấu các nước ở châu Á, châu Phi đã trở thành thuộc địa (của nước thực dân nào ?).

(1) Nay là Mi-an-ma.
(2) Nay là Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po.
(3) Nay là Thái Lan.

Bài 4

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA MÁC

Phong trào đấu tranh của công nhân vào nửa đầu thế kỉ XIX có những bước tiến mới. Trên cơ sở phong trào công nhân, chủ nghĩa Mác ra đời với "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" có ý nghĩa rất quan trọng.

I - PHONG TRÀO CÔNG NHÂN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

1. Phong trào đập phá máy móc và bãi công

Cùng với sự phát triển công nghiệp, giai cấp công nhân hình thành sớm ở Anh, rồi ở các nước khác. Lòng tham lợi nhuận, sự bóc lột nặng nề của giai cấp tư sản đã làm cho tình cảnh công nhân vô cùng khốn khổ. Họ phải làm việc từ 14 đến 16 giờ mỗi ngày trong những điều kiện lao động vất vả để nhận đồng lương chết đói. Đàn bà, trẻ em cũng phải làm việc nặng, lương thấp hơn đàn ông. Điều kiện ăn ở rất tồi tàn.



Hình 24. Lao động trẻ em trong hầm mỏ ở Anh

Năm 1833, một "công nhân" nhỏ tuổi đã kể :

"Tôi năm nay 12 tuổi, đã làm việc trong xưởng dệt từ năm ngoái. Bình quân mỗi ngày làm việc 12 giờ 30 phút. Thỉnh thoảng còn phải làm thêm giờ".

Một người khác kể :

"Tôi đã làm việc hai năm ở đây, từ lúc 12 tuổi ; hằng ngày phải làm việc 16 giờ. Giờ đây tôi không chịu được nữa, bị ốm nên đã đề nghị rút xuống 12 giờ. Ông chủ bảo tôi : Nếu vậy thì mày ra khỏi nhà máy, đừng quay lại nữa".

- ***Vì sao giới chủ lại thích sử dụng lao động trẻ em ?***

Vào cuối thế kỉ XVIII, phong trào đập phá máy móc và đốt công xưởng nổ ra mạnh mẽ ở Anh. Đầu thế kỉ XIX, phong trào này lan ra các nước khác như Pháp, Bỉ, Đức. Công nhân còn đấu tranh bằng hình thức bãi công, đòi tăng lương, giảm giờ làm.

- ***Vì sao trong cuộc đấu tranh chống tư sản, công nhân lại đập phá máy móc ?***

Trong quá trình đấu tranh, giai cấp công nhân đã thành lập *các công đoàn.*

Công đoàn là tổ chức nghề nghiệp của công nhân, có nhiệm vụ đoàn kết, tổ chức họ đấu tranh đòi quyền lợi cho mình, như đòi tăng lương, giảm giờ làm, cải thiện điều kiện làm việc (vệ sinh môi trường, an toàn lao động...), giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn (ốm đau, tai nạn, thất nghiệp)...

2. Phong trào công nhân trong những năm 1830 - 1840

Từ những năm 30 - 40 của thế kỉ XIX, giai cấp công nhân đã lớn mạnh, tiến hành đấu tranh chính trị, trực tiếp chống lại giai cấp tư sản.

Năm 1831, công nhân dệt tơ thành phố Li-ông (Pháp) khởi nghĩa đòi tăng lương, giảm giờ làm và đòi thiết lập chế độ cộng hoà. Tinh thần đấu tranh của họ thể hiện qua khẩu hiệu viết trên lá cờ "Sống trong lao động, chết trong chiến đấu". Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp. Năm 1834, thợ tơ Li-ông lại khởi nghĩa, đã chiến đấu quyết liệt với quân chính phủ trong bốn ngày.

Năm 1844, công nhân dệt vùng Sơ-lê-din (Đức) khởi nghĩa, chống sự hà khắc của chủ xưởng và điều kiện lao động tồi tệ. Cuộc khởi nghĩa chỉ cầm cự được ba ngày rồi bị đàn áp đẫm máu.

Từ năm 1836 đến năm 1847, một phong trào công nhân rộng lớn, có tổ chức, đã diễn ra ở Anh, đó là "Phong trào Hiến chương".



Hình 25. Công nhân Anh đưa Hiến chương đến Quốc hội

Hình thức đấu tranh của phong trào này là mít tinh, biểu tình đưa kiến nghị (có hàng triệu chữ kí) đến Quốc hội đòi quyền phổ thông bầu cử, tăng lương, giảm giờ làm cho người lao động. Phong trào cuối cùng bị dập tắt nhưng đã tỏ rõ tính chất quần chúng rộng lớn, tính tổ chức và mục tiêu chính trị rõ nét.

Những cuộc đấu tranh của công nhân Pháp, Đức, Anh nêu trên cuối cùng đều bị thất bại vì thiếu tổ chức lãnh đạo vững vàng và chưa có đường lối chính trị đúng đắn, nhưng đã đánh dấu sự trưởng thành của phong trào công nhân quốc tế và tạo tiền đề cho sự ra đời của lí luận cách mạng.

- ***Trình bày các sự kiện chủ yếu về phong trào công nhân trong những năm 1830 - 1840.***
- ***Nêu kết cục phong trào đấu tranh của công nhân ở các nước châu Âu trong nửa đầu thế kỉ XIX.***

II - SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA MÁC

1. Mác và Ăng-ghen

Các Mác sinh năm 1818 trong một gia đình trí thức gốc Do Thái ở thành phố Tơ-ri-ơ (Đức). Từ nhỏ, Mác nổi tiếng thông minh ; năm 23 tuổi đỗ Tiến sĩ triết học.

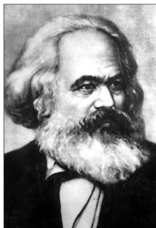
Mác vừa nghiên cứu khoa học, vừa cộng tác với các báo có khuynh hướng cách mạng. Bị trục xuất khỏi Đức, năm 1843 Mác sang Pa-ri tiếp tục nghiên cứu và tham gia phong trào cách mạng ở Pháp.

Trong những bài viết của mình, Mác kết luận : Giai cấp vô sản được vũ trang bằng lí luận cách mạng sẽ đảm đương sứ mệnh lịch sử giải phóng loài người khỏi ách áp bức bóc lột.

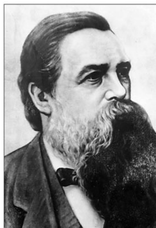
Phri-đrích Ăng-ghen sinh năm 1820 trong một gia đình chủ xưởng giàu có ở thành phố Bác-men, thuộc vùng công nghiệp phát triển nhất của Đức thời đó. Hiểu rõ thủ đoạn làm giàu của giai cấp tư sản, ông tỏ ra khinh ghét chúng. Năm 1842, ông sang Anh và đi sâu tìm hiểu nỗi khổ của những người công nhân, công bố nhiều bài viết, trong đó có cuốn *Tình cảnh giai cấp công nhân Anh*.

Ăng-ghen cho rằng giai cấp vô sản không chỉ là nạn nhân của chủ nghĩa tư bản mà còn là một lực lượng có thể đánh đổ sự thống trị của giai cấp tư sản và tự giải phóng khỏi mọi xiềng xích.

- ***Nêu điểm giống nhau trong tư tưởng của Mác và Ăng-ghen.***



Hình 26. C.Mác (1818 - 1883)



Hình 27. Ph. Ăng-ghen (1820 - 1895)

Năm 1844, Ăng-ghen từ Anh sang Pháp và gặp Mác ; từ đó bắt đầu một tình bạn lâu dài, bền chặt và cảm động giữa hai nhà lí luận cách mạng lỗi lạc.

2. "Đồng minh những người cộng sản" và "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản"


Manifest
der
Kommunistischen Partei.

Veröffentlicht im Februar 1848.

Proletarier aller Länder vereinigt euch.

London.

Hình 28. Trang bìa *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, xuất bản lần đầu tiên ở Anh tháng 2 - 1848

Trong thời gian ở Anh, Mác và Ăng-ghen liên hệ với một tổ chức bí mật của công nhân Tây Âu là "Đồng minh những người chính nghĩa" và cải tổ thành "Đồng minh những người cộng sản". Đây là chính đảng độc lập đầu tiên của vô sản quốc tế. Hai ông được uỷ nhiệm soạn thảo cương lĩnh của Đồng minh. Tháng 2 - 1848, cương lĩnh được công bố ở Luân Đôn dưới hình thức một bản tuyên ngôn - ***Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản***.

Tuyên ngôn gồm có Lời mở đầu và bốn chương. Lời mở đầu nêu mục đích, nguyện vọng của những người cộng sản.
Tuyên ngôn nêu rõ quy luật phát triển của xã hội loài người là sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Tuyên ngôn nhấn mạnh vai trò của giai cấp vô sản là lực lượng lật đổ chế độ tư bản và xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa.
Tuyên ngôn kết thúc bằng lời kêu gọi : "Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại !".

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là văn kiện quan trọng của chủ nghĩa xã hội khoa học, bao gồm những luận điểm cơ bản về sự phát triển của xã hội và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- ***"Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" ra đời trong hoàn cảnh nào ? Nội dung chủ yếu của nó.***

3. Phong trào công nhân từ năm 1848 đến năm 1870 - Quốc tế thứ nhất

Trong những năm cách mạng 1848 - 1849, giai cấp công nhân nhiều nước ở châu Âu đã đứng lên đấu tranh quyết liệt chống áp bức bóc lột. Ngày 23 - 6 - 1848, công nhân và nhân dân lao động Pa-ri lại khởi nghĩa, dựng chiến luỹ và chiến đấu anh dũng liên tục trong bốn ngày. Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp đẫm máu, nhưng - như Mác nhận định, "đây là trận đánh lớn đầu tiên giữa hai giai cấp phân chia xã hội hiện nay".

Ở Đức, công nhân và thợ thủ công cũng nổi dậy. Sợ hãi trước phong trào quần chúng, tư sản Đức không quyết liệt đấu tranh chống thế lực phong kiến. Tuy vậy, phong trào cách mạng vẫn tiếp tục phát triển.

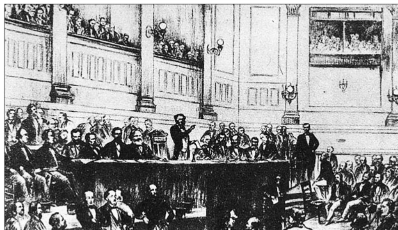
Từ sau cách mạng 1848 - 1849 đến năm 1870, chế độ tư bản đạt được sự thắng lợi đối với chế độ phong kiến trên phạm vi thế giới. Tuy thành quả cách mạng rơi vào tay giai cấp tư sản, song công nhân cũng đã trưởng thành trong đấu tranh, nhận thức rõ hơn về vai trò giai cấp mình và tinh thần đoàn kết quốc tế của công nhân.

- ***Phong trào công nhân từ sau cách mạng 1848 - 1849 đến năm 1870 có nét gì nổi bật ?***

Ngày 28 - 9 - 1864, trong cuộc mít tinh lớn ở Luân Đôn có đại biểu công nhân nhiều nước tham gia, Hội Liên hiệp lao động quốc tế được thành lập (sau đi vào lịch sử với tên gọi *Quốc tế thứ nhất*). Mác là đại biểu của công nhân Đức, được cử vào Ban lãnh đạo và trở thành linh hồn của Quốc tế thứ nhất.

Từ khi thành lập đến năm 1870, Quốc tế thứ nhất vừa tiến hành truyền bá học thuyết Mác, vừa đóng vai trò trung tâm thúc đẩy phong trào công nhân quốc tế.

Năm 1868, ở Anh nổ ra cuộc bãi công lớn, chủ tư bản Anh định đưa công nhân Pháp sang làm việc nhằm làm thất bại cuộc bãi công. Do sự thuyết phục của Quốc tế thứ nhất, công nhân Pháp đã từ chối sang Anh làm việc. Cuối cùng, cuộc bãi công của công nhân Anh thắng lợi.



Hình 29. Quang cảnh buổi lễ thành lập Quốc tế thứ nhất

Trong những năm 1868 - 1869, công nhân mỏ ở Bỉ đã liên tục bãi công ; chính phủ Bỉ ra lệnh khủng bố, tàn sát nhiều người. Quốc tế thứ nhất đã kêu gọi công nhân các nước quyên góp, ủng hộ công nhân Bỉ.

- ***Nêu vai trò của C. Mác trong việc thành lập Quốc tế thứ nhất.***

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Trình bày đôi nét về tiểu sử (hoặc giới hạn ở công lao, tình bạn) của C. Mác và Ph. Ăng-ghen.
2. Trình bày vai trò của Quốc tế thứ nhất đối với phong trào công nhân quốc tế.

Chương II

CÁC NƯỚC ÂU - MĨ CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

Bài 5
CÔNG XÃ PA-RI 1871

Nước Pháp bại trận, mâu thuẫn giai cấp càng sâu sắc. Công xã Pa-ri ra đời, trở thành nhà nước kiểu mới và có ý nghĩa lịch sử to lớn.

I - SỰ THÀNH LẬP CÔNG XÃ

1. Hoàn cảnh ra đời của Công xã

Nhằm giảm nhẹ các mâu thuẫn trong nước và ngăn cản quá trình thống nhất nước Đức, Pháp tuyên chiến với Phổ [1].

Năm 1870, chiến tranh Pháp - Phổ nổ ra trong điều kiện không có lợi cho Pháp.

Trái với Phổ, quân Pháp chưa chuẩn bị chu đáo để tham gia chiến tranh : quân đội chưa được huấn luyện kĩ càng, thiếu sự chỉ huy thống nhất, thiếu vũ khí, trang thiết bị, ngay cả kế hoạch tác chiến cũng không có.

Ngày 2 - 9 - 1870, Hoàng đế nước Pháp là Na-pô-lê-ông III cùng toàn bộ quân chủ lực gồm 10 vạn người bị quân Phổ bắt làm tù binh tại thành Xơ-đăng (gần biên giới Pháp - Bỉ).

(1) Thời đó, Phổ là vương quốc lớn nhất ở Đức, có lực lượng quân sự hùng mạnh và hiếu chiến, giữ vai trò chủ đạo trong chiến tranh với Pháp.

Được tin đó, ngày 4 - 9 - 1870, nhân dân Pa-ri, phần lớn là công nhân và tiểu tư sản, đã đứng lên khởi nghĩa, lật đổ chính quyền Na-pô-lê-ông III, đòi thành lập chế độ cộng hoà và bảo vệ "Tổ quốc lâm nguy". Chính phủ lâm thời tư sản được thành lập, mang tên "Chính phủ vệ quốc".

Theo đà chiến thắng, quân Phổ tiến sâu vào đất Pháp và bao vây Pa-ri. Chính phủ tư sản vội vã xin đình chiến. Bất chấp thái độ đầu hàng và hành động đàn áp phong trào đấu tranh của chính phủ tư sản, nhân dân Pa-ri kiên quyết chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

- ***Thái độ của "Chính phủ vệ quốc" và của nhân dân Pháp trước tình hình đất nước sau ngày 4 - 9 - 1870 như thế nào ?***

2. Cuộc khởi nghĩa ngày 18 - 3 - 1871. Sự thành lập Công xã

Mâu thuẫn giữa chính phủ tư sản đóng ở Véc-xai với nhân dân Pa-ri (do Uỷ ban Trung ương Quốc dân quân chỉ huy) ngày càng tăng. Chi-e - người nắm vai trò quyết định trong chính phủ mới, ra lệnh tước vũ khí của Quốc dân quân, hòng bắt hết các uỷ viên của Uỷ ban Trung ương.

Ba giờ sáng 18 - 3 - 1871, Chi-e cho quân đánh úp đồi Mông-mác (Bắc Pa-ri), nơi tập trung đại bác của Quốc dân quân, nhưng gặp phải sự phản kháng mạnh mẽ của nhân dân. Công nhân Pa-ri và gia đình họ kéo đến ngày càng đông để hỗ trợ cho các chiến sĩ Quốc dân quân. Quân Chi-e bị vây chặt. Bọn chỉ huy điên cuồng ra lệnh bắn vào nhân dân nhưng binh lính không tuân lệnh. Họ ngả về phía nhân dân, tước vũ khí của chúng.

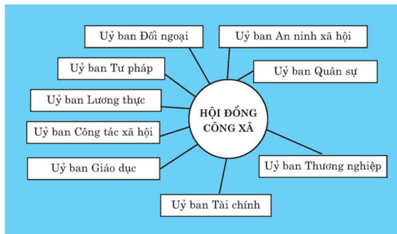
Âm mưu chiếm đồi Mông-mác của Chi-e bị thất bại. Chiến sự cũng diễn ra ở các nơi khác với thắng lợi của Quốc dân quân. Cuộc chiến đấu kết thúc khi nhân dân làm chủ Pa-ri. Quân chính phủ tháo chạy về Véc-xai. Uỷ ban Trung ương Quốc dân quân đảm nhiệm vai trò Chính phủ lâm thời.

Ngày 26 - 3 - 1871, nhân dân Pa-ri tiến hành bầu Hội đồng Công xã theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu. 86 đại biểu đã trúng cử, hầu hết là công nhân và trí thức, đại diện cho nhân dân lao động Pa-ri.

- ***Trình bày diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa ngày 18 - 3 - 1871.***

II - TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHÍNH SÁCH CỦA CÔNG XÃ PA-RI

Cơ quan cao nhất của Nhà nước mới là Hội đồng Công xã, vừa ban bố pháp luật, vừa lập các uỷ ban thi hành pháp luật.



Hình 30. Sơ đồ bộ máy Hội đồng Công xã (tháng 4-1871)

Công xã ra sắc lệnh giải tán quân đội và bộ máy cảnh sát của chế độ cũ, thành lập lực lượng vũ trang và lực lượng an ninh của nhân dân. Công xã đã ban bố và thi hành các sắc lệnh phục vụ quyền lợi của nhân dân :

- Tách nhà thờ khỏi hoạt động của Nhà nước, nhà trường không được dạy kinh Thánh.
- Giao cho công nhân quản lí những xí nghiệp của bọn chủ bỏ trốn.
- Quy định về tiền lương tối thiểu, giảm lao động ban đêm, cấm cúp phạt, đánh đập công nhân.
- Hoãn trả tiền thuê nhà, hoãn trả nợ.
- Quy định giá bán bánh mì.
- Thực hiện chế độ giáo dục bắt buộc, miễn học phí.

Công xã Pa-ri trở thành một Nhà nước kiểu mới.

- ***Những chính sách của Công xã Pa-ri phục vụ quyền lợi cho ai ?***

III - NỘI CHIẾN Ở PHÁP. Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CÔNG XÃ PA-RI

Từ đầu tháng 4, quân Véc-xai bắt đầu tiến công Pa-ri. Đến đầu tháng 5, phần lớn các pháo đài ở phía tây và phía nam bị quân Véc-xai chiếm lại.

Đầu tháng 5 -1871, chính phủ Chi-e kí hoà ước với Đức, cắt cho Đức tỉnh An-dát và một phần tỉnh Lo-ren giàu có, chịu bồi thường 5 tỉ phrăng vàng. Đáp lại, Đức thả 10 vạn tù binh để Chi-e có thêm lực lượng chống lại Công xã.

- *Tại sao Đức ủng hộ Chính phủ Véc-xai trong việc chống lại Công xã Pa-ri ?*

Ngày 20 - 5, quân chính phủ Véc-xai bắt đầu tổng tấn công vào thành phố. Từ đó diễn ra cuộc chiến ác liệt giành giật từng ngôi nhà, góc phố, kéo dài cho đến ngày 28 - 5 - 1871, lịch sử gọi là "Tuần lễ đẫm máu". Nhân dân lao động Pa-ri, kể cả người già, phụ nữ, trẻ em đều tham gia chiến đấu. Trận chiến đấu cuối cùng của các chiến sĩ Công xã diễn ra ở nghĩa địa Cha La-se-dơ ngày 27 - 5.



Hình 31. Cuộc chiến đấu trên chiến luỹ

Tuy chỉ tồn tại 72 ngày, nhưng Công xã Pa-ri có ý nghĩa thực sự lớn lao. Công xã là hình ảnh của một chế độ mới, xã hội mới, là sự cổ vũ nhân dân lao động toàn thế giới trong sự nghiệp đấu tranh cho một tương lai tốt đẹp hơn. Công xã để lại nhiều bài học quý báu : cách mạng vô sản muốn thắng lợi phải có Đảng cách mạng chân chính lãnh đạo, thực hiện liên minh công nông ; phải kiên quyết trấn áp kẻ thù, xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân.

- *Cuộc chiến đấu giữa chiến sĩ Công xã Pa-ri và quân Véc-xai diễn ra như thế nào ?*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Vì sao nhân dân Pa-ri đấu tranh và thành lập Công xã Pa-ri ?
2. Lập niên biểu những sự kiện cơ bản của Công xã Pa-ri.
3. Vì sao nói Công xã Pa-ri là nhà nước kiểu mới ?
4. Trình bày ý nghĩa lịch sử và bài học của Công xã Pa-ri.

Bài 6
CÁC NƯỚC ANH, PHÁP, ĐỨC, MĨ CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền hay chủ nghĩa đế quốc, tiêu biểu là Anh, Pháp, Đức, Mĩ. Tình hình kinh tế, chính sách đối nội, đối ngoại của các nước này có nhiều thay đổi quan trọng.

I - TÌNH HÌNH CÁC NƯỚC ANH, PHÁP, ĐỨC, MĨ

1. Anh

Từ vị trí dẫn đầu thế giới về sản xuất công nghiệp, cuối thế kỉ XIX công nghiệp Anh phát triển chậm hơn các nước Mĩ, Đức. Anh mất dần vị trí độc quyền công nghiệp, xuống hàng thứ ba thế giới.

Nguyên nhân chủ yếu là do công nghiệp ở Anh phát triển sớm, hàng loạt máy móc, trang thiết bị dần dần trở nên lạc hậu. Giai cấp tư sản Anh lại chú trọng đầu tư vào các nước thuộc địa hơn là đầu tư, đổi mới và phát triển công nghiệp trong nước.

- Vì sao giai cấp tư sản Anh chú trọng đầu tư vào các nước thuộc địa ?

Tuy mất vai trò bá chủ thế giới về công nghiệp nhưng Anh vẫn là nước dẫn đầu thế giới về xuất khẩu tư bản, thương mại và thuộc địa. Đầu thế kỉ XX, nhiều công ti độc quyền về công nghiệp và tài chính ra đời, từng bước chi phối toàn bộ đời sống kinh tế của đất nước. Có thế lực nhất là 5 ngân hàng ở Luân Đôn, chiếm 40% số vốn đầu tư của nước Anh.

Về chính trị, Anh vẫn là nước quân chủ lập hiến. Hai đảng - Đảng Tự do và Đảng Bảo thủ, thay nhau cầm quyền, bảo vệ quyền lợi cho giai cấp tư sản.

Đẩy mạnh xâm lược thuộc địa là chính sách ưu tiên hàng đầu của giới cầm quyền ở Anh. Đến năm 1914, khi thế giới đã bị các nước đế quốc chia xong, thuộc địa Anh rộng tới 33 triệu km^2 với 400 triệu người, bằng 1/4 diện tích và 1/4 dân số thế giới, gấp 12 lần thuộc địa của Đức và 3 lần thuộc địa của Pháp.

Lê-nin gọi chủ nghĩa đế quốc Anh là "chủ nghĩa đế quốc thực dân".

Nước Anh có hệ thống thuộc địa rộng lớn, được gọi là "đế quốc mà Mặt Trời không bao giờ lặn", trải dài từ Niu Di-lân, Ô-xtrây-li-a, Ấn Độ, Ai Cập, Xu-đăng, Nam Phi, Ca-na-đa cùng nhiều vùng đất khác ở châu Á, châu Phi và các đảo trên đại dương.

- ***Trình bày nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng tụt hậu về công nghiệp của Anh.***
- ***Nêu đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc Anh.***

2. Pháp

Do hậu quả của chiến tranh Pháp - Phổ (1870 - 1871), nhịp độ phát triển công nghiệp của Pháp chậm lại. Công nghiệp Pháp từ hàng thứ hai thế giới (sau Anh), đến cuối thế kỉ XIX tụt xuống thứ tư (sau Mĩ, Đức, Anh).

Tuy nhiên, vào đầu thế kỉ XX, một số ngành được phát triển : đường sắt, khai mỏ, luyện kim, thương mại. Một số ngành công nghiệp mới ra đời và tăng trưởng rất nhanh : điện khí, hoá chất, chế tạo ô tô... Nông nghiệp vẫn trong tình trạng sản xuất nhỏ, gặp khó khăn trong việc sử dụng máy móc và kĩ thuật canh tác mới. Trong bối cảnh đó, các công ti độc quyền ra đời và dần dần chi phối nền kinh tế Pháp, đặc biệt trong lĩnh vực ngân hàng.

2/3 số tư bản trong nước thuộc về 5 ngân hàng, phần lớn đầu tư ra nước ngoài. Năm 1914, Pháp xuất khẩu 60 tỉ phrăng, trong đó hơn một nửa cho nước Nga vay, còn lại cho Thổ Nhĩ Kì, các nước Cận Đông, Trung Âu và Mĩ La-tinh vay, chỉ có 2 - 3 tỉ đưa vào thuộc địa.

Lê-nin nhận xét chủ nghĩa đế quốc Pháp là "chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi".

Về chính trị, từ sau cách mạng 4 - 9 - 1870, nền Cộng hoà thứ ba(1) ở Pháp được thành lập. Chính phủ cộng hoà thi hành các chính sách đàn áp nhân dân, tích cực chạy đua vũ trang và tăng cường xâm lược thuộc địa.

(1) Nền *Cộng hoà thứ nhất* ra đời trong thời kì cách mạng 1789 ; nền *Cộng hoà thứ hai* ra đời trong cách mạng 1848 - 1849 ở Pháp.

Pháp cũng có hệ thống thuộc địa đứng thứ hai thế giới, bằng 1/3 diện tích thuộc địa của Anh. Đó là các thuộc địa ở châu Phi (An-giê-ri, Tuy-ni-di, Ma-rốc, Ma-đa-ga-xca...), ở châu Á (Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia) và một số đảo trên Thái Bình Dương.

- *Các tổ chức độc quyền ở Pháp ra đời trong điều kiện kinh tế như thế nào ?*
- *Tại sao nói chủ nghĩa đế quốc Pháp là "chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi" ?*

3. Đức

Từ khi đất nước được thống nhất (18 - 1 - 1871), Đức phát triển rất nhanh trên con đường tư bản chủ nghĩa. Sau vài thập niên, Đức vượt Pháp, đuổi kịp rồi vượt Anh, trở thành nước đứng đầu châu Âu, thứ hai thế giới (sau Mĩ) về sản xuất công nghiệp. Năm 1913, sản lượng gang, thép của Đức gấp đôi Anh. Sự phát triển nhanh chóng của Đức là do giành được nhiều quyền lợi từ Pháp sau chiến tranh Pháp - Phổ và ứng dụng những thành tựu mới nhất của khoa học - kĩ thuật vào sản xuất.

Cuối thế kỉ XIX, quá trình tập trung sản xuất, tập trung tư bản đã diễn ra ở Đức, dẫn đến việc hình thành các công ti độc quyền về luyện kim, than đá, điện, hoá chất... chi phối nền kinh tế Đức.

Điển hình là công ti than đá vùng Rai-nơ - Ve-xpha-len thành lập năm 1893, đến năm 1910 đã kiểm soát hơn 50% tổng sản lượng than toàn quốc và 95% sản lượng than vùng Rua (vùng công nghiệp lớn nhất của Đức).

Về chính trị, Đức theo thể chế liên bang. Mặc dù có Hiến pháp, có Quốc hội, Đức vẫn là nhà nước chuyên chế dưới sự thống trị của quý tộc địa chủ và tư sản độc quyền. Nhà nước đó thi hành chính sách đối nội, đối ngoại phản động : đề cao chủng tộc Đức, đàn áp phong trào công nhân, truyền bá bạo lực, tích cực chạy đua vũ trang. Nước Đức tiến sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa khi phần lớn đất đai trên thế giới đã trở thành thuộc địa hoặc nửa thuộc địa của Anh, Pháp. Như "con hổ đói đến bàn tiệc muộn", giới cầm quyền Đức hung hãn đòi dùng vũ lực để chia lại thị trường, chia lại các khu vực ảnh hưởng trên thế giới.

Chủ nghĩa đế quốc Đức là "chủ nghĩa đế quốc quân phiệt, hiếu chiến".

- *Các công ti độc quyền ở Đức ra đời trong điều kiện kinh tế như thế nào ?*
- *Nêu đặc điểm của đế quốc Đức và giải thích.*

4. Mĩ

Trong số các nước công nghiệp tiên tiến, Mĩ có nền kinh tế phát triển mạnh nhất. Trong 30 năm cuối thế kỉ XIX, Mĩ từ vị trí thứ tư (sau Anh, Pháp, Đức) nhảy vọt lên đứng đầu thế giới về sản xuất công nghiệp. Năm 1894, sản phẩm công nghiệp của Mĩ đã gấp đôi Anh và bằng 1/2 các nước Tây Âu gộp lại.

Công nghiệp Mĩ phát triển trong điều kiện thuận lợi : tài nguyên thiên nhiên phong phú, thị trường trong nước không ngừng mở rộng, thu hút hàng chục triệu nhân lực nhập cư của thế giới (nhất là từ châu Âu), ứng dụng khoa học - kĩ thuật và hợp lí hoá sản xuất, lợi dụng nguồn đầu tư của châu Âu và hoàn cảnh hoà bình lâu dài để phát triển kinh tế.

Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, ở Mĩ xuất hiện các công ti độc quyền khổng lồ, có ảnh hưởng rất lớn đến kinh tế, chính trị. Đứng đầu các công ti đó là những ông "vua" như "vua dầu mỏ" Rốc-phe-lơ, "vua thép" Moóc-gan, "vua ô tô" Pho...

Công ti thép của Moóc-gan thành lập năm 1903, kiểm soát 60% sản lượng thép. Công ti còn có 5000 ha mỏ than, 1600 km đường sắt, 100 tàu thuỷ. Công ti dầu mỏ của Rốc-phe-lơ kiểm soát 90% ngành sản xuất dầu mỏ với 70 000 km đường ống dẫn dầu, hàng trăm tàu biển và kho tàng ở trong và ngoài nước, đồng thời có tài sản lớn trong các ngành hơi đốt, điện khí, luyện kim...Hai tập đoàn trên lũng đoạn ngành ngân hàng, nắm trong tay 1/3 số vốn ngân hàng toàn nước Mĩ.

Nông nghiệp cũng đạt được những thành tựu lớn. Nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi (đất đai bao la và màu mỡ), phương thức canh tác hiện đại (trang trại, chuyên canh, cơ giới hoá), Mĩ đã trở thành nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm cho châu Âu.

Chế độ chính trị Mĩ đề cao vai trò Tổng thống do hai đảng - Đảng Cộng hoà và Đảng Dân chủ, thay nhau cầm quyền, thi hành các chính sách đối nội, đối ngoại phục vụ giai cấp tư sản.

Vào những thập niên cuối thế kỉ XIX, khi các nước đế quốc Tây Âu tăng cường xâm chiếm thuộc địa thì Mĩ mải miết khai thác những vùng đất rộng lớn ở miền Trung và miền Tây, mở rộng biên giới đến bờ Thái Bình Dương. Cuối thế kỉ XIX, Mĩ tăng cường bành trướng ở khu vực Thái Bình Dương, gây chiến tranh với Tây Ban Nha để tranh giành thuộc địa, can thiệp vào khu vực Trung, Nam Mĩ bằng sức mạnh của vũ lực và đồng đôla Mĩ.

- *Các công ti độc quyền ở Mĩ hình thành trong tình hình kinh tế như thế nào ?*
- *Tại sao nói Mĩ là xứ sở của các "ông vua công nghiệp" ?*

II - CHUYỂN BIẾN QUAN TRỌNG Ở CÁC NƯỚC ĐẾ QUỐC

1. Sự hình thành các tổ chức độc quyền

Sản xuất công nghiệp phát triển mạnh mẽ làm xuất hiện việc cạnh tranh gay gắt, tập trung sản xuất và tư bản. Các công ti độc quyền lớn hình thành, chi phối đời sống xã hội.

- *Qua tình hình của các nước Anh, Pháp, Đức, Mĩ cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, hãy nêu đặc điểm chung, nổi bật trong sự phát triển kinh tế của các nước đó.*



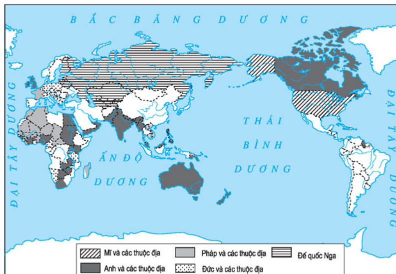
Hình 32. Tranh đương thời nói về quyền lực của các tổ chức độc quyền ở Mĩ (chữ trên mình mãng xà : monopoly - độc quyền)

- *Quan sát hình 32, em hãy cho biết quyền lực của các tổ chức độc quyền ở Mĩ được thể hiện như thế nào ?*

2. Tăng cường xâm lược thuộc địa, chuẩn bị chiến tranh chia lại thế giới

Từ giữa thế kỉ XIX, các nước phương Tây tăng cường xâm lược thuộc địa để đáp ứng những yêu cầu phát triển của chủ nghĩa đế quốc. Đến đầu thế kỉ XX, "thế giới đã bị phân chia xong".

Lược đồ dưới đây thể hiện các nước đế quốc lớn đã chia nhau xâm chiếm các nước nhỏ yếu trên thế giới :



Hình 33. Lược đồ các nước đế quốc và thuộc địa đầu thế kỉ XX

- *Quan sát lược đồ, kết hợp với bản đồ thế giới và các kiến thức đã học, ghi tên các thuộc địa của Anh, Pháp, Đức, Mĩ.*
- *Tại sao các nước đế quốc tăng cường xâm lược thuộc địa ?*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Dưới đây là bảng so sánh về vị trí của các nước Anh, Pháp, Đức, Mĩ trong sản xuất công nghiệp ở hai thời điểm : 1870, 1913. Hãy điền vào ô trống tên các nước như nội dung đã học :

Vị trí / Năm	Thứ nhất	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư
1870				
1913				

2. Nêu mâu thuẫn chủ yếu giữa các đế quốc "già" (Anh, Pháp) với các đế quốc "trẻ" (Đức, Mĩ).
3. Mâu thuẫn đó đã chi phối chính sách đối ngoại của các nước đế quốc như thế nào ?

Bài 7
PHONG TRÀO CÔNG NHÂN QUỐC TẾ CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

Vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, phong trào công nhân quốc tế phát triển, Quốc tế thứ hai ra đời.
Cách mạng Nga 1905 - 1907 bùng nổ, làm suy yếu chế độ Nga hoàng.

I - PHONG TRÀO CÔNG NHÂN QUỐC TẾ CUỐI THẾ KỈ XIX. QUỐC TẾ THỨ HAI

1. Phong trào công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX

Vào 30 năm cuối thế kỉ XIX, trong các nước tư bản Âu - Mĩ, mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản ngày càng trở nên sâu sắc. Giai cấp công nhân đã tiến hành các cuộc đấu tranh chống lại mọi thủ đoạn áp bức của giai cấp tư sản.

Ở Anh, nhiều cuộc bãi công lớn đã nổ ra, đặc biệt là cuộc đấu tranh của công nhân khuân vác Luân Đôn đã buộc chủ phải tăng lương (năm 1889). Ở Pháp, năm 1893 công nhân giành thắng lợi trong cuộc bầu cử Quốc hội. Ở Mĩ, đầu năm 1886 nhiều cuộc bãi công lớn nổ ra trong toàn quốc. Ngày 1 - 5 - 1886, hơn 350 000 công nhân đình công, xuống đường biểu tình đòi ngày làm 8 giờ. Cuộc đình công lan ra trên 11 000 nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ ; đặc biệt là cuộc biểu tình của 40 vạn công nhân Si-ca-gô. Tuy bị đàn áp, nhưng đã có 50 000 người được quyền làm việc 8 giờ/ngày. Từ năm 1889, ngày 1 - 5 trở thành ngày Quốc tế lao động.



Hình 34. Cuộc biểu tình của công nhân Niu Oóc năm 1882

Sự phát triển của phong trào công nhân cùng với ảnh hưởng sâu rộng của chủ nghĩa Mác dẫn tới sự thành lập các tổ chức chính trị độc lập của giai cấp công nhân ở mỗi nước.

- Năm 1875, Đảng Xã hội dân chủ Đức ra đời.
- Năm 1879, Đảng Công nhân Pháp được thành lập.
- Năm 1883, Nhóm Giải phóng lao động Nga hình thành.

- ***Những sự kiện lịch sử nào chứng tỏ phong trào công nhân thế giới vẫn tiếp tục phát triển trong những năm cuối thế kỉ XIX ?***

2. Quốc tế thứ hai (1889 - 1914)

Sự ra đời của những tổ chức công nhân ở các nước đòi hỏi thành lập một tổ chức quốc tế mới thay thế cho Quốc tế thứ nhất.

Ngày 14 - 7 - 1889, kỉ niệm 100 năm ngày phá ngục Ba-xti, gần 400 đại biểu công nhân của 22 nước họp đại hội ở Pa-ri, tuyên bố thành lập *Quốc tế thứ hai*. Đại hội đã thông qua các nghị quyết quan trọng : sự cần thiết phải thành lập chính đảng của giai cấp vô sản ở mỗi nước ; đấu tranh giành chính quyền, đòi ngày làm 8 giờ và lấy ngày 1 - 5 hằng năm làm ngày đoàn kết và biểu dương lực lượng của giai cấp vô sản thế giới.

Hoạt động của Quốc tế thứ hai trải qua hai giai đoạn :
- Giai đoạn một (từ năm1889 đến năm 1895) : Dưới sự lãnh đạo của Ăng-ghen, Quốc tế thứ hai đã có những đóng góp quan trọng vào việc phát triển phong trào công nhân thế giới.
- Giai đoạn hai (từ năm 1895 đến năm 1914) : Sau khi Ăng-ghen từ trần (1895), các đảng trong Quốc tế thứ hai không những xa rời đường lối đấu tranh cách mạng, thoả hiệp với tư sản, không tích cực chống chiến tranh đế quốc, mà còn đẩy quần chúng nhân dân vào những cuộc chiến tranh vì quyền lợi của bọn đế quốc gây chiến.

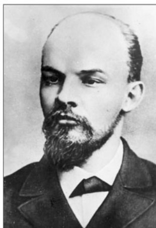
Khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ vào năm 1914, Quốc tế thứ hai đi đến chỗ phân hoá và tan rã. Các nghị quyết, tuyên ngôn chỉ còn là lời nói suông. Trên thực tế, các đảng của Quốc tế thứ hai, trừ Đảng Công nhân xã hội

dân chủ Nga, đều đã ủng hộ chính phủ tư sản đế quốc. Ngọn cờ đấu tranh cho sự nghiệp của giai cấp công nhân, cho sự thắng lợi của chủ nghĩa Mác, từ đây đã thuộc về Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga với lãnh tụ là Lê-nin.

- ***Hoàn cảnh ra đời của Quốc tế thứ hai. Vì sao Quốc tế thứ hai tan rã ?***

II - PHONG TRÀO CÔNG NHÂN NGA VÀ CUỘC CÁCH MẠNG 1905 - 1907

1. Lê-nin và việc thành lập đảng vô sản kiểu mới ở Nga



Hình 35.
V.I. Lê-nin (1870 - 1924)

V. I. Lê-nin(1) sinh ngày 22 - 4 - 1870 trong một gia đình nhà giáo tiến bộ. Ngay từ thời sinh viên, Lê-nin đã tham gia phong trào cách mạng chống Nga hoàng. Năm 1893, Lê-nin đến thủ đô Pê-téc-bua và trở thành người lãnh đạo nhóm công nhân mácxít ở đây. Sau khi bị bắt và bị đày đi Xi-bia, Lê-nin sống ở nước ngoài một thời gian, đến năm 1903 thành lập Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga (2) với Cương lĩnh cách mạng.

(1) V. I. Lê-nin là bí danh hoạt động cách mạng của Vla-đi-mia I-lích U-li-a-nốp.
(2) Đại hội lần I được tiến hành vào năm 1898, nhưng trên thực tế Đại hội lần II (1903) mới được coi là Đại hội thành lập Đảng Công nhân XHDC Nga.

Cương lĩnh khẳng định nhiệm vụ chủ yếu của Đảng là tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, đánh đổ chính quyền của giai cấp tư sản, thành lập chuyên chính vô sản. Trước mắt là đánh đổ chế độ Nga hoàng, thành lập nước cộng hoà, thi hành những cải cách dân chủ, giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

Lê-nin và Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga dần dần trở thành lực lượng lãnh đạo phong trào cách mạng ở Nga.

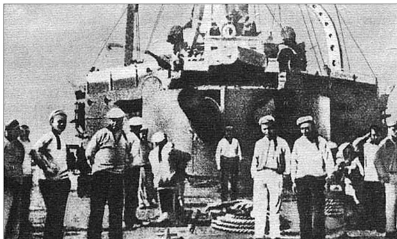
- ***Tìm hiểu và trình bày những nét chính về cuộc đời và hoạt động cách mạng của Lê-nin.***
- ***Những điểm nào chứng tỏ Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga là đảng kiểu mới ?***

2. Cách mạng Nga 1905 - 1907

Đầu thế kỉ XX, nước Nga lâm vào tình trạng khủng hoảng. Nhiều nhà máy bị đóng cửa, số công nhân thất nghiệp ngày càng tăng, tiền lương giảm sút, ngày lao động kéo dài từ 12 đến 14 giờ, điều kiện sống rất tồi tệ. Nhân dân ngày càng chán ghét chế độ Nga hoàng thối nát. Chế độ Nga hoàng lại còn đẩy nước Nga vào cuộc chiến tranh với Nhật Bản (1904 - 1905) để tranh giành thuộc địa. Từ cuối năm 1904, nhiều cuộc bãi công đã nổ ra với các khẩu hiệu "Đả đảo chuyên chế", "Đả đảo chiến tranh", "Ngày làm 8 giờ". Lớn nhất là phong trào của công nhân, nông dân và binh sĩ, diễn ra trong những năm 1905 - 1907.

Ngày chủ nhật 9 - 1 - 1905, 14 vạn công nhân Pê-téc-bua và gia đình không mang theo vũ khí kéo đến trước Cung điện Mùa Đông (cung điện của Nga hoàng) để đưa bản yêu sách lên nhà vua. Nga hoàng Ni-cô-lai II ra lệnh cho quân đội và cảnh sát nổ súng vào đoàn biểu tình. Gần 1000 người chết, 2000 người bị thương. Làn sóng căm phẫn của nhân dân lan ra khắp nơi. Hưởng ứng lời kêu gọi của những người bôn-sê-vích, công nhân nổi dậy cầm vũ khí, dựng chiến luỹ khởi nghĩa. Xung đột đổ máu giữa công nhân và cảnh sát Nga hoàng diễn ra trên các đường phố.

Tháng 5 - 1905, nông dân nhiều vùng nổi dậy, đánh phá dinh cơ của địa chủ phong kiến, thiêu huỷ văn tự, khế ước, lấy của người giàu chia cho người nghèo. Tháng 6 - 1905, thuỷ thủ trên chiến hạm Pô-tem-kin khởi nghĩa. Nhiều đơn vị hải quân, lục quân khác cũng nổi dậy.



Hình 36. Thuỷ thủ tàu Pô-tem-kin

Đỉnh cao của cuộc đấu tranh là khởi nghĩa vũ trang bùng nổ ở Mát-xcơ-va tháng 12 - 1905. Các chiến sĩ cách mạng đã chiến đấu vô cùng anh dũng trong gần hai tuần lễ. Cuối cùng, cuộc khởi nghĩa bị thất bại vì lực lượng quá chênh lệch.

Phong trào đấu tranh trên toàn nước Nga còn kéo dài đến giữa năm 1907 mới chấm dứt.

Tuy thất bại, song Cách mạng Nga 1905 - 1907 đã giáng một đòn chí tử vào nền thống trị của địa chủ và tư sản. Nó làm suy yếu chế độ Nga hoàng và là bước chuẩn bị cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa sẽ diễn ra vào năm 1917. Cách mạng Nga 1905 - 1907 đã có ảnh hưởng đến phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc.

- ***Trình bày nguyên nhân và diễn biến của Cách mạng Nga 1905 - 1907.***

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Nêu một số sự kiện chứng tỏ sự phát triển của phong trào công nhân cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.
2. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng Nga 1905 - 1907.

Bài 8

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KĨ THUẬT, KHOA HỌC, VĂN HỌC VÀ NGHỆ THUẬT THẾ KỈ XVIII - XIX

Trong các thế kỉ XVIII - XIX, những thành tựu về kĩ thuật, khoa học có tác dụng lớn đối với đời sống xã hội loài người. Văn học, nghệ thuật đã giữ vai trò quan trọng trong cuộc đấu tranh vì quyền sống và hạnh phúc của nhân dân.

I - NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU VỀ KĨ THUẬT

Trong lĩnh vực công nghiệp, từ nửa sau thế kỉ XVIII sản xuất bằng máy móc được tiến hành đầu tiên ở Anh, sau đó lan tràn ở các nước Âu - Mĩ, tạo nên cuộc cách mạng công nghiệp.

Kĩ thuật luyện kim được cải tiến làm tăng nhanh sản xuất thép. Cuối thế kỉ XIX, phát minh ra phương pháp sản xuất nhôm nhanh, rẻ. Nhiều máy chế tạo công cụ (máy tiện, máy phay...) ra đời ; nhiều nguồn nhiên liệu mới được sử dụng trong công nghiệp như than đá, dầu mỏ. Sắt trở thành nguyên liệu chủ yếu để chế tạo máy móc, xây dựng đường sắt. Đặc biệt, máy hơi nước được sử dụng rộng rãi.

Việc phát minh ra máy hơi nước cũng làm cho ngành giao thông vận tải tiến bộ nhanh chóng.



Hình 37. Tàu thuỷ Phơn-tơn

Năm 1807, một kĩ sư người Mĩ là Phơn-tơn đóng được tàu thuỷ chạy bằng động cơ hơi nước đầu tiên. Hơn 10 năm sau, một tàu thuỷ đã vượt Đại Tây Dương. Năm 1836, có hơn 500 tàu thuỷ hoạt động ở các hải cảng của Anh.

Đầu máy xe lửa chạy bằng hơi nước được chế tạo ở Anh từ năm 1802, chạy trên đường lát đá. Năm 1814, Xti-phen-xơn - một thợ máy người Anh, đã chế tạo được loại xe lửa chạy trên đường sắt kéo nhiều toa với tốc độ nhanh (8 toa, 6 km/giờ). Năm 1830, cả thế giới mới có 332 km đường sắt ; năm 1870 - độ dài đường sắt đã lên tới khoảng 200 000 km.

Giữa thế kỉ XIX, máy điện tín được phát minh ở Nga và Mĩ. Một người Mĩ là Moóc-xơ sáng chế ra bảng chữ cái cho điện tín gồm những gạch và chấm.

Trong nông nghiệp, cũng có nhiều tiến bộ về kĩ thuật và phương pháp canh tác. Sang thế kỉ XIX, phân hoá học được sử dụng. Máy kéo chạy bằng hơi nước, máy cày nhiều lưỡi, máy gặt đập được sử dụng rộng rãi.

Trong lĩnh vực quân sự, nhiều vũ khí mới được sản xuất : đại bác, súng trường bắn nhanh và xa ; chiến hạm vỏ thép chạy bằng chân vịt có trọng tải lớn ; ngư lôi bắt đầu được sử dụng ; khí cầu dùng để trinh sát trận địa đối phương...

- ***Tại sao nói thế kỉ XIX là thế kỉ của sắt, máy móc và động cơ hơi nước ?***
- ***Nêu những tiến bộ về kĩ thuật trong các lĩnh vực công nghiệp, giao thông vận tải, nông nghiệp và quân sự.***

II - NHỮNG TIẾN BỘ VỀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ KHOA HỌC XÃ HỘI

1. Khoa học tự nhiên

Thế kỉ XVIII - XIX đã chứng kiến những tiến bộ vượt bậc của khoa học tự nhiên với những phát minh lớn của các nhà khoa học. Đầu thế kỉ XVIII, nhà bác học Niu-tơn (Anh) tìm ra thuyết vạn vật hấp dẫn, nhờ đó một loạt vấn đề khoa học được làm sáng tỏ, sâu sắc hơn.

Giữa thế kỉ XVIII, nhà bác học Lô-mô-nô-xốp (Nga) tìm ra định luật bảo toàn vật chất và năng lượng cùng nhiều phát minh lớn về vật lí, hoá học.

Năm 1837, nhà bác học Puốc-kin-giơ (Séc) khám phá bí mật của sự phát triển của thực vật và đời sống của mô động vật. Ông là người đầu tiên chứng minh rằng, đời sống của mô sinh vật là sự phát triển của tế bào và sự phân bào.



Hình 38. I. Niu-tơn (1643 - 1727)

Năm 1859, nhà bác học Đác-uyn (Anh) nêu lên thuyết tiến hoá và di truyền. Học thuyết của Đác-uyn đập tan quan niệm về nguồn gốc thần thánh của sinh vật và về tính chất bất biến của các loài.

Những phát minh lớn trên chứng tỏ rằng vạn vật biến chuyển, vận động theo quy luật ; chúng tấn công mạnh mẽ vào giáo lí thần học cho rằng Thượng đế sinh ra muôn loài.

- ***Nêu những phát minh lớn về khoa học tự nhiên trong các thế kỉ XVIII - XIX.***

2. Khoa học xã hội

Các ngành khoa học xã hội cũng có những bước tiến mạnh mẽ.

Ở Đức, chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng được xây dựng tương đối hoàn thiện với các đại biểu là Phoi-ơ-bách và Hê-ghen.

Ở Anh, chính trị kinh tế học tư sản ra đời với các đại biểu xuất sắc là Xmít và Ri-các-đô.

Chủ nghĩa xã hội không tưởng gắn liền với tên tuổi của Xanh Xi-mông, Phu-ri-ê (Pháp) và Ô-oen (Anh).

Phát minh lớn nhất về khoa học xã hội là học thuyết Chủ nghĩa xã hội khoa học (giữa thế kỉ XIX) do Mác và Ăng-ghen đề xướng. Đây là cuộc cách mạng trong lịch sử tư tưởng của loài người.

- ***Vai trò của khoa học xã hội đối với đời sống xã hội loài người trong các thế kỉ XVIII - XIX.***

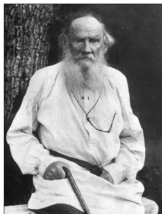
3. Sự phát triển của văn học và nghệ thuật

Văn học và nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII - XIX đạt được những thành tựu to lớn, phục vụ cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến, giải phóng nhân dân bị áp bức.

Ở Pháp, các nhà tư tưởng như Vôn-te, Mông-te-xki-ơ, Rút-xô đã kịch liệt phê phán chế độ phong kiến lỗi thời.
Ở Đức, Si-lơ, Gớt ca ngợi cuộc đấu tranh vì tự do của nhân dân, giải phóng mọi người khỏi ách áp bức của những kẻ giàu có và quyền thế.
Ở Anh, nhà thơ Bai-rơn dùng văn trào phúng làm vũ khí chống bọn cầm quyền và phê phán những bất công trong xã hội.
Trong thế kỉ XIX, nhiều nhà văn tiến bộ còn cố gắng vạch trần bộ mặt thật của xã hội tư bản, châm biếm bọn thống trị phản động, đấu tranh cho tự do, hạnh phúc và chính nghĩa.
Chủ nghĩa hiện thực phê phán xuất hiện và trở thành trào lưu văn học tiến bộ. Tiêu biểu là các nhà văn : Ban-dắc ở Pháp, Thác-cơ-rê, Đích-ken ở Anh, Gô-gôn, Lép Tôn-xtôi ở Nga...



Hình 39. V.A. Mô-da
(1756 - 1791)



Hình 40. Lép Tôn-xtôi
(1828 - 1910)

Trong âm nhạc, nhiều thiên tài xuất hiện như Mô-da (Áo), Bách và Bét-tô-ven (Đức), Sô-panh (Ba Lan), Trai-cốp-xki (Nga)... Các tác phẩm âm nhạc của họ phản ánh cuộc sống, chứa chan tình nhân ái, ca ngợi cuộc đấu tranh cho tự do.

Trong hội hoạ, đã xuất hiện nhiều danh hoạ gắn bó với cách mạng và quần chúng. Tiêu biểu ở Pháp là Đa-vít, Đơ-la-croa, nhất là Cuốc-bê, một hoạ sĩ của dân nghèo đã tham gia Công xã Pa-ri. Ở Tây Ban Nha, Gôi-a được ca ngợi vì những tuyệt tác phê phán bọn phong kiến và Giáo hội, đặc biệt là tranh châm biếm.

- ***Nêu tên những tác giả và tác phẩm tiêu biểu trong các thế kỉ XVIII - XIX.***

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Lập bảng thống kê những thành tựu chủ yếu của kĩ thuật, khoa học, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII - XIX.
2. Vai trò của văn học, nghệ thuật trong cuộc đấu tranh vì quyền sống và hạnh phúc của nhân dân.
3. Bằng những kiến thức đã học, hãy giới thiệu vài nét về một tác giả hay một tác phẩm văn học tiêu biểu trong các thế kỉ XVIII - XIX.

Chương III

CHÂU Á THẾ KỈ XVIII - ĐẦU THẾ KỈ XX

Bài 9
ẤN ĐỘ THẾ KỈ XVIII - ĐẦU THẾ KỈ XX

Ấn Độ là nước sớm bị thực dân Anh xâm lược và đô hộ. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đã diễn ra, song thất bại.

I - SỰ XÂM LƯỢC VÀ CHÍNH SÁCH THỐNG TRỊ CỦA ANH

Từ thế kỉ XVI, thực dân phương Tây đã từng bước xâm nhập vào châu Á, đặc biệt ở Ấn Độ. Sang đầu thế kỉ XVIII, sự tranh giành giữa Anh và Pháp dẫn đến cuộc chiến tranh giữa hai nước này trên đất Ấn Độ. Kết quả là Anh đã gạt Pháp, hoàn thành công cuộc chinh phục và đặt ách thống trị Ấn Độ. Sự thống trị của Anh ở Ấn Độ dẫn đến nhiều hậu quả cho xã hội và nhân dân nước này.

Giá trị lương thực xuất khẩu		Số người chết đói	
Năm	Số lượng	Năm	Số người chết
1840	858 000 livrơ	1825 - 1850	400 000
1858	3 800 000 livrơ	1850 - 1875	5 000 000
1901	9 300 000 livrơ	1875 - 1900	15 000 000

- ***Qua bảng thống kê trên, em có nhận xét gì về chính sách thống trị của thực dân Anh và hậu quả của nó đối với Ấn Độ ?***

II - PHONG TRÀO ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC CỦA NHÂN DÂN ẤN ĐỘ

Nhiều cuộc khởi nghĩa chống Anh của nhân dân Ấn Độ liên tiếp nổ ra, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Xi-pay[1] (1857 - 1859).

Bất mãn trước việc bọn chỉ huy Anh bắt giam những người lính có tư tưởng chống Anh, 60 000 lính Xi-pay cùng nhân dân nổi dậy vũ trang khởi nghĩa. Chẳng bao lâu, cuộc khởi nghĩa lan rộng khắp miền Bắc và một phần miền Trung Ấn Độ. Nghĩa quân đã lập chính quyền ở ba thành phố lớn. Cuộc khởi nghĩa duy trì được hai năm thì bị thực dân Anh dốc toàn lực đàn áp dã man. Nhiều nghĩa quân bị trói vào họng đại bác, rồi bị bắn cho tan xương nát thịt. Cuộc khởi nghĩa Xi-pay tiêu biểu cho tinh thần bất khuất của nhân dân Ấn Độ chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng dân tộc.



Hình 41. Khởi nghĩa Xi-pay

Các phong trào đấu tranh của nông dân và công nhân Ấn Độ trong những năm 1875 - 1885 có tác dụng thúc đẩy giai cấp tư sản Ấn Độ đứng lên chống thực dân Anh. Năm 1885, Đảng Quốc dân Đại hội (gọi tắt là Đảng Quốc đại) - chính đảng của giai cấp tư sản dân tộc Ấn Độ, được thành lập nhằm đấu tranh giành quyền tự trị, phát triển nền kinh tế dân tộc. Trong quá trình hoạt động,

(1) Xi-pay là tên gọi những đội quân người Ấn đánh thuê cho đế quốc Anh.

Đảng Quốc đại đã phân hoá thành hai phái. Phái "Ôn hoà" chủ trương thoả hiệp, chỉ yêu cầu chính phủ thực dân cải cách. Phái "Cấp tiến", do Ti-lắc cầm đầu, có thái độ kiên quyết chống Anh. Tháng 6 - 1908, chính quyền Anh bắt giam Ti-lắc và nhiều chiến sĩ cách mạng khác.

Chính sách thống trị và bóc lột của thực dân Anh cũng dẫn đến cao trào đấu tranh của nhân dân và công nhân Ấn Độ. Năm 1905, nhân dân Ấn Độ tiến hành nhiều cuộc biểu tình rầm rộ chống chính sách "chia để trị" của thực dân Anh đối với xứ Ben-gan. Tháng 7 - 1908, ở Bom-bay công nhân tổ chức nhiều cuộc bãi công chính trị, thành lập các đơn vị chiến đấu, xây dựng chiến luỹ chống lại quân đội Anh. Thực dân Anh đàn áp rất dã man. Các cuộc đấu tranh lần lượt thất bại, song phong trào yêu nước chống thực dân Anh của nhân dân Ấn Độ không bị dập tắt, đặt cơ sở cho thắng lợi sau này.

- *Trình bày diễn biến cuộc khởi nghĩa Xi-pay (1857 - 1859).*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Nêu những hậu quả sự thống trị của Anh ở Ấn Độ.
2. Đảng Quốc đại được thành lập nhằm mục tiêu đấu tranh gì ?
3. Lập niên biểu về phong trào chống Anh của nhân dân Ấn Độ từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.

Bài 10
TRUNG QUỐC GIỮA THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

Quá trình Trung Quốc trở thành nước nửa thuộc địa cũng là quá trình mà các phong trào chống đế quốc và phong kiến của nhân dân Trung Quốc nổ ra rầm rộ vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nổi bật là Cách mạng Tân Hợi năm 1911.

I - TRUNG QUỐC BỊ CÁC NƯỚC ĐẾ QUỐC CHIA XẺ

Trung Quốc là một nước lớn, giàu tài nguyên, có nền văn hoá rực rỡ, nhưng từ nửa sau thế kỉ XIX đã suy yếu vì chế độ phong kiến mục nát. Trong những năm 1840 - 1842, thực dân Anh tiến hành cuộc Chiến tranh thuốc phiện, mở đầu quá trình xâm lược Trung Quốc. Tiếp theo đó, các nước đế quốc Âu, Mĩ và Nhật Bản tranh nhau xâu xé nước này. Trung Quốc ngày càng bị phụ thuộc vào các nước đế quốc.



Hình 42. Các nước đế quốc xâu xé "cái bánh ngọt" Trung Quốc

Sau cuộc chiến tranh Trung - Nhật (1894 - 1895) với sự thất bại của nhà Mãn Thanh, các nước đế quốc tăng cường xâm lược Trung Quốc :

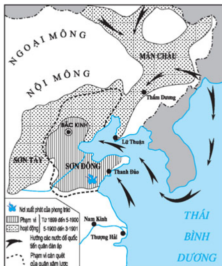
- Đức xâm chiếm tỉnh Sơn Đông.
- Anh chiếm vùng châu thổ sông Dương Tử.
- Pháp thôn tính vùng Vân Nam.
- Nga, Nhật chiếm đóng vùng Đông Bắc.

- ***Vì sao các nước đế quốc tranh nhau xâm chiếm Trung Quốc ?***

II - PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN TRUNG QUỐC CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

Trước nguy cơ xâm lược của các nước đế quốc và sự hèn yếu của nhà Mãn Thanh, từ giữa thế kỉ XIX, nhân dân Trung Quốc đã tiến hành đấu tranh mạnh mẽ chống đế quốc, phong kiến. Tiêu biểu là cuộc kháng chiến chống Anh xâm lược (1840 - 1842) và phong trào nông dân Thái bình Thiên quốc (1851 - 1864).

Cuối thế kỉ XIX, trong hoàn cảnh các nước đế quốc tăng cường xâu xé Trung Quốc, một số người tiến bộ trong giai cấp thống trị Trung Quốc chủ trương tiến hành cải cách chính trị để hòng cứu vãn tình hình. Đó là cuộc vận động Duy tân (1898), do hai nhà nho yêu nước - Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu chủ trương, vua Quang Tự đứng đầu. Cuộc cải cách bị thất bại vì lực lượng của phái Duy tân quá yếu. Từ Hi Thái hậu làm chính biến, ra lệnh trấn áp những người lãnh đạo phái Duy tân.



Hình 43. Lược đồ phong trào Nghĩa Hoà đoàn

Vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, một phong trào nông dân chống đế quốc bùng nổ ở miền Bắc Trung Quốc : phong trào Nghĩa Hoà đoàn.

Bùng nổ ở Sơn Đông, phong trào nhanh chóng lan rộng ra cả vùng Sơn Tây và Đông Bắc Trung Quốc, đồng thời tiến công các sứ quán nước ngoài ở Bắc Kinh.

Liên quân tám nước đế quốc : Anh, Nhật, Mĩ, Đức, Nga, Pháp, Áo-Hung, I-ta-li-a tiến vào Bắc Kinh đàn áp phong trào. Nghĩa Hoà đoàn đã anh dũng chiến đấu chống quân xâm lược, nhưng cuối cùng bị đánh bại vì thiếu sự lãnh đạo thống nhất, thiếu vũ khí và do sự câu kết của triều đình Mãn Thanh với các nước đế quốc.

- ***Dùng lược đồ, trình bày đôi nét về diễn biến của phong trào Nghĩa Hoà đoàn.***

III - CÁCH MẠNG TÂN HỢI (1911)

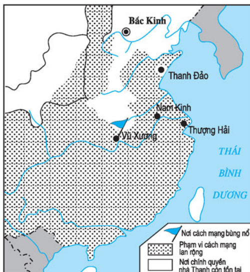
Dựa vào phong trào đấu tranh bền bỉ, liên tục của quần chúng nhân dân, giai cấp tư sản Trung Quốc bắt đầu tập hợp lực lượng và thành lập các hội, các đảng. Đại diện ưu tú nhất cho phong trào cách mạng tư sản Trung Quốc đầu thế kỉ XX là Tôn Trung Sơn. Tháng 8 - 1905, ông thành lập Trung Quốc Đồng minh hội và đề ra Học thuyết Tam dân (Dân tộc độc lập, Dân quyền tự do, Dân sinh hạnh phúc) nhằm "đánh đổ Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập Dân quốc, thực hiện quyền bình đẳng về ruộng đất".



Hình 44. Tôn Trung Sơn (1866 - 1925)

Dưới sự lãnh đạo của Đồng minh hội, cuộc khởi nghĩa vũ trang bùng nổ và giành thắng lợi ở Vũ Xương (10 - 10 - 1911).

Phong trào cách mạng lan rộng nhanh chóng sang tất cả các tỉnh miền Nam từ Quảng Đông, Quảng Tây đến Tứ Xuyên và tiến dần lên miền Bắc. Chính phủ Mãn Thanh chỉ còn giữ mấy tỉnh miền Bắc và cuối cùng bị sụp đổ.



Hình 45. Lược đồ Cách mạng Tân Hợi

Ngày 29 - 12 - 1911, một chính phủ lâm thời được thành lập ở Nam Kinh, tuyên bố thành lập *Trung Hoa dân quốc*. Tôn Trung Sơn được bầu làm Tổng thống lâm thời. Nhưng những người lãnh đạo đã không kiên quyết lại vội vã thương lượng, đưa Viên Thế Khải - vốn là một đại thần nhà Thanh, lên thay Tôn Trung Sơn (tháng 2 - 1912) làm Tổng thống. Cách mạng coi như đã kết thúc.

- Dựa theo lược đồ, trình bày một vài nét chính về diễn biến của Cách mạng Tân Hợi.

Cách mạng Tân Hợi là một cuộc cách mạng tư sản, có ý nghĩa lịch sử rất lớn. Lần đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc, chế độ quân chủ chuyên chế đã bị lật đổ, chế độ cộng hoà ra đời. Cách mạng đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Trung Quốc và có ảnh hưởng đáng kể đối với phong trào giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á.

Cách mạng Tân Hợi cũng còn những hạn chế. Đây là cuộc cách mạng tư sản không triệt để, không nêu vấn đề đánh đuổi đế quốc và không tích cực chống phong kiến. Cuộc cách mạng này mới lật đổ được chế độ quân chủ chuyên chế của nhà Thanh, nhưng chưa đụng chạm đến giai cấp địa chủ phong kiến, không giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.

- Nêu những kết quả và hạn chế của Cách mạng Tân Hợi (1911).

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Trình bày quá trình xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.
2. Lập bảng niên biểu tóm tắt phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc chống đế quốc phong kiến từ năm 1840 đến năm 1911.
3. Trình bày về Tôn Trung Sơn và nội dung Học thuyết Tam dân.
4. Vì sao các phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX lần lượt thất bại ?

Bài 11
CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

Cùng với quá trình xâm lược của các nước thực dân phương Tây ở Đông Nam Á, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc cũng diễn ra sôi nổi tại khu vực này.

I - QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN Ở CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

Các quốc gia Đông Nam Á có vị trí địa lí quan trọng, giàu tài nguyên nên sớm trở thành đối tượng xâm lược của các nước tư bản phương Tây.

Đông Nam Á là một khu vực khá rộng, bao gồm nhiều nước trên lục địa và hải đảo, diện tích khoảng 4,5 triệu km^2, ngày nay có số dân hơn 500 triệu người ; các dân tộc có nền văn hoá truyền thống rực rỡ. Đông Nam Á nằm trên đường hàng hải từ Tây sang Đông, nối liền Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương. Đây là khu vực giàu tài nguyên : lúa gạo, cây hương liệu, động vật, khoáng sản..., có nguồn nhân công rẻ và thị trường tiêu thụ lớn.

Nhân khi chế độ phong kiến ở các nước Đông Nam Á đang suy yếu, vào nửa sau thế kỉ XIX, các nước tư bản phương Tây đã đẩy mạnh các cuộc chiến tranh xâm chiếm thuộc địa.

Thực dân Anh xâm chiếm Mã Lai, Miến Điện ; Pháp chiếm Việt Nam, Cam-pu-chia, Lào ; Tây Ban Nha rồi Mĩ chiếm Phi-líp-pin ; Hà Lan và Bồ Đào Nha thôn tính In-đô-nê-xi-a ; chỉ có Xiêm thoát khỏi tình trạng là nước thuộc địa.

- ***Vì sao khu vực Đông Nam Á trở thành đối tượng xâm lược của các nước tư bản phương Tây ?***

II - PHONG TRÀO ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Ngay khi bị thực dân phương Tây xâm lược, nhân dân các nước Đông Nam Á đã kiên quyết đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc. Tuy vậy, các cuộc kháng chiến lần lượt thất bại vì lực lượng của bọn xâm lược mạnh, chính quyền phong kiến ở nhiều nước đầu hàng, làm tay sai ; cuộc đấu tranh của nhân dân thiếu tổ chức và thiếu lãnh đạo chặt chẽ.



Hình 46. Lược đồ khu vực Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX

Sau khi thôn tính và biến các nước Đông Nam Á thành thuộc địa, thực dân phương Tây đã tiến hành những chính sách cai trị hà khắc : vơ vét, đàn áp, chia để trị.

Tuỳ tình hình cụ thể mà mỗi nước thực dân có chính sách cai trị, bóc lột khác nhau, song nhìn chung là vơ vét tài nguyên đưa về chính quốc, không mở mang công nghiệp ở thuộc địa, tăng các loại thuế, mở đồn điền, bắt lính, đàn áp phong trào yêu nước.

- ***Chính sách thuộc địa của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á có những điểm chung nào nổi bật ?***

Cuộc đấu tranh của nhân dân chống xâm lược, giải phóng dân tộc ở các nước Đông Nam Á phát triển liên tục, rộng khắp.

Ở In-đô-nê-xi-a, vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nhiều tổ chức yêu nước của trí thức tư sản tiến bộ ra đời, thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Từ sau năm 1905, nhiều tổ chức công đoàn được thành lập và bước đầu truyền bá chủ nghĩa Mác vào In-đô-nê-xi-a.

Năm 1905, công đoàn đầu tiên của công nhân xe lửa được thành lập. Năm 1908, Hội liên hiệp công nhân In-đô-nê-xi-a ra đời. Tháng 5 - 1920, Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a thành lập.

Ở Phi-líp-pin, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của thực dân Tây Ban Nha diễn ra quyết liệt. Cuộc cách mạng 1896 - 1898 bùng nổ, dẫn tới sự ra đời nước Cộng hoà Phi-líp-pin, nhưng sau đó lại bị đế quốc Mĩ thôn tính.

Mượn cớ "giúp đỡ" nhân dân Phi-líp-pin chống Tây Ban Nha, Mĩ gây ra cuộc chiến tranh với Tây Ban Nha và sau đó thôn tính nước này. Nhân dân Phi-líp-pin tiếp tục kháng chiến chống Mĩ, song thất bại. Mĩ đưa 70 000 quân đàn áp cuộc đấu tranh của nhân dân Phi-líp-pin, giết hại hơn 60 000 người yêu nước. Phong trào giải phóng dân tộc tạm lắng xuống một thời gian, rồi tiếp tục bùng lên.

- ***Mĩ tiến hành xâm lược Phi-líp-pin như thế nào ?***

Ở Cam-pu-chia, ngay sau khi vua Nô-rô-đôm kí hiệp ước thừa nhận nền đô hộ của Pháp năm 1863, nhiều cuộc khởi nghĩa của nhân dân đã nổ ra. Điển hình là cuộc khởi nghĩa do A-cha Xoa lãnh đạo ở Ta Keo (1863 - 1866) và cuộc khởi nghĩa dưới sự chỉ huy của nhà sư Pu-côm-bô ở Cra-chê (1866 - 1867).

A-cha Xoa lập căn cứ chống Pháp ở vùng Bảy Núi (Châu Đốc, Việt Nam), liên minh với nghĩa quân Thiên hộ Dương.

Pu-côm-bô xây dựng căn cứ ở Tây Ninh, liên kết với nghĩa quân Trương Quyền, Thiên hộ Dương, được nhân dân Việt Nam giúp đỡ, đã đánh thắng quân Pháp nhiều trận.

Ở Lào, đầu thế kỉ XX, nhân dân đã nhiều lần nổi dậy khởi nghĩa chống Pháp. Năm 1901, nhân dân Xa-van-na-khét tiến hành cuộc đấu tranh vũ trang dưới sự lãnh đạo của Pha-ca-đuốc. Cũng năm đó, một cuộc khởi nghĩa khác đã nổ ra ở cao nguyên Bô-lô-ven, lan sang Việt Nam và kéo dài đến năm 1907 mới bị dập tắt.

Ở Miến Điện, cuộc kháng chiến chống thực dân Anh (1885) đã diễn ra rất anh dũng nhưng cuối cùng bị thất bại. Nghĩa quân phải rút vào rừng sâu.

Ở Việt Nam, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra liên tục và quyết liệt. Bên cạnh phong trào Cần vương, làn sóng đấu tranh chống Pháp diễn ra ở khắp nơi, tiêu biểu là phong trào nông dân Yên Thế (1884 - 1913).

Vào đầu thế kỉ XX, do những biến chuyển sâu sắc trong xã hội, phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam mang màu sắc mới.

- *Nêu nhận xét của em về tình hình chung của các nước Đông Nam Á vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Dựa theo lược đồ, trình bày khái quát quá trình xâm lược các nước Đông Nam Á của thực dân phương Tây.
2. Hãy trình bày những nét lớn về phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Đông Nam Á vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX. Tại sao những phong trào này đều thất bại ?
3. Lập niên biểu về cuộc đấu tranh của nhân dân Đông Nam Á vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

Bài 12
NHẬT BẢN GIỮA THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

Đứng trước nguy cơ bị xâm lược, Nhật Bản đã tiến hành cuộc Duy tân Minh Trị , đưa nước này phát triển theo con đường tư bản rồi chuyển sang chủ nghĩa đế quốc.

I - CUỘC DUY TÂN MINH TRỊ

Các nước tư bản phương Tây (Mĩ, Nga, Anh, Pháp...) ngày càng tăng cường can thiệp vào Nhật Bản, đòi "mở cửa". Trước tình hình ấy, Nhật Bản cần có sự lựa chọn : hoặc tiếp tục duy trì chế độ phong kiến mục nát để trở thành miếng mồi cho thực dân phương Tây, hoặc canh tân để phát triển đất nước.

Tháng 1 - 1868, sau khi lên ngôi, Thiên hoàng Minh Trị đã thực hiện một loạt cải cách tiến bộ nhằm đưa Nhật Bản thoát khỏi tình trạng phong kiến lạc hậu. Đó là cuộc Duy tân Minh Trị, được tiến hành trên nhiều lĩnh vực : kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, giáo dục, quân sự.

Về kinh tế : Chính phủ đã thi hành nhiều cải cách như thống nhất tiền tệ, xoá bỏ sự độc quyền ruộng đất của giai cấp phong kiến, tăng cường phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng, đường sá, cầu cống ... phục vụ giao thông liên lạc.

Về chính trị, xã hội : Chế độ nông nô được bãi bỏ, đưa quý tộc tư sản hoá và đại tư sản lên nắm chính quyền ; thi hành chính sách giáo dục bắt buộc, chú trọng nội dung khoa học - kĩ thuật trong chương trình giảng dạy, cử những học sinh ưu tú đi du học ở phương Tây.

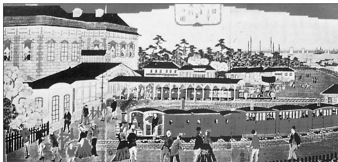
Về quân sự : Quân đội được tổ chức và huấn luyện theo kiểu phương Tây, chế độ nghĩa vụ thay cho chế độ trưng binh. Công nghiệp đóng tàu, sản xuất vũ khí được chú trọng...



Hình 47. Thiên hoàng Minh Trị (1852 - 1912)

Đến cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, Nhật Bản thoát khỏi nguy cơ trở thành thuộc địa, phát triển thành một nước tư bản công nghiệp.

- ***Trình bày nội dung và kết quả của cuộc Duy tân Minh Trị.***



Hình 48. Khánh thành một đoàn tàu ở Nhật Bản

II - NHẬT BẢN CHUYỂN SANG CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC

Sau cuộc chiến tranh Trung - Nhật (1894 - 1895), nhờ số tiền bồi thường và của cải cướp được ở Triều Tiên và Trung Quốc, kinh tế Nhật Bản càng phát triển mạnh mẽ.

Trong 14 năm (từ 1900 đến 1914), tỉ lệ công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân đã tăng từ 19% lên 42%. Việc đẩy mạnh công nghiệp hoá kéo theo sự tập trung trong công nghiệp, thương nghiệp và ngân hàng. Nhiều công ti độc quyền xuất hiện, như Mít-xưi và Mít-su-bi-si, giữ vai trò to lớn, bao trùm lên đời sống kinh tế, chính trị của nước Nhật. Các hãng này làm chủ nhiều ngân hàng, hầm mỏ, xí nghiệp đường sắt, tàu biển...



Hình 49. Lược đồ đế quốc Nhật cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX

Bước sang thế kỉ XX, giới cầm quyền Nhật Bản đã đẩy mạnh chính sách xâm lược và bành trướng. Chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905) kết thúc với sự thất bại của đế quốc Nga.

Như vậy, Nhật chiếm bán đảo Liêu Đông, phía nam đảo Xa-kha-lin, Đài Loan và cảng Lữ Thuận của Trung Quốc. Năm 1914, Nhật Bản đã dùng vũ lực để mở rộng khu vực ảnh hưởng ở Trung Quốc và chiếm Sơn Đông. Thuộc địa của đế quốc Nhật mở rộng rất nhiều.

- *Vì sao kinh tế Nhật Bản từ cuối thế kỉ XIX phát triển mạnh ?*
- *Dựa vào lược đồ, trình bày sự mở rộng thuộc địa của đế quốc Nhật.*

III - CUỘC ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG NHẬT BẢN

Chủ nghĩa tư bản phát triển, nhân dân lao động Nhật Bản càng bị áp bức bóc lột nặng nề. Công nhân Nhật phải làm việc mỗi ngày từ 12 đến 14 giờ trong những điều kiện rất tồi tệ, có hại cho sức khoẻ mà tiền lương lại thấp hơn ở các nước Âu, Mĩ rất nhiều.

Bị bóc lột quá nặng nề, phong trào công nhân Nhật Bản đã có những bước tiến đầu tiên trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản. Một số nghiệp đoàn ra đời. Đảng Xã hội dân chủ Nhật Bản thành lập năm 1901, dưới sự lãnh đạo của Ca-tai-a-ma Xen.

Ca-tai-a-ma Xen xuất thân trong một gia đình nghèo ; năm 23 tuổi làm công nhân ở Tô-ki-ô. Ông tham gia hoạt động trong phong trào công nhân. Năm 1898, ông đã lãnh đạo công nhân đường sắt bãi công thắng lợi sau hàng tháng đấu tranh.

Từ năm 1906, dưới ảnh hưởng của Cách mạng Nga 1905, phong trào công nhân ở Nhật Bản phát triển mạnh hơn. Phong trào đấu tranh chống tô thuế và nạn đất đỏ của nông dân và các tầng lớp lao động khác cũng được đẩy mạnh.

Trong năm 1907, có 57 cuộc bãi công. Ở xưởng đúc vũ khí Ô-xa-ca, hàng vạn công nhân tham gia đấu tranh. Cuộc đấu tranh còn phát triển vào những năm sau đó (năm 1912 có 46 cuộc bãi công, đến năm 1917 tăng lên 398).

- *Em có nhận xét gì về các cuộc đấu tranh của công nhân Nhật Bản vào đầu thế kỉ XX ?*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Nêu nội dung và ý nghĩa cuộc Duy tân Minh Trị 1868.
2. Những sự kiện nào chứng tỏ vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, Nhật Bản đã trở thành nước đế quốc ?

Chương IV

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 - 1918)

Bài 13
CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 - 1918)

Sự phát triển không đều giữa các nước đế quốc cuối thế kỉ XIX- đầu thế kỉ XX đã dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất. Cuộc chiến tranh này kéo dài 4 năm, gây nên những tổn thất vô cùng to lớn.

I - NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN CHIẾN TRANH

Sự phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX đã làm thay đổi sâu sắc so sánh lực lượng giữa các nước đế quốc. Những cuộc chiến tranh đế quốc đầu tiên để tranh giành thuộc địa đã diễn ra.

- Chiến tranh Mĩ - Tây Ban Nha (1898) : Mĩ chiếm Cu-ba và Phi-líp-pin của Tây Ban Nha.
- Chiến tranh Anh - Bô-ơ (1899 - 1902) : Anh thôn tính hai nước của người Bô-ơ, sáp nhập vào Nam Phi.
- Chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905).

Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thuộc địa trở nên gay gắt, dẫn đến sự hình thành hai khối quân sự kình địch nhau : khối *Liên minh* gồm Đức, Áo-Hung, I-ta-li-a ra đời năm 1882 [(1)] ; khối *Hiệp ước* của ba nước Anh, Pháp, Nga hình thành năm 1907. Hai khối này đều ráo riết chạy đua vũ trang và tích cực chuẩn bị chiến tranh, mong muốn thanh toán địch thủ của mình để chia lại thuộc địa, làm bá chủ thế giới.

(1) Về sau, I-ta-li-a rút khỏi khối Liên minh, gia nhập khối Hiệp ước (1915).

Từ năm 1912, tình hình ở bán đảo Ban-căng trở nên căng thẳng. Ngày 28 - 6 - 1914, Thái tử Áo - Hung bị một phần tử khủng bố ở Xéc-bi ám sát. Bọn quân phiệt Đức, Áo - Hung chớp lấy cơ hội này để gây chiến tranh.

- *Vì sao các nước đế quốc ráo riết chuẩn bị Chiến tranh thế giới thứ nhất ?*

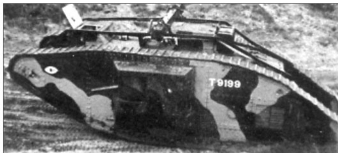
II - NHỮNG DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA CHIẾN SỰ

Ngày 28 - 7 - 1914, Áo - Hung tuyên chiến với Xéc-bi, là nước được khối Hiệp ước ủng hộ. Ngày 1 - 8, Đức tuyên chiến với Nga ; ngày 3 - 8, tuyên chiến với Pháp. Ngày 4 - 8, Anh tuyên chiến với Đức. Chiến tranh bùng nổ và nhanh chóng trở thành chiến tranh thế giới.

1. Giai đoạn thứ nhất (1914 - 1916)

Quân Đức tập trung lực lượng ở mặt trận phía Tây nhằm đánh bại quân Pháp một cách chớp nhoáng. Pa-ri bị uy hiếp. Quân Pháp đang có nguy cơ bị tiêu diệt, song ở mặt trận phía Đông, quân Nga lại tấn công quân Đức, cứu nguy cho Pháp. Từ năm 1916, chiến tranh chuyển sang giai đoạn cầm cự ở cả hai phe.

Thời kì đầu, chiến tranh chỉ diễn ra giữa các khối nước châu Âu, sau đó lôi kéo nhiều nước ở các châu lục khác cùng tham gia. Nhiều loại vũ khí hiện đại được đưa vào sử dụng. Hàng chục triệu nhân dân lao động bị thương vong vì lợi ích của giai cấp thống trị.



Hình 50. Xe tăng, lần đầu tiên được Anh sử dụng trong Chiến tranh thế giới thứ nhất

- *Nêu những nét chính về diễn biến chiến sự trong giai đoạn thứ nhất.*

2. Giai đoạn thứ hai (1917 - 1918)

Từ mùa xuân năm 1917, chiến sự chủ yếu diễn ra ở mặt trận Tây Âu. Phe Hiệp ước phản công, phe Liên minh thất bại và đầu hàng.

Ngày 7 - 11 - 1917, Cách mạng tháng Mười thắng lợi ở Nga, Nhà nước Xô viết rút khỏi chiến tranh.
Tháng 7 - 1918, quân Anh, Pháp bắt đầu phản công và đến tháng 9 -1918, quân Anh, Pháp, Mĩ tổng tấn công ở khắp các mặt trận. Các đồng minh của Đức lần lượt đầu hàng.
Ngày 9 - 11 - 1918, cách mạng bùng nổ ở Đức, lật đổ nền quân chủ và thành lập chế độ cộng hoà.
Ngày 11 - 11 - 1918, chính phủ mới ở Đức đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh thế giới kết thúc với sự thất bại hoàn toàn của phe Đức, Áo - Hung.



Hình 51. Đức kí hiệp định đầu hàng, kết thúc Chiến tranh thế giới thứ nhất

- *Lập niên biểu về giai đoạn thứ hai của cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất.*
- *Sự chuyển biến chiến sự ở giai đoạn này diễn ra như thế nào ?*

III - KẾT CỤC CỦA CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Chiến tranh đã gây nhiều tai hoạ cho nhân loại : 10 triệu người chết, hơn 20 triệu người bị thương. Nhiều thành phố, làng mạc, đường sá, cầu cống, nhà máy bị phá huỷ. Số tiền các nước tham chiến chi phí cho chiến tranh lên tới khoảng 85 tỉ đôla.

Chiến tranh kết thúc đem lại lợi ích cho các nước đế quốc thắng trận. Bản đồ thế giới được chia lại : Đức mất hết thuộc địa ; Anh, Pháp, Mĩ mở rộng thêm thuộc địa của mình.

Trong quá trình chiến tranh, phong trào cách mạng thế giới vẫn không ngừng phát triển, nổi bật là thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga.

- *Từ diễn biến và kết cục của Chiến tranh thế giới thứ nhất, em hãy nêu tính chất của nó.*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Nguyên nhân nào dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất ?
2. Chiến tranh thế giới thứ nhất đã gây nên những hậu quả như thế nào ?
3. Lập bảng niên biểu những sự kiện chính của Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Bài 14
ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI
(Từ giữa thế kỉ XVI đến năm 1917)

I - NHỮNG SỰ KIỆN LỊCH SỬ CHÍNH

Lập bảng thống kê về những sự kiện chính của lịch sử thế giới cận đại (theo mẫu dưới đây) :

Thời gian	Sự kiện	Kết quả
Tháng 8 - 1566	Cách mạng Hà Lan	Lật đổ ách thống trị của Vương quốc Tây Ban Nha

II - NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU

Nội dung lịch sử thế giới cận đại gồm những vấn đề cơ bản sau đây :

- Sự ra đời và phát triển của nền sản xuất mới - tư bản chủ nghĩa ; mâu thuẫn giữa chế độ phong kiến với tư sản và các tầng lớp nhân dân ngày càng gay gắt dẫn tới những cuộc cách mạng tư sản.

Những cuộc cách mạng tư sản đầu tiên - Cách mạng Hà Lan thế kỉ XVI, Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII và Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ thế kỉ XVIII, đưa đến nhiều kết quả có tác động đến sự phát triển xã hội (nêu rõ những kết quả).

Cách mạng tư sản Pháp (1789 - 1794) là cuộc cách mạng tư sản triệt để nhất, có ảnh hưởng lớn đến lịch sử châu Âu, song có hạn chế (giải thích hiện tượng này).

Tiếp đó, nhiều cuộc cách mạng tư sản diễn ra dưới các hình thức khác nhau ở nhiều nước, tuy kết quả không giống nhau, song đều đạt được mục tiêu chung là chủ nghĩa tư bản thắng lợi trên phạm vi thế giới, một số nước phát triển kinh tế chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

- Cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, sự xâm lược của thực dân phương Tây đối với các nước phương Đông được đẩy mạnh (dựa vào bản đồ thế giới, đánh dấu các nước thuộc địa).

  Hậu quả sự thống trị của chế độ thực dân rất nặng nề và phong trào đấu tranh của nhân dân thuộc địa diễn ra sôi nổi (nêu một số dẫn chứng).

- Cuộc đấu tranh của công nhân ở các nước tư bản ngày càng mạnh mẽ (nêu một số cuộc đấu tranh lớn). Chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời. Các tổ chức quốc tế của công nhân được thành lập.

- Văn học, nghệ thuật, khoa học - kĩ thuật phát triển (nêu một số thành tựu tiêu biểu).

- Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) : nguyên nhân, tính chất, diễn biến và kết cục.

III - BÀI TẬP THỰC HÀNH

Thực hiện các loại bài tập - trắc nghiệm khách quan, thực hành, tự luận v.v..., như các câu sau :

1. Em hãy chọn năm sự kiện tiêu biểu nhất của lịch sử thế giới cận đại và giải thích vì sao ?

2. Hãy nêu những nội dung chính của lịch sử thế giới cận đại.

3. Vẽ bản đồ, sưu tầm tài liệu, tranh ảnh về một số sự kiện đã học trong bài.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI
(PHẦN TỪ NĂM 1917 ĐẾN NĂM 1945)

Chương I

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA NĂM 1917 VÀ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ (1921 - 1941)

Bài 15

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA NĂM 1917 VÀ CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ CÁCH MẠNG (1917 - 1921)

Năm 1917, ở nước Nga đã diễn ra hai cuộc cách mạng vào tháng Hai và tháng Mười. Cách mạng tháng Mười và cuộc đấu tranh bảo vệ cách mạng đã giành được thắng lợi, mở ra một thời kì mới cho lịch sử nước Nga và thế giới.

I - HAI CUỘC CÁCH MẠNG Ở NƯỚC NGA NĂM 1917

1. Tình hình nước Nga trước cách mạng

Sau khi cuộc cách mạng dân chủ tư sản 1905 - 1907 thất bại, nước Nga vẫn là một đế quốc quân chủ chuyên chế, đứng đầu là Nga hoàng Ni-cô-lai II. Năm 1914, Nga hoàng đã đẩy nhân dân Nga vào cuộc chiến tranh đế quốc, gây nên những hậu quả nghiêm trọng cho đất nước : kinh tế suy sụp, quân đội thiếu vũ khí và lương thực, liên tiếp thua trận, mất đất... Mọi nỗi khổ đè nặng lên các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là nông dân, công nhân Nga và hơn 100 dân tộc trong đế quốc Nga. Phong trào phản đối chiến tranh, đòi lật đổ chế độ Nga hoàng lan rộng khắp nơi. Chính phủ Nga hoàng ngày càng trở nên bất lực, không còn khả năng tiếp tục thống trị được nữa.

"Không thể chờ đợi và im lặng hơn được nữa... Không có lối thoát nào khác ngoài cuộc đấu tranh của nhân dân... Phải lật đổ chính phủ Nga hoàng để tổ chức nước Cộng hoà dân chủ Nga, thực hiện ngày làm 8 giờ và trao lại toàn bộ ruộng đất cho nông dân". (Trích truyền đơn kêu gọi đấu tranh của Ban chấp hành Đảng bộ Pê-tơ-rô-grát ngày 14 - 2 - 1917).



Hình 52. Những người nông dân Nga đầu thế kỉ XX

- *Nêu những nét chính về tình hình nước Nga vào đầu thế kỉ XX.*

2. Cách mạng tháng Hai năm 1917

Tháng 2 - 1917, một cuộc cách mạng đã bùng nổ ở Nga.

Mở đầu là cuộc biểu tình ngày 23 - 2 (8 - 3)(1) của 9 vạn nữ công nhân ở Pê-tơ-rô-grát (nay là Xanh Pê-téc-bua). Ba ngày sau, cuộc tổng bãi công bắt đầu với sự hưởng ứng của công nhân toàn thành phố. Ngày 27 - 2 (12 - 3), dưới sự lãnh đạo của Đảng Bôn-sê-vích, công nhân đã chuyển từ tổng bãi công chính trị thành khởi nghĩa vũ trang. Binh lính được giác ngộ đã ngả theo cách mạng. Quân khởi nghĩa chiếm các công sở, bắt các tướng tá của Nga hoàng. Chế độ quân chủ chuyên chế đã bị lật đổ.

(1) Ở Nga, trước tháng 3 - 1918 dùng lịch Nga, so với dương lịch chậm hơn 13 ngày. SGK ghi những sự kiện trước tháng 3 - 1918 theo lịch Nga, có ghi chú phần tính theo dương lịch.

Phong trào cách mạng diễn ra trong cả nước ; khắp nơi quần chúng nổi dậy bầu ra các xô viết(1), bao gồm đại biểu công nhân, nông dân và binh lính. Cùng thời gian đó, giai cấp tư sản cũng thành lập Chính phủ lâm thời gồm đại biểu tư sản và đại địa chủ tư sản hoá. Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai đã thắng lợi ở Nga.



Hình 53. Cuộc tổng bãi công ở Pê-tơ-rô-grát (tháng 2 - 1917)

- *Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai đã làm được những việc gì ?*

3. Cách mạng tháng Mười năm 1917

Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai năm 1917 đã lật đổ chế độ Nga hoàng, song cục diện chính trị đặc biệt lại diễn ra ở Nga : hai chính quyền song song tồn tại - Chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản và các xô viết đại biểu công nhân, nông dân và binh lính.

Trước tình hình này, Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích đã chuẩn bị kế hoạch tiếp tục làm cách mạng, dùng bạo lực lật đổ Chính phủ lâm thời, chấm dứt tình trạng hai chính quyền song song tồn tại. Trong lúc đó, Chính phủ lâm thời vẫn theo đuổi cuộc chiến tranh đế quốc, bất chấp sự phản đối mạnh mẽ của quần chúng nhân dân.

(1) Theo tiếng Nga có nghĩa là Uỷ ban.

Đầu tháng 10, không khí cách mạng bao trùm khắp nước Nga. Ngày 7-10 (20-10), Lê-nin bí mật rời Phần Lan về Pê-tơ-rô-grát, trực tiếp chỉ đạo công việc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Những đội cận vệ đỏ được thành lập. Kế hoạch khởi nghĩa được vạch ra cụ thể, chu đáo và được quyết định hết sức nhanh chóng.

Đêm 24 - 10 (6 - 11), Lê-nin đến điện Xmô-nưi trực tiếp chỉ huy cuộc khởi nghĩa. Ngay đêm đó, quân khởi nghĩa đã chiếm được toàn bộ Pê-tơ-rô-grát và bao vây Cung điện Mùa Đông, nơi ẩn náu cuối cùng của Chính phủ tư sản. Đêm 25 - 10 (7 - 11), Cung điện Mùa Đông bị chiếm, các bộ trưởng của Chính phủ bị bắt, Chính phủ lâm thời tư sản sụp đổ hoàn toàn.



Hình 54. Cuộc tấn công Cung điện Mùa Đông

Tiếp đó, khởi nghĩa giành thắng lợi ở Mát-xcơ-va và đến đầu năm 1918, Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười đã giành được thắng lợi hoàn toàn trên đất nước Nga rộng lớn.

- ***Trình bày diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Pê-tơ-rô-grát .***

II - CUỘC ĐẤU TRANH XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ THÀNH QUẢ CÁCH MẠNG. Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA NĂM 1917

1. Xây dựng chính quyền Xô viết

Ngay trong đêm 25 - 10 (7 - 11), Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ hai khai mạc ở điện Xmô-nưi đã tuyên bố thành lập chính quyền Xô viết do Lê-nin đứng đầu và thông qua các sắc lệnh đầu tiên của chính quyền mới : Sắc lệnh hoà bình và Sắc lệnh ruộng đất.

Sắc lệnh hoà bình quy định : "Chính phủ công nông do cuộc cách mạng ngày 24 và 25 - 10 thiết lập và dựa vào các xô viết đại biểu công nhân, binh lính và nông dân, đề nghị với nhân dân tất cả các nước tham chiến và các chính phủ của họ tiến hành ngay những cuộc đàm phán về một hoà ước dân chủ và công bằng...".



Hình 55. Lê-nin tại Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ hai

Sắc lệnh ruộng đất nêu rõ :

"1 - Nay huỷ bỏ ngay lập tức và không có bồi thường quyền sở hữu của địa chủ về ruộng đất.

2 - Các điền trang của địa chủ cũng như những ruộng đất của các thôn ấp, của các nhà tu và Giáo hội, với toàn bộ gia súc và công cụ đều giao cho các uỷ ban ruộng đất và các xô viết đại biểu nông dân huyện xử lí cho tới khi vấn đề được Quốc hội lập hiến giải quyết...".

Sắc lệnh ruộng đất đã nhanh chóng được thực hiện. Hơn 150 triệu hécta ruộng đất của địa chủ được trao cho nông dân. Lần đầu tiên ở nước Nga, toàn thể nông dân có ruộng cày.

- ***"Sắc lệnh hoà bình" và "Sắc lệnh ruộng đất" đem lại những quyền lợi gì cho quần chúng nhân dân ?***

Chính quyền Xô viết tuyên bố xoá bỏ các đẳng cấp xã hội và những đặc quyền của Giáo hội ; thực hiện nam nữ bình quyền ; các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, có quyền tự quyết và tự do phát triển. Nhà nước nắm các ngành kinh tế then chốt : ngân hàng, đường sắt, ngoại thương, hầm mỏ, trao cho công nhân quyền kiểm soát sản xuất...

Đồng thời, để nước Nga rút ra khỏi cuộc chiến tranh đế quốc, chính quyền Xô viết đã kí Hoà ước Bơ-rét Li-tốp (tháng 3 - 1918) với Đức. Tuy phải chịu những điều kiện hết sức nặng nề, song hoà ước đã tạo cho nước Nga có thời gian hoà bình để củng cố chính quyền, xây dựng quân đội và dốc sức vào xây dựng nền kinh tế quốc gia bị suy sụp trong chiến tranh.

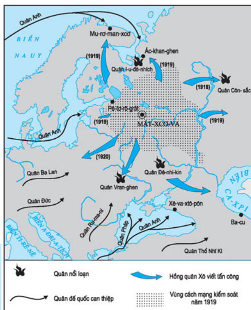
2. Chống thù trong, giặc ngoài

Năm 1918, quân đội 14 nước đế quốc (Anh, Pháp, Mĩ, Nhật...) đã câu kết với bọn phản cách mạng trong nước mở cuộc tấn công vũ trang vào nước Nga Xô viết.

Suốt ba năm (1918 - 1920), nước Nga đã tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng chống thù trong, giặc ngoài trong những điều kiện vô cùng khó khăn, gian khổ. Với Chính sách cộng sản thời chiến (quốc hữu hoá toàn bộ các xí nghiệp, trưng thu lương thực thừa của nông dân, Nhà nước nắm độc quyền quản lí và phân phối lương thực, thực phẩm, thi hành chế độ lao động bắt buộc...), nhân dân Xô viết đã vượt qua được cơn hiểm nghèo.



Hình 56. Một trung đoàn Hồng quân năm 1919



Hình 57. Lược đồ nước Nga Xô viết chống thù trong, giặc ngoài (1918 - 1920)

Năm 1920, Hồng quân đã đánh tan ngoại xâm và nội phản. Nhà nước Xô viết được bảo vệ và giữ vững.

- ***Vì sao nhân dân Xô viết bảo vệ được những thành quả của Cách mạng tháng Mười ?***

3. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười

Cách mạng tháng Mười đã làm thay đổi hoàn toàn vận mệnh đất nước và số phận của hàng triệu con người ở Nga. Lần đầu tiên trong lịch sử, cách mạng đã đưa những người lao động lên nắm chính quyền, xây dựng chế độ mới - chế độ xã hội chủ nghĩa, trên một đất nước rộng lớn, chiếm tới 1/6 diện tích đất nổi của thế giới.

Tiếng vang của Cách mạng tháng Mười đã vượt qua biên giới nước Nga. Ngay năm 1919, Giôn Rít - nhà văn Mĩ, đã công bố tác phẩm *Mười ngày rung chuyển thế giới*, tường thuật lại diễn biến Cách mạng tháng Mười Nga. Cuốn sách đã được phổ biến rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới.

Cách mạng tháng Mười đã dẫn đến những thay đổi lớn lao trên thế giới và để lại nhiều bài học quý báu cho cuộc đấu tranh giải phóng của giai cấp vô sản, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc ở nhiều nước.

- *Vì sao Giôn Rít đặt tên cuốn sách là "Mười ngày rung chuyển thế giới"?*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Vì sao ở nước Nga năm 1917 lại có hai cuộc cách mạng ?
2. Lập bảng thống kê các sự kiện chính của Cách mạng tháng Mười.
3. Việc xây dựng và bảo vệ chính quyền Xô viết diễn ra như thế nào?
4. Nêu ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.

Bài 16
LIÊN XÔ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1921 - 1941)

Bằng "Chính sách kinh tế mới" (1921 - 1925), nhân dân Xô viết đã hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế và bước vào thời kì đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội (1925 - 1941).

I - CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI VÀ CÔNG CUỘC KHÔI PHỤC KINH TẾ (1921 - 1925)

Sau khi chiến thắng ngoại xâm và nội phản, năm 1921 nước Nga Xô viết bước vào thời kì hoà bình xây dựng đất nước trong hoàn cảnh hết sức khó khăn.

Bảy năm chiến tranh (1914 - 1921) đã tàn phá nặng nề nền kinh tế : năm 1920 sản lượng nông nghiệp chỉ bằng 1/2 so với trước chiến tranh, sản lượng công nghiệp chỉ còn 1/7, nhiều vùng lâm vào bệnh dịch và nạn đói trầm trọng. Bọn phản cách mạng điên cuồng chống phá, gây bạo loạn ở nhiều nơi.



Hình 58. Áp phích năm 1921 : "Chúng ta tuyên chiến với hậu quả của chiến tranh"

- ***Bức áp phích trên nói lên điều gì ?***

Trong tình hình ấy, tháng 3 - 1921 Đảng Bôn-sê-vích Nga quyết định thực hiện Chính sách kinh tế mới, do Lê-nin đề xướng. Nội dung chủ yếu của Chính sách kinh tế mới là bãi bỏ chế độ trưng thu lương thực thừa và thay thế bằng chế độ thu thuế lương thực (sau khi nộp đủ thuế lương thực quy định, nông dân được quyền sử dụng số dư thừa), thực hiện tự do buôn bán, mở lại các chợ, cho phép tư nhân được mở các xí nghiệp nhỏ và khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư, kinh doanh ở Nga.

Nhờ có Chính sách kinh tế mới, nông nghiệp và các ngành kinh tế khác được phục hồi và phát triển nhanh chóng. Đời sống nhân dân được cải thiện hơn trước. Năm 1925, sản xuất công, nông nghiệp đạt mức xấp xỉ trước chiến tranh.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước đòi hỏi các dân tộc trên đất nước Xô viết phải liên minh khăng khít và giúp nhau hơn nữa về mọi mặt. Từ yêu cầu đó, tháng 12 - 1922, Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên Xô) được thành lập trên cơ sở tự nguyện của bốn nước cộng hoà xô viết đầu tiên là Nga, Bê-lô-rút-xi-a, U-crai-na và Ngoại Cáp-ca-dơ[1].

(1) Từ năm 1922 đến năm 1940, có thêm 11 nước cộng hoà gia nhập Liên Xô, nâng tổng số lên 15 nước.

- *Nội dung chủ yếu của Chính sách kinh tế mới. Chính sách này đã tác động như thế nào đến tình hình nước Nga ?*

II - CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ (1925 - 1941)

Sau khi khôi phục kinh tế, Liên Xô vẫn là một nước nông nghiệp lạc hậu so với các nước tư bản phương Tây : nông nghiệp chiếm trên 2/3 tổng sản phẩm quốc dân, máy móc phải nhập của nước ngoài. Chính vì vậy, để xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, nhân dân Liên Xô phải thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm 1926 - 1929, nhân dân Liên Xô tập trung mọi sức lực vào việc thực hiện bước đầu công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa theo đường lối ưu tiên phát triển công nghiệp nặng mà trọng tâm là ngành công nghiệp chế tạo máy công cụ, ngành công nghiệp năng lượng (điện, than, dầu mỏ), ngành chế tạo máy móc nông nghiệp và ngành công nghiệp quốc phòng.

Cùng với nhiệm vụ công nghiệp hoá, nhân dân Liên Xô tiến hành cải tạo nền nông nghiệp, thu hút đông đảo nông dân tham gia các nông trang tập thể.

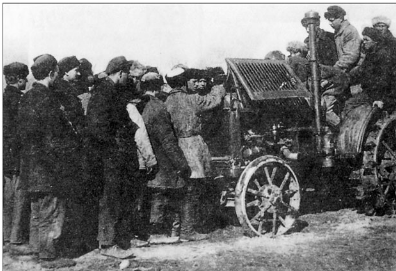


Hình 59. Nhà máy thuỷ điện Đơ-nhi-ép, khởi công năm 1927, là nhà máy thuỷ điện lớn nhất châu Âu thời đó, được đưa vào hoạt động tháng 10 - 1932

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô được thực hiện qua các kế hoạch 5 năm. Mỗi kế hoạch 5 năm đều có những mục tiêu kinh tế - xã hội cụ thể, đánh dấu từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội của nhân dân Liên Xô. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1928 - 1932) và lần thứ hai (1933 - 1937) đều hoàn thành trước thời hạn.

- *Vì sao nhân dân Liên Xô phải thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa ?*

Trong thời kì đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, Liên Xô đã đạt được những thành tựu to lớn về nhiều mặt. Đến năm 1936, tính theo sản lượng công nghiệp, Liên Xô đứng đầu châu Âu và đứng thứ hai trên thế giới (sau Mĩ). Công cuộc tập thể hoá nông nghiệp hoàn thành. Nhân dân Liên Xô đã xây dựng được một nền nông nghiệp tập thể hoá, cơ giới hoá và có quy mô sản xuất lớn.



Hình 60. Máy kéo ở một nông trang tập thể năm 1936

Về văn hoá - giáo dục, Liên Xô đã thanh toán nạn mù chữ, thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học cho tất cả mọi người và phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở các thành phố. Các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, văn học nghệ thuật cũng đạt được nhiều thành tựu rực rỡ.

Về xã hội, các giai cấp bóc lột đã bị xoá bỏ, chỉ còn lại hai giai cấp lao động là công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức mới xã hội chủ nghĩa.

Từ năm 1937, Liên Xô tiếp tục thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ ba. Tháng 6 - 1941, phát xít Đức tấn công Liên Xô, nhân dân Liên Xô buộc phải ngừng công cuộc xây dựng đất nước để tiến hành cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại.

- ***Nêu những thành tựu về văn hoá - giáo dục của Liên Xô trong thời kì đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội (1925 - 1941).***

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Nêu nội dung của Chính sách kinh tế mới.
2. Trình bày những biến đổi về mọi mặt ở Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1925 đến năm 1941.
3. Sưu tầm một vài mẩu chuyện về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô những năm 1925 - 1941.

Chương II

CHÂU ÂU VÀ NƯỚC MĨ GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

Bài 17

CHÂU ÂU GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

Trong những năm 1918 - 1939, ở các nước tư bản châu Âu nổi lên một số sự kiện : cao trào cách mạng 1918 - 1923, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 và sự xuất hiện của chủ nghĩa phát xít ở một số nước.

I - CHÂU ÂU TRONG NHỮNG NĂM 1918 - 1929

1. Những nét chung

Do hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) và thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, tình hình châu Âu có nhiều biến đổi. Đó là sự xuất hiện một số quốc gia mới trên cơ sở sự tan vỡ của đế quốc Áo - Hung và thất bại của nước Đức.

Trong những năm 1918 - 1923, các nước châu Âu, kể cả nước thắng trận và bại trận, đều bị suy sụp về kinh tế.

Nước Pháp tuy thắng trận nhưng bị tổn thất rất nặng nề : 1,4 triệu người chết, 10 tỉnh công nghiệp phát triển nhất bị tàn phá ; tổng số thiệt hại về vật chất lên tới 200 tỉ phrăng... Nước Đức bại trận với 1,7 triệu người chết, mất toàn bộ thuộc địa, phải cắt 1/8 lãnh thổ của mình cho các nước thắng trận và phải trả những khoản tiền bồi thường chiến tranh rất lớn.

Một cao trào cách mạng đã bùng nổ ở các nước châu Âu trong thời gian này làm cho nền thống trị của giai cấp tư sản lâm vào tình trạng không ổn định, thậm chí khủng hoảng trầm trọng như ở Đức, Hung-ga-ri.

Trong những năm 1924 - 1929, chính quyền tư sản các nước đã đẩy lùi cao trào cách mạng và củng cố nền thống trị. Về kinh tế, sau khi phục hồi mức sản xuất trước chiến tranh, từ năm 1924, sản xuất công nghiệp phát triển nhanh chóng.

Sản lượng than và thép của Anh, Pháp, Đức những năm 1920 - 1929
(Đơn vị : triệu tấn)

	Than		**Thép**	
	1920	1929	1920	1929
Anh	233,0	262,0	9,2	9,8
Pháp	25,3	55,0	2,7	9,7
Đức	222,0	337,0	7,8	16,2

- Qua bảng thống kê trên, em có nhận xét gì về tình hình sản xuất công nghiệp ở ba nước Anh, Pháp, Đức ?

2. Cao trào cách mạng 1918 - 1923. Quốc tế cộng sản thành lập

Trong những năm 1918 - 1923, một cao trào cách mạng đã bùng nổ ở hầu khắp các nước châu Âu, đặc biệt lên cao ở Đức.



Hình 61. Một đường phố ở Béc-lin trong cao trào cách mạng 1918 - 1923

Mùa thu năm 1918, nước Đức bại trận lâm vào tình trạng khủng hoảng về mọi mặt. Ngày 9 - 11 - 1918, tổng bãi công nổ ra ở Béc-lin, sau đó chuyển thành khởi nghĩa vũ trang của công nhân và các tầng lớp nhân dân thủ đô. Chế độ quân chủ bị lật đổ. Theo gương cách mạng Nga, các xô viết đại biểu công nhân và binh lính được thành lập ở nhiều nơi. Nhưng cuối cùng, mọi thành quả cách mạng lại rơi vào tay giai cấp tư sản.

Cách mạng tháng 11 - 1918 dẫn đến việc thiết lập chế độ cộng hoà tư sản ở Đức. Tháng 12 - 1918, Đảng Cộng sản Đức thành lập, đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng. Trong những năm 1919 - 1923, phong trào cách mạng vẫn tiếp diễn ở Đức.

- *Cách mạng tháng 11 - 1918 ở Đức có những kết quả và hạn chế gì ?*

Phong trào cách mạng cũng dâng cao mạnh mẽ ở Hung-ga-ri và các nước châu Âu khác. Qua cao trào cách mạng 1918 - 1923, nhiều đảng cộng sản đã được thành lập : Đảng Cộng sản Hung-ga-ri (1918), Đảng Cộng sản Pháp (1920), Đảng Cộng sản Anh (1920), Đảng Cộng sản I-ta-li-a (1921)...

Sự phát triển của phong trào cách mạng ở châu Âu nói riêng, cũng như trên thế giới nói chung, đòi hỏi phải có một tổ chức quốc tế để lãnh đạo cách mạng theo đường lối đúng đắn.

Với những hoạt động tích cực của Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích Nga, ngày 2 - 3 - 1919, Đại hội thành lập Quốc tế cộng sản (còn gọi là *Quốc tế thứ ba*) đã khai mạc tại Mát-xcơ-va. Quốc tế cộng sản trở thành một tổ chức cách mạng của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

Trong thời gian tồn tại từ năm 1919 đến năm 1943, Quốc tế cộng sản đã tiến hành bảy lần đại hội, đề ra đường lối cách mạng đúng đắn cho từng thời kì phát triển của cách mạng thế giới. Tại Đại hội lần thứ II (1920), Quốc tế cộng sản đã thông qua Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa do Lê-nin dự thảo. Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy ở Luận cương con đường cứu nước, giải phóng dân tộc cho nhân dân Việt Nam.

- *Quốc tế cộng sản được thành lập trong hoàn cảnh nào ?*

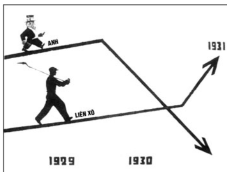
Năm 1943, do sự thay đổi của tình hình thế giới, Quốc tế cộng sản tuyên bố tự giải tán. Quốc tế cộng sản đã có công lao to lớn trong việc thống nhất và phát triển phong trào cách mạng thế giới.

II - CHÂU ÂU TRONG NHỮNG NĂM 1929 - 1939

1. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) và những hậu quả của nó

Năm 1929, cuộc khủng hoảng kinh tế bùng nổ trong thế giới tư bản chủ nghĩa và kéo dài đến năm 1933 mới chấm dứt.

Đây là cuộc khủng hoảng "thừa" do sản xuất ồ ạt, chạy đua theo lợi nhuận trong những năm 1924 - 1929, dẫn đến tình trạng hàng hoá ế thừa trong khi người lao động không có tiền mua.



Hình 62. Sơ đồ so sánh sự phát triển của sản xuất thép giữa Anh và Liên Xô trong những năm 1929 - 1931

Khủng hoảng kinh tế đã tàn phá nặng nề nền kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa. Mức sản xuất bị đẩy lùi lại hàng chục năm. Hàng trăm triệu người (công nhân, nông dân và gia đình họ) rơi vào tình trạng đói khổ.

- ***Qua sơ đồ trên, em có nhận xét gì về tình hình sản xuất ở Liên Xô và Anh trong những năm 1929 - 1931 ?***

Một số nước tư bản châu Âu như Anh, Pháp... tìm cách thoát ra khỏi khủng hoảng bằng những chính sách cải cách kinh tế - xã hội. Trong khi đó, các nước Đức, I-ta-li-a (và Nhật Bản ở châu Á) đã phát xít hoá chế độ thống trị và phát động cuộc chiến tranh để phân chia lại thế giới.

Khủng hoảng kinh tế tàn phá nghiêm trọng nước Đức. Để đối phó lại khủng hoảng kinh tế và phong trào cách mạng ngày càng dâng cao, giai cấp tư sản cầm quyền quyết định đưa Hít-le - thủ lĩnh Đảng Quốc xã Đức, lên nắm chính quyền. Đảng Cộng sản Đức đã kiên quyết đấu tranh nhưng không ngăn cản được quá trình ấy. Ngày 30 - 1 - 1933, Hít-le lên làm Thủ tướng và ngay sau đó đã biến nước Đức thành một lò lửa chiến tranh.

- ***Nêu tác động của khủng hoảng kinh tế đối với nước Đức.***

2. Phong trào Mặt trận nhân dân chống chủ nghĩa phát xít và chống chiến tranh 1929 - 1939

Từ năm 1929, trước nguy cơ xuất hiện chủ nghĩa phát xít và chiến tranh thế giới, một cao trào cách mạng lại bùng nổ. Dưới sự chỉ đạo của Quốc tế cộng sản, phong trào đấu tranh thành lập Mặt trận nhân dân chống chủ nghĩa phát xít đã lan rộng ở nhiều nước tư bản châu Âu.



Hình 63. Quảng trường Công-coóc ở Pa-ri ngày 6 - 2 - 1934

Ở Pháp, ngày 6 - 2 - 1934, bọn phát xít "Chữ thập lửa" gồm 2 vạn tên có vũ trang xông vào trụ sở Quốc hội, âm mưu lật đổ chính phủ và thiết lập chế độ phát xít. Đảng Cộng sản Pháp đã kịp thời huy động công nhân xuống đường đấu tranh, đánh bại lực lượng phát xít. Tháng 5 - 1935, Mặt trận nhân dân chống chủ nghĩa phát xít được thành lập, bao gồm Đảng Cộng sản, Đảng Xã hội và nhiều đảng phái, đoàn thể chính trị khác.

Trong cuộc tổng tuyển cử tháng 5 - 1936, Mặt trận nhân dân Pháp giành được thắng lợi. Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp được thành lập và thi hành một số chính sách tiến bộ trong những năm 1936 - 1939.

Ở Tây Ban Nha, tháng 2 - 1936, Mặt trận nhân dân cũng thu được thắng lợi trong tổng tuyển cử và chính phủ Mặt trận nhân dân được thành lập.



Hình 64. Thắng lợi của Mặt trận nhân dân Tây Ban Nha (tháng 2 - 1936)

Nhờ sự hậu thuẫn của phát xít Đức và I-ta-li-a, các thế lực phát xít Tây Ban Nha tiến hành đảo chính ở nhiều thành phố. Cuộc chiến tranh chống phát xít của nhân dân Tây Ban Nha kéo dài hơn ba năm (1936 - 1939), với sự giúp đỡ của những đội quân tình nguyện đến từ 53 nước trên thế giới, cuối cùng bị thất bại.

- ***Vì sao nhân dân Pháp đánh bại được chủ nghĩa phát xít ở Pháp ?***

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Hãy nêu tình hình chung của các nước tư bản châu Âu trong những năm 1918 - 1929.
2. Quốc tế cộng sản đã có những đóng góp gì cho phong trào cách mạng thế giới trong những năm 1919 - 1943 ?
3. Trình bày những hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 đối với các nước tư bản châu Âu.
4. Vì sao chủ nghĩa phát xít thắng lợi ở Đức nhưng lại thất bại ở Pháp ?

Bài 18

NƯỚC MĨ GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

Kinh tế Mĩ trong thập niên 20 của thế kỉ XX phát triển mạnh nhưng không tránh khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933. Tổng thống Ru-dơ-ven áp dụng Chính sách mới để giải quyết những khó khăn của nước Mĩ.

I - NƯỚC MĨ TRONG THẬP NIÊN 20 CỦA THẾ KỈ XX

Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) đã tạo cho nước Mĩ cơ hội thuận lợi để phát triển kinh tế. Mĩ bước vào thời kì phồn vinh trong thập niên 20 và trở thành trung tâm công nghiệp, thương mại, tài chính quốc tế.



Hình 65. Bãi đỗ ô tô ở Niu Oóc năm 1928



Hình 66. Công nhân xây dựng cao ốc ở Mĩ

- *Theo em, hai bức ảnh trên phản ánh điều gì ?*

Trong những năm 1923 - 1929, sản lượng công nghiệp của Mĩ tăng 69% ; năm 1928, vượt quá sản lượng của toàn châu Âu và chiếm 48% tổng sản lượng công nghiệp thế giới. Mĩ đứng đầu thế giới về các ngành công nghiệp sản xuất ô tô, dầu lửa, thép... Về tài chính, Mĩ nắm 60% dự trữ vàng của thế giới.

Để đạt được sự phát triển đó, giai cấp tư sản Mĩ đã dùng mọi biện pháp nhằm cải tiến kĩ thuật, thực hiện phương pháp sản xuất dây chuyền, tăng cường độ lao động và bóc lột công nhân.

Tuy vậy, nhân dân lao động Mĩ không được hưởng những thành tựu đó

Do bị bóc lột, thất nghiệp, do những bất công xã hội và nạn phân biệt chủng tộc, phong trào công nhân phát triển trong khắp các bang của nước Mĩ. Tháng 5 - 1921, Đảng Cộng sản Mĩ được thành lập và trở thành một lực lượng lãnh đạo phong trào công nhân Mĩ.



Hình 67. Nhà ở của người lao động Mĩ trong những năm 20

- *Qua các hình 65, 66, 67, em có nhận xét gì về những hình ảnh khác nhau của nước Mĩ ?*
- *Đảng Cộng sản Mĩ được thành lập trong hoàn cảnh nào ?*

II - NƯỚC MĨ TRONG NHỮNG NĂM 1929 - 1939

Cuối tháng 10 - 1929, nước Mĩ lâm vào khủng hoảng kinh tế chưa từng thấy. Cuộc khủng hoảng bắt đầu từ lĩnh vực tài chính, rồi nhanh chóng lan rộng ra các lĩnh vực công nghiệp và nông nghiệp. Nền kinh tế - tài chính Mĩ bị chấn động dữ dội.



Hình 68. Dòng người thất nghiệp trên đường phố Niu Oóc

Hàng nghìn ngân hàng, công ti công nghiệp và thương mại bị phá sản. Tới mùa hè năm 1932, sản xuất công nghiệp ở Mĩ giảm hai lần so với năm 1929. Khoảng 75% dân trại (nông dân Mĩ) bị phá sản. Nạn thất nghiệp và nghèo đói

lan tràn khắp các bang của nước Mĩ. Số người thất nghiệp lên tới hàng chục triệu vào năm 1933. Các cuộc biểu tình, tuần hành, "đi bộ vì đói" lôi cuốn hàng triệu người tham gia.

- *Gánh nặng của cuộc khủng hoảng ở Mĩ chủ yếu đè lên vai tầng lớp nào ?*

Để đưa nước Mĩ thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng, Ph. Ru-dơ-ven - Tổng thống mới đắc cử cuối năm 1932, đã thực hiện *Chính sách mới*.



Hình 69. Bức tranh đương thời mô tả Chính sách mới (Người khổng lồ tượng trưng cho Nhà nước)

Chính sách mới bao gồm các biện pháp nhằm giải quyết nạn thất nghiệp, phục hồi sự phát triển của các ngành kinh tế - tài chính. Chính phủ Ru-dơ-ven đã ban hành các đạo luật về phục hưng công nghiệp, nông nghiệp và ngân hàng với những quy định chặt chẽ, đặt dưới sự kiểm soát của Nhà nước. Nhà nước tư sản đã tăng cường vai trò của mình trong việc cải tổ hệ thống ngân hàng, tổ chức lại sản xuất, cứu trợ người thất nghiệp, tạo thêm nhiều việc làm mới và ổn định tình hình xã hội.

- *Nêu nhận xét của em về Chính sách mới qua hình 69.*

Chính sách mới đã cứu nguy cho chủ nghĩa tư bản Mĩ nhưng cũng giải quyết phần nào những khó khăn của người lao động trong thời điểm đó và góp phần làm cho nước Mĩ duy trì được chế độ dân chủ tư sản.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Kinh tế Mĩ đã phát triển như thế nào trong thập niên 20 của thế kỉ XX ?
2. Vì sao nước Mĩ thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 ?
3. Trình bày nội dung chủ yếu của Chính sách mới của Ph. Ru-dơ-ven.

Chương III

CHÂU Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

Bài 19
NHẬT BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), kinh tế Nhật Bản phát triển nhưng không ổn định. Để tìm lối thoát khỏi cuộc khủng hoảng, Nhật Bản tăng cường chính sách quân sự hoá đất nước, đẩy mạnh việc tiến hành chiến tranh xâm lược và bành trướng ra bên ngoài.

I - NHẬT BẢN SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Sau Mĩ, Nhật Bản là nước thứ hai thu được nhiều lợi và không mất mát gì trong Chiến tranh thế giới thứ nhất. Tuy vậy, nền kinh tế Nhật Bản cũng chỉ phát triển trong một vài năm đầu sau chiến tranh.

Trong vòng 5 năm (1914 - 1919), sản lượng công nghiệp của Nhật Bản tăng gấp 5 lần. Sau chiến tranh, nhiều công ti mới xuất hiện, mở rộng sản xuất và xuất khẩu hàng hoá ra các thị trường châu Á. Tuy nhiên, nền nông nghiệp không có gì thay đổi, những tàn dư phong kiến còn tồn tại nặng nề ở nông thôn. Giá thực phẩm, nhất là giá gạo, tăng cao làm cho đời sống nhân dân rất khó khăn. Đặc biệt là trận động đất lớn tháng 9 - 1923 làm cho thủ đô Tô-ki-ô hầu như sụp đổ hoàn toàn.

Năm 1918, phong trào đấu tranh đánh chiếm các kho gạo của quần chúng nhân dân, được gọi là cuộc "bạo động lúa gạo" bùng nổ, lôi cuốn 10 triệu người tham gia. Phong trào bãi công của công nhân cũng diễn ra sôi nổi. Tháng 7 - 1922, Đảng Cộng sản Nhật Bản thành lập và trở thành lực lượng lãnh đạo phong trào công nhân.



Hình 70. Thủ đô Tô-ki-ô sau trận động đất tháng 9 - 1923

Năm 1927, Nhật Bản lại lâm vào một cuộc khủng hoảng tài chính làm 30 ngân hàng phải đóng cửa. Khủng hoảng tài chính đã làm mất lòng tin của nhân dân và giới kinh doanh vào chính phủ, đồng thời chấm dứt sự phục hồi ngắn ngủi của nền kinh tế Nhật Bản.

- ***Em có nhận xét gì về tình hình nước Nhật trong những năm 1918 - 1929 ?***

II - NHẬT BẢN TRONG NHỮNG NĂM 1929 - 1939

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 đã giáng một đòn nặng nề vào kinh tế Nhật Bản.

So với năm 1929, sản lượng công nghiệp năm 1931 giảm 32,5%, ngoại thương giảm 80%. Số người thất nghiệp lên tới 3 triệu. Cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân diễn ra quyết liệt.

Để đưa nước Nhật ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế, giải quyết những khó khăn do thiếu nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hoá, giới cầm quyền Nhật Bản tăng cường chính sách quân sự hoá đất nước, gây chiến tranh xâm lược, bành trướng ra bên ngoài.

Ngay từ năm 1927, Thủ tướng Nhật Bản Ta-na-ca đã đệ trình lên Nhật hoàng bản "Tấu thỉnh", đề ra kế hoạch xâm lược và thống trị thế giới : khởi đầu là chiếm Trung Quốc, nơi tập trung 82% tổng số vốn đầu tư của Nhật Bản, sau đó là châu Á và cuối cùng là toàn thế giới. Tháng 9 - 1931, Nhật Bản tiến đánh vùng Đông Bắc Trung Quốc, mở đầu cuộc xâm lược nước này với quy mô ngày càng rộng lớn, đánh dấu việc hình thành lò lửa chiến tranh ở châu Á - Thái Bình Dương.



Hình 71. Quân Nhật chiếm đóng vùng Đông Bắc Trung Quốc năm 1931

- ***Trình bày kế hoạch xâm lược của Nhật Bản.***

Trong thập niên 30, ở Nhật Bản đã diễn ra quá trình thiết lập chế độ phát xít với việc sử dụng rộng rãi bộ máy quân sự và cảnh sát của chế độ quân chủ Nhật Bản. Phong trào đấu tranh của nhân dân Nhật Bản lan rộng khắp cả nước.

Trong những năm 1929 - 1939, cuộc đấu tranh của nhân dân Nhật Bản, mà hạt nhân lãnh đạo là Đảng Cộng sản, đã diễn ra dưới nhiều hình thức nhằm chống lại quá trình phát xít hoá ở nước này. Cuộc đấu tranh không những lan rộng trong các tầng lớp nhân dân mà còn lôi cuốn cả binh lính và sĩ quan Nhật tham gia. Trong năm 1939 có trên 40 cuộc đấu tranh phản chiến của binh lính và sĩ quan. Cuộc đấu tranh chống phát xít đã góp phần làm chậm lại quá trình phát xít hoá ở Nhật Bản.

- ***Cuộc đấu tranh chống phát xít của nhân dân Nhật Bản đã diễn ra như thế nào ?***

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Kinh tế Nhật Bản đã phát triển như thế nào sau Chiến tranh thế giới thứ nhất ?
2. Vì sao giới cầm quyền Nhật Bản tiến hành chiến tranh xâm lược, bành trướng ra bên ngoài ?

Bài 20

PHONG TRÀO ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở CHÂU Á (1918 - 1939)

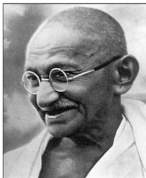
Phong trào độc lập dân tộc ở châu Á (1918 - 1939) có nhiều nét chung, đồng thời nổi lên những đặc điểm của mỗi nước, mỗi khu vực như Ấn Độ, Trung Quốc, Đông Nam Á.

I - NHỮNG NÉT CHUNG VỀ PHONG TRÀO ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở CHÂU Á. CÁCH MẠNG TRUNG QUỐC TRONG NHỮNG NĂM 1919 - 1939

1. Những nét chung

Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga và sự kết thúc cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất đã mở ra một thời kì phát triển mới trong phong trào độc lập dân tộc ở châu Á. Phong trào lên cao và lan rộng khắp các khu vực : Đông Bắc Á, Đông Nam Á, Nam Á và Tây Á, tiêu biểu là phong trào cách mạng ở Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam và In-đô-nê-xi-a.

Phong trào Ngũ tứ ở Trung Quốc đã mở đầu cho cao trào cách mạng chống đế quốc, chống phong kiến ở châu Á. Cuộc cách mạng của nhân dân Mông Cổ (1921 - 1924) giành được thắng lợi, đưa đến việc thành lập Nhà nước dân chủ nhân dân Mông Cổ. Ở Đông Nam Á, phong trào độc lập lan rộng khắp các nước. Ở Ấn Độ đã diễn ra những cuộc bãi công với quy mô lớn của công nhân và khởi nghĩa của nông dân chống thực dân Anh. Đảng Quốc đại dưới sự lãnh đạo của Ma-hát-ma Gan-đi đã động viên nhân dân đấu tranh đòi quyền độc lập, tẩy chay hàng hoá của Anh, phát triển kinh tế dân tộc. Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc ở Thổ Nhĩ Kì (1919 - 1922) kết thúc thắng lợi, dẫn tới việc thành lập nước Cộng hoà Thổ Nhĩ Kì. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam phát triển mạnh mẽ trong cả nước.



Hình 72. M. Gan-đi (1869 - 1948)

- ***Kể tên những phong trào đấu tranh ở các nước châu Á.***

Trong cao trào cách mạng này, giai cấp công nhân tích cực tham gia đấu tranh giành độc lập dân tộc. Các đảng cộng sản được thành lập và giữ vai trò lãnh đạo phong trào cách mạng ở một số nước châu Á như Trung Quốc, Việt Nam.

- *Em hãy nêu những nét mới của phong trào độc lập dân tộc ở châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.*

2. Cách mạng Trung Quốc trong những năm 1919 - 1939

Phong trào Ngũ tứ bùng nổ ngày 4 - 5 - 1919, mở đầu bằng cuộc biểu tình của 3000 học sinh yêu nước ở Bắc Kinh chống lại âm mưu xâu xé Trung Quốc của các nước đế quốc. Phong trào đã nhanh chóng lan rộng ra cả nước, lôi cuốn đông đảo công nhân, nông dân, trí thức yêu nước tham gia. Lực lượng chủ yếu của phong trào chuyển từ học sinh sang giai cấp công nhân.

Trong Phong trào Ngũ tứ, quần chúng giương cao các khẩu hiệu đấu tranh như "Trung Quốc của người Trung Quốc", "Phế bỏ Hiệp ước 21 điều" (quy định những điều khoản về quyền lợi của các nước đế quốc ở Trung Quốc)...

Phong trào Ngũ tứ mở đầu cho cao trào cách mạng chống đế quốc và chống phong kiến. Từ đó, chủ nghĩa Mác - Lê-nin được truyền bá rộng rãi ở Trung Quốc. Các nhóm cộng sản được hình thành tại một số thành phố. Tháng 7 - 1921, trên cơ sở các nhóm này, Đảng Cộng sản Trung Quốc được thành lập.

Trong những năm 1926 - 1927, nhân dân Trung Quốc tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng nhằm đánh đổ các tập đoàn quân phiệt đang chia nhau thống trị các vùng trong nước. Trong những năm 1927 - 1937, nhân dân Trung Quốc lại tiến hành cuộc nội chiến cách mạng nhằm lật đổ nền thống trị phản động của tập đoàn Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch - đại diện cho quyền lợi của đại địa chủ, đại tư sản và đế quốc ở Trung Quốc.

Tháng 7 - 1937, Nhật Bản phát động cuộc chiến tranh xâm lược quy mô nhằm thôn tính toàn bộ Trung Quốc. Trước nguy cơ dân tộc, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chủ động đề nghị Quốc dân đảng đình chỉ nội chiến, cùng hợp tác chống Nhật. Cũng từ đó, cách mạng Trung Quốc chuyển sang thời kì Quốc - Cộng hợp tác để cùng nhau kháng chiến chống Nhật Bản xâm lược.

- *Theo em, khẩu hiệu đấu tranh của Phong trào Ngũ tứ có điều gì mới so với khẩu hiệu "Đánh đổ Mãn Thanh" trong Cách mạng Tân Hợi (1911) ?*

II - PHONG TRÀO ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở ĐÔNG NAM Á (1918 - 1939)

1. Tình hình chung

Đầu thế kỉ XX, hầu hết các quốc gia Đông Nam Á đều trở thành thuộc địa hoặc nửa thuộc địa của chủ nghĩa thực dân. Chỉ có Xiêm (nay là Thái Lan) tương đối tự chủ, nhưng về nhiều mặt vẫn bị phụ thuộc vào các nước đế quốc. Sau thất bại của những cuộc khởi nghĩa dưới ngọn cờ "phò vua cứu nước", tầng lớp trí thức mới ở nhiều nước Đông Nam Á đã hướng cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc theo con đường dân chủ tư sản.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, chính sách khai thác và bóc lột thuộc địa của các nước đế quốc đã tác động trực tiếp đến các nước Đông Nam Á. Phong trào đấu tranh chống đế quốc dâng cao mạnh mẽ. Đồng thời, thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga cũng ảnh hưởng đến khu vực này.

Bắt đầu từ những năm 20, trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc xuất hiện một nét mới : Giai cấp vô sản ở Đông Nam Á từng bước trưởng thành và tham gia lãnh đạo phong trào cách mạng.

Trong giai đoạn này đã xuất hiện một số đảng cộng sản ở khu vực, mở đầu là Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a (tháng 5 - 1920). Tiếp theo, trong năm 1930, các đảng cộng sản đã lần lượt được thành lập ở Việt Nam (tháng 2), ở Mã Lai và Xiêm (tháng 4), ở Phi-líp-pin (tháng 11).

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở một số nước đã vùng dậy đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc. Nổi bật là các cuộc khởi nghĩa Gia-va và Xu-ma-tơ-ra (1926 - 1927) ở In-đô-nê-xi-a và phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh (1930 - 1931) tại Việt Nam. Nhưng những cuộc nổi dậy này đều bị chính quyền thực dân trấn áp.

- Sự thành lập các đảng cộng sản có tác động như thế nào đối với phong trào độc lập dân tộc ở các nước Đông Nam Á ?

Cùng với sự phát triển của phong trào vô sản, phong trào dân chủ tư sản cũng có những bước tiến rõ rệt so với những năm đầu thế kỉ XX.



Hình 73. Áp-đun Ra-man (1903 - 1990), lãnh tụ phong trào độc lập dân tộc ở Mã Lai

Nếu như trước đây mới chỉ xuất hiện các nhóm, phái hoặc các hội do những nhà yêu nước sáng lập, thì đến giai đoạn này đã xuất hiện các chính đảng có tổ chức và ảnh hưởng xã hội rộng lớn như Đảng Dân tộc ở In-đô-nê-xi-a, phong trào Tha-kin ở Miến Điện, phong trào chống thực dân Anh đòi tự trị ở Mã Lai...

- *Vào đầu thế kỉ XX, phong trào dân chủ tư sản ở Đông Nam Á có điểm gì mới ?*

2. Phong trào độc lập dân tộc ở một số nước Đông Nam Á

Phong trào chống thực dân đòi độc lập dân tộc diễn ra sôi nổi và liên tục ở nhiều nước Đông Nam Á. Ở Đông Dương, cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp được tiến hành dưới nhiều hình thức phong phú với sự tham gia đông đảo của các tầng lớp nhân dân.

Ở Lào, nhiều bộ tộc đã tham gia phong trào chống Pháp. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa do Ong Kẹo và Com-ma-đam lãnh đạo kéo dài hơn 30 năm (1901 - 1936).
Ở Cam-pu-chia, các cuộc đấu tranh yêu nước liên tiếp nổ ra trong những năm 1918 - 1920, 1926..., đặc biệt là phong trào yêu nước theo xu hướng dân chủ tư sản do nhà sư A-cha Hem-chiêu đứng đầu trong những năm 1930 - 1935.
Ở Việt Nam, phong trào chống Pháp phát triển mạnh mẽ, nhất là sau khi Đảng Cộng sản được thành lập (3 - 2 - 1930).

- *Em có nhận xét gì về phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp ở các nước Đông Dương ?*

Tại khu vực Đông Nam Á hải đảo cũng diễn ra những phong trào yêu nước, chống thực dân, lôi cuốn hàng triệu người tham gia, tiêu biểu là phong trào độc lập dân tộc ở In-đô-nê-xi-a.

Trong hơn ba thế kỉ dưới sự áp bức, bóc lột tàn tệ của thực dân Hà Lan, nhân dân In-đô-nê-xi-a đã nhiều lần nổi dậy đấu tranh. Trong những năm 1926 - 1927, khởi nghĩa đã bùng nổ ở các đảo Gia-va và Xu-ma-tơ-ra dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Sau khi khởi nghĩa bị đàn áp, quần chúng đã ngả theo phong trào dân tộc tư sản do Ác-mét Xu-các-nô, lãnh tụ của Đảng Dân tộc, đứng đầu.



Hình 74. A. Xu-các-nô (1901 - 1970), lãnh tụ phong trào độc lập dân tộc ở In-đô-nê-xi-a

Đến khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á chưa giành được thắng lợi có ý nghĩa quyết định. Năm 1940, phát xít Nhật tràn vào Đông Nam Á, và cũng từ đây, cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc chĩa mũi nhọn vào chủ nghĩa phát xít Nhật.

- Phong trào độc lập dân tộc ở In-đô-nê-xi-a diễn ra như thế nào ?

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Vì sao sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào độc lập dân tộc ở châu Á lại bùng nổ mạnh mẽ ?
2. Cách mạng Trung Quốc đã diễn ra như thế nào trong những năm 1919 - 1939 ?
3. Em có nhận xét gì về cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất ?
4. Lập bảng thống kê về phong trào độc lập dân tộc ở châu Á.

Chương IV

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 - 1945)

Bài 21
CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 - 1945)

Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) là cuộc chiến tranh gây nên những tổn thất lớn nhất về người và của trong lịch sử nhân loại. Chiến tranh kết thúc với sự thất bại hoàn toàn của chủ nghĩa phát xít và dẫn đến những biến đổi căn bản của tình hình thế giới.

I - NGUYÊN NHÂN BÙNG NỔ CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, những mâu thuẫn mới về quyền lợi, về thị trường và thuộc địa lại tiếp tục nảy sinh giữa các nước đế quốc. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 làm cho những mâu thuẫn đó thêm sâu sắc, dẫn tới việc lên cầm quyền của chủ nghĩa phát xít ở I-ta-li-a, Đức và Nhật Bản, với ý đồ gây chiến tranh chia lại thế giới.

Giữa các nước đế quốc dần dần hình thành hai khối đối địch nhau : khối Anh - Pháp - Mĩ và khối phát xít Đức - I-ta-li-a - Nhật Bản. Hai khối đế quốc này mâu thuẫn gay gắt với nhau về thị trường và thuộc địa nhưng đều coi Liên Xô là kẻ thù cần phải tiêu diệt. Khối Anh - Pháp - Mĩ thực hiện đường lối thoả hiệp, nhượng bộ nhằm làm cho khối phát xít chĩa mũi nhọn chiến tranh về phía Liên Xô. Do chính sách thoả hiệp này, sau khi sáp nhập nước Áo vào Đức, Hít-le chiếm Tiệp Khắc (tháng 3 - 1939). Tuy vậy, thấy chưa đủ sức đánh ngay Liên Xô, Hít-le quyết định tấn công các nước châu Âu trước. Ngày 1 - 9 - 1939, phát xít Đức tấn công Ba Lan. Ngay sau đó, Anh, Pháp tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.



Hình 75. Tranh biếm hoạ ở châu Âu năm 1939 : Hít-le được ví như người khổng lồ, xung quanh là các chính khách châu Âu đã nhượng bộ Hít-le

- ***Quan sát bức tranh, em hãy giải thích tại sao Hít-le lại tấn công các nước châu Âu trước ?***

II - NHỮNG DIỄN BIẾN CHÍNH

1. Chiến tranh bùng nổ và lan rộng toàn thế giới (từ ngày 1 - 9 - 1939 đến đầu năm 1943)

Trong giai đoạn này, bằng chiến thuật chớp nhoáng, phát xít Đức đánh chiếm hầu hết các nước châu Âu (trừ Anh và một vài nước trung lập). Ngày 22 - 6 - 1941, phát xít Đức tấn công và dần dần tiến sâu vào lãnh thổ Liên Xô.

Ở Thái Bình Dương, trong lúc Đức đang thắng thế ở châu Âu, ngày 7 - 12 - 1941, Nhật Bản bất ngờ tấn công hạm đội Mĩ ở Trân Châu Cảng (đảo Ha-oai). Quân đội Nhật chiếm toàn bộ vùng Đông Nam Á và một số đảo ở Thái Bình Dương. Ở Bắc Phi, tháng 9 - 1940, quân I-ta-li-a tấn công Ai Cập. Chiến tranh lan rộng toàn thế giới. Chiến sự diễn ra trên khắp các mặt trận : mặt trận Tây Âu, mặt trận Xô - Đức, mặt trận châu Á - Thái Bình Dương và mặt trận Bắc Phi.

Tháng 1 - 1942, Mặt trận Đồng minh chống phát xít được thành lập nhằm đoàn kết và tập hợp các lực lượng chống phát xít trên toàn thế giới để tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.

- ***Nêu diễn biến chính của giai đoạn đầu Chiến tranh thế giới thứ hai.***



Hình 76. Lược đồ quân Đức đánh chiếm châu Âu (1939 - 1941)



Hình 77. Thủ đô Luân Đôn (Anh) bị không quân Đức oanh tạc năm 1940



Hình 78. Quân Đức treo cổ người dân Liên Xô ở vùng chiếm đóng

2. Quân Đồng minh phản công, chiến tranh kết thúc (từ đầu năm 1943 đến tháng 8 - 1945)

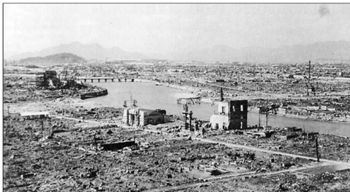
Trận phản công của quân đội Liên Xô ở Xta-lin-grát đã tạo nên bước ngoặt, làm xoay chuyển tình thế của cuộc chiến tranh thế giới. Sau chiến thắng Xta-lin-grát (2 - 2 - 1943), Hồng quân Liên Xô và liên quân Mĩ - Anh liên tiếp mở nhiều cuộc phản công trên khắp các mặt trận.

Ở mặt trận Xô - Đức, Hồng quân Liên Xô đã phản công trên diện rộng, quét sạch quân Đức ra khỏi lãnh thổ của mình. Đến cuối năm 1944, toàn bộ lãnh thổ Liên Xô được giải phóng. Trên đường truy kích quân Đức, Hồng quân Liên Xô đã giúp nhân dân các nước Đông Âu giải phóng khỏi ách phát xít.

Ở mặt trận Bắc Phi, tháng 5 - 1943, trước các đợt tấn công của liên quân Mĩ - Anh, quân Đức và I-ta-li-a đã phải hạ vũ khí. Ở mặt trận Tây Âu, ngày 6 - 6 - 1944, liên quân Mĩ - Anh đổ bộ vào miền Bắc nước Pháp, mở Mặt trận thứ hai ở Tây Âu.

Sau thắng lợi của Hồng quân Liên Xô ở chiến dịch công phá Béc-lin, đêm mồng 8 rạng sáng 9 - 5 - 1945 phát xít Đức kí văn kiện đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh kết thúc ở châu Âu với sự thất bại hoàn toàn của phát xít I-ta-li-a và Đức.

Ở mặt trận châu Á - Thái Bình Dương, Hồng quân Liên Xô đánh tan đạo quân Quan Đông của Nhật ở vùng Đông Bắc Trung Quốc. Ngày 6 và 9 - 8 - 1945, Mĩ ném bom nguyên tử huỷ diệt hai thành phố Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki (Nhật Bản) làm trên 10 vạn người thiệt mạng, hàng chục vạn người bị tàn phế.



Hình 79. Hi-rô-si-ma sau khi bị ném bom nguyên tử

Ngày 15 - 8 - 1945, Nhật Bản đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

- *Liên Xô có vai trò như thế nào trong việc đánh thắng chủ nghĩa phát xít ?*

III - KẾT CỤC CỦA CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

"Kẻ gieo gió phải gặt bão" - chiến tranh kết thúc với sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa phát xít Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản. Tuy nhiên, toàn nhân loại đã phải hứng chịu những hậu quả thảm khốc của chiến tranh.

Chiến tranh thế giới thứ hai là cuộc chiến tranh lớn nhất, khốc liệt nhất và tàn phá nặng nề nhất trong lịch sử loài người : 60 triệu người chết, 90 triệu người bị tàn tật, thiệt hại về vật chất gấp 10 lần so với Chiến tranh thế giới thứ nhất, bằng tất cả các cuộc chiến tranh trong 1000 năm trước đó cộng lại.

Chiến tranh kết thúc đã dẫn đến những biến đổi căn bản của tình hình thế giới.

- *Qua các hình 77, 78, 79, em suy nghĩ gì về hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với nhân loại ?*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Vì sao Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ ?
2. Lập niên biểu về những sự kiện chính của Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945).

Chương V

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC - KĨ THUẬT VÀ VĂN HOÁ THẾ GIỚI NỬA ĐẦU THẾ KỈ XX

Bài 22
SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC - KĨ THUẬT VÀ VĂN HOÁ THẾ GIỚI NỬA ĐẦU THẾ KỈ XX

Trong nửa đầu thế kỉ XX, khoa học - kĩ thuật và văn hoá thế giới đã có những bước phát triển vượt bậc, đặc biệt là những thành tựu của nền văn hoá Xô viết.

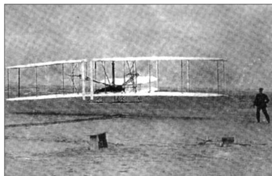
I - SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC - KĨ THUẬT THẾ GIỚI NỬA ĐẦU THẾ KỈ XX

Bước vào thế kỉ XX, trên đà tiến của cuộc cách mạng công nghiệp, nhân loại tiếp tục đạt được những thành tựu rực rỡ về khoa học - kĩ thuật.

Trong lĩnh vực Vật lí, sự ra đời của lí thuyết nguyên tử hiện đại, đặc biệt là lí thuyết tương đối của nhà bác học Đức An-be Anh-xtanh, đã mang lại một dấu ấn sâu sắc cho khoa học hiện đại khi xét lại các khái niệm vật lí về không gian và thời gian. Có thể nói, các phát minh lớn về Vật lí học của thế kỉ XX, từ năng lượng nguyên tử đến lade, bán dẫn... đều có liên quan đến lí thuyết này.



Hình 80. A. Anh-xtanh (1879 - 1955)



Hình 81. Chiếc máy bay đầu tiên trên thế giới (ngày 17 - 12 - 1903 bay được 12 giây) do hai anh em người Mĩ O-vin và Uyn-bơ Rai chế tạo

Trong các lĩnh vực khác như Hoá học, Sinh học, các khoa học về Trái Đất (Hải dương học, Khí tượng học...) đều đạt được những thành tựu to lớn.

- ***Hãy kể những phát minh khoa học trong nửa đầu thế kỉ XX mà em biết.***

Nhiều phát minh khoa học cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX đã được đưa vào sử dụng như điện tín, điện thoại, rađa, hàng không, điện ảnh với phim có tiếng nói và phim màu...

Sự phát triển của khoa học - kĩ thuật đã mang lại cuộc sống vật chất và tinh thần tốt đẹp hơn cho con người. Nhưng mặt khác, chính những thành tựu khoa học cũng được sử dụng để trở thành phương tiện chiến tranh gây thảm hoạ cho nhân loại qua hai cuộc chiến tranh thế giới.

- ***Nhà khoa học A. Nô-ben nói : "Tôi hi vọng rằng nhân loại sẽ rút ra được từ những phát minh khoa học nhiều điều tốt hơn là điều xấu". Em hiểu như thế nào về câu nói đó ?***

II - NỀN VĂN HOÁ XÔ VIẾT HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đã mở đường cho việc xây dựng một nền văn hoá mới trên cơ sở tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và kế thừa những tinh hoa của di sản văn hoá nhân loại. Đó là văn hoá Xô viết.

Thành tựu của công cuộc xây dựng nền văn hoá Xô viết được thể hiện trong việc xoá bỏ tình trạng mù chữ và nạn thất học, sáng tạo chữ viết cho các dân tộc trước đây chưa có chữ viết, phát triển hệ thống giáo dục quốc dân, đấu tranh chống các tàn dư tư tưởng của chế độ cũ, phát triển văn học, nghệ thuật...



Hình 82. Một lớp học xoá mù chữ ở Liên Xô năm 1926

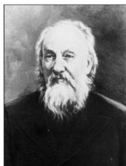
Trước cách mạng, 3/4 dân số Nga mù chữ ; trong ngôn ngữ của một số dân tộc không có động từ "học tập". Chỉ trong vòng 20 năm (1921 - 1940), khoảng 60 triệu người đã thoát nạn mù chữ. Đến cuối những năm 30, nạn mù chữ về căn bản được thanh toán, chế độ giáo dục phổ cập bắt buộc 7 năm được thực hiện. Ở các thành phố đã thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Giáo dục đại học thu được nhiều thành tựu to lớn : đến năm 1932 đã đào tạo được 198 000 người có trình độ đại học và 319 000 người có trình độ cao đẳng.

Trong vòng chưa đầy 30 năm, nước Nga "đi giày cỏ" xưa kia đã trở thành một đất nước, trong đó đa số người dân có trình độ văn hoá cao, có một đội ngũ trí thức đông đảo, phục vụ đắc lực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- ***Vì sao xoá nạn mù chữ được coi là nhiệm vụ hàng đầu trong việc xây dựng một nền văn hoá mới ở Liên Xô ?***

Với những cơ sở nghiên cứu khoa học rộng lớn, được trang bị đầy đủ, đội ngũ các nhà khoa học Xô viết đã đạt được những thành tựu rực rỡ và chiếm lĩnh nhiều đỉnh cao khoa học thế giới.

Cùng với sự phát triển của khoa học - kĩ thuật, nền văn hoá - nghệ thuật Xô viết có những cống hiến to lớn vào kho tàng văn hoá nhân loại.



Hình 83. C.Xi-ôn-cốp-xki (1857 - 1935), người sáng lập ngành du hành vũ trụ hiện đại

Các ngành văn học, thi ca, sân khấu, điện ảnh, tạo hình đều đạt được những thành tựu to lớn. Tên tuổi các nhà văn và nghệ sĩ như M.Goóc-ki, M. Sô-lô-khốp, A. Tôn-xtôi, A. Sô-xta-cô-vích, X. Bôn-đa-chúc... đã nổi tiếng khắp thế giới. Về văn học, từ năm 1928 đến năm 1950, đã xuất bản 102 800 đầu sách văn học với tổng số 2,5 tỉ bản.

- *Hãy kể tên những tác phẩm văn học Xô viết mà em biết.*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Em biết gì về những tiến bộ của khoa học - kĩ thuật thế giới nửa đầu thế kỉ XX ?
2. Hãy nêu những thành tựu của nền văn hoá Xô viết.

Bài 23
ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI
(Phần từ năm 1917 đến năm 1945)

I - NHỮNG SỰ KIỆN LỊCH SỬ CHÍNH

Trong vòng gần 30 năm (1917 - 1945), lịch sử thế giới đã diễn ra nhiều sự kiện. Chúng ta hãy cùng nhau ôn lại những sự kiện chính và điền vào bảng thống kê dưới đây :

Thời gian	Sự kiện	Kết quả
Tháng 2 - 1917	Cách mạng dân chủ tư sản thắng lợi ở Nga	Lật đổ chế độ Nga hoàng Hai chính quyền song song tồn tại

II - NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU

Từ những sự kiện chính đã nêu ở trên, chúng ta thấy lịch sử thế giới (1917 - 1945) bao gồm những nội dung chính sau đây :

- Với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, lần đầu tiên chủ nghĩa xã hội đã trở thành hiện thực ở một nước, nằm giữa vòng vây của chủ nghĩa tư bản. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã có tác động to lớn đến tình hình thế giới.

- Phong trào đấu tranh cách mạng ở các nước tư bản Âu - Mĩ lên cao và có bước chuyển biến mới. Ở nhiều nước, các đảng cộng sản ra đời. Trên cơ sở đó, Quốc tế cộng sản được thành lập và đã lãnh đạo phong trào cách mạng đi theo con đường Cách mạng tháng Mười - con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, cùng với sự phát triển của phong trào dân chủ tư sản, giai cấp vô sản trẻ tuổi bắt đầu trưởng thành và tham gia lãnh đạo phong trào cách mạng.

- Trải qua những năm phát triển bột phát sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, các nước tư bản đã lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 - 1933). Cuộc khủng hoảng này dẫn tới hậu quả : chủ nghĩa phát xít thắng thế ở I-ta-li-a, Đức và Nhật Bản với ý đồ gây chiến tranh chia lại thế giới.

- Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945), cuộc chiến tranh gây ra những tổn thất khủng khiếp nhất trong lịch sử nhân loại, đã kết thúc một thời kì phát triển của lịch sử thế giới hiện đại.

III - BÀI TẬP THỰC HÀNH

Thực hiện các loại bài tập - trắc nghiệm khách quan, thực hành, tự luận... dưới đây :

1. Trong số các sự kiện lịch sử từ năm 1917 đến năm 1945, em hãy chọn năm sự kiện tiêu biểu nhất và nêu lí do vì sao em chọn những sự kiện đó.
2. Hãy nêu những nội dung chính của lịch sử thế giới hiện đại (Phần từ năm 1917 đến năm 1945).
3. Sưu tầm một số tài liệu, tranh ảnh, bản đồ có liên quan đến nội dung một bài học tự chọn.

Phần hai

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1918

Chương I

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP TỪ NĂM 1858 ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX

Bài 24
CUỘC KHÁNG CHIẾN TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1873

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Quân dân ta đã anh dũng chiến đấu, làm thất bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của địch. Tuy vậy, triều đình Huế vẫn kí Hiệp ước Nhâm Tuất (5 - 6 - 1862), nhượng cho Pháp nhiều quyền lợi.

I - THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC VIỆT NAM

1. Chiến sự ở Đà Nẵng những năm 1858 - 1859

Từ giữa thế kỉ XIX, các nước tư bản phương Tây đẩy mạnh việc xâm chiếm các nước phương Đông.

Sau nhiều lần khiêu khích, lấy cớ bảo vệ đạo Gia Tô, Pháp đem quân xâm

lược Việt Nam. Chiều 31 - 8 - 1858, 3000 quân Pháp - Tây Ban Nha[1] dàn trận trước cửa biển Đà Nẵng. Âm mưu của Pháp là chiếm xong Đà Nẵng sẽ kéo thẳng ra Huế, nhanh chóng buộc nhà Nguyễn đầu hàng.

Rạng sáng 1 - 9 - 1858, quân Pháp nổ súng mở đầu cuộc xâm lược nước ta. Quân dân ta, dưới sự chỉ huy của Nguyễn Tri Phương, anh dũng chống trả. Quân Pháp bước đầu thất bại. Sau 5 tháng xâm lược, chúng chỉ chiếm được bán đảo Sơn Trà.

- ***Tại sao thực dân Pháp xâm lược nước ta ?***
- ***Bước đầu quân Pháp đã bị thất bại như thế nào ?***

2. Chiến sự ở Gia Định năm 1859

Thất bại trong âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh ở Đà Nẵng, tháng 2 - 1859 quân Pháp kéo vào Gia Định. Ngày 17 - 2 - 1859, chúng tấn công thành Gia Định. Quân triều đình chống cự yếu ớt rồi tan rã, mặc dù có nhiều binh khí, lương thực.

Trong khi đó, nhân dân địa phương đã tự động nổi lên đánh giặc khiến chúng khốn đốn.

Tháng 7 - 1860, phần lớn quân Pháp bị điều động sang các chiến trường châu Âu và Trung Quốc. Số quân còn lại ở Gia Định chưa đến 1000 tên, phải dàn mỏng trên một phòng tuyến dài hơn 10 km. Nhưng quân ta vẫn đóng ở Đại đồn Chí Hoà mới được xây dựng trong tư thế "thủ hiểm" !

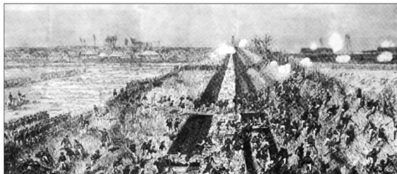
Sau khi Hiệp ước Bắc Kinh được kí kết (25 - 10 - 1860), tạm thời kết thúc cuộc chiến tranh ở Trung Quốc, quân Pháp đã tập trung lực lượng, mở rộng việc đánh chiếm Gia Định.

- ***Em có nhận xét gì về thái độ chống quân Pháp xâm lược của triều đình Huế ?***

Đêm 23 rạng sáng 24 - 2 - 1861, quân Pháp mở cuộc tấn công quy mô vào Đại đồn Chí Hoà. Quân ta kháng cự mạnh mẽ nhưng không thắng nổi hoả lực của địch, Đại đồn Chí Hoà thất thủ. Thừa thắng, quân Pháp lần lượt chiếm các tỉnh Định Tường, Biên Hoà và Vĩnh Long.

---

(1) Pháp liên minh với Tây Ban Nha vì có một số giáo sĩ Tây Ban Nha bị triều đình Huế giam giữ và giết hại.



Hình 84. Quân Pháp tấn công Đại đồn Chí Hoà

Ngày 5 - 6 - 1862, triều đình Huế kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất, nhượng cho chúng nhiều quyền lợi.

Theo đó, triều đình thừa nhận quyền cai quản của nước Pháp ở ba tỉnh miền Đông Nam Kì (Gia Định, Định Tường, Biên Hoà) và đảo Côn Lôn ; mở ba cửa biển (Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên) cho Pháp vào buôn bán ; cho phép người Pháp và Tây Ban Nha tự do truyền đạo Gia Tô, bãi bỏ lệnh cấm đạo trước đây ; bồi thường cho Pháp một khoản chiến phí tương đương 280 vạn lạng bạc ; Pháp sẽ "trả lại" thành Vĩnh Long cho triều đình chừng nào triều đình buộc được dân chúng ngừng kháng chiến...

- ***Nêu nội dung cơ bản của Hiệp ước 5 - 6 - 1862.***

II - CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1873

1. Kháng chiến ở Đà Nẵng và ba tỉnh miền Đông Nam Kì

Hành động xâm lược của Pháp đã khiến cho nhân dân ta căm phẫn. Tại Đà Nẵng, nhiều toán nghĩa binh nổi lên phối hợp chặt chẽ với quân triều đình chống giặc.

Năm 1859, khi Pháp đánh vào Gia Định, phong trào kháng chiến của nhân dân càng sôi nổi. Nghĩa quân Nguyễn Trung Trực đốt cháy chiếc tàu Ét-pê-răng (Hi vọng) của Pháp đậu trên sông Vàm Cỏ Đông (10 - 12 - 1861).

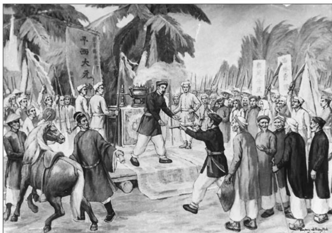
Khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo đã làm địch thất điên bát đảo.

Được nhân dân tôn làm Bình Tây đại nguyên soái, Trương Định không những không hạ vũ khí theo lệnh triều đình mà hoạt động ngày càng mạnh mẽ. Nghĩa quân theo ông rất đông.

Để dập tắt cuộc khởi nghĩa này, tháng 2 - 1863, thực dân Pháp mở cuộc tấn công quy mô vào căn cứ Tân Hoà (Gò Công). Sau ba ngày chiến đấu liên tục, nghĩa quân rút lui, rồi về căn cứ Tân Phước. Được tay sai dẫn đường, quân địch mở cuộc tấn công bất ngờ. Bị thương nặng, Trương Định rút gươm tự sát để bảo toàn khí tiết (20 - 8 - 1864).

Mặc dù bị tổn thất, cuộc kháng chiến vẫn tiếp tục. Trương Quyền (con trai Trương Định) đưa một bộ phận nghĩa quân lên Tây Ninh phối hợp với người Cam-pu-chia chống Pháp. Bộ phận còn lại chia thành các nhóm nhỏ, toả đi xây dựng các căn cứ khác.

- ***Nhân dân ta đã anh dũng kháng chiến chống Pháp như thế nào ?***



Hình 85. Trương Định nhận phong soái

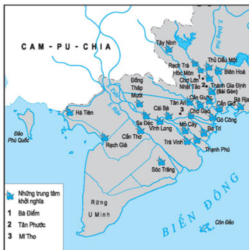
2. Kháng chiến lan rộng ra ba tỉnh miền Tây Nam Kì

Sau khi kí Hiệp ước Nhâm Tuất (5 - 6 - 1862), triều đình Huế tập trung lực lượng đàn áp các cuộc khởi nghĩa nông dân ở Trung Kì và Bắc Kì, đồng thời ra sức ngăn trở phong trào kháng chiến của nhân dân ta ở Nam Kì.

Để lấy lại các tỉnh đã mất, triều đình cử một phái bộ sang Pháp thương lượng nhưng thất bại. Lợi dụng sự bạc nhược của triều đình Huế, từ ngày 20 đến ngày 24 - 6 - 1867, quân Pháp đã chiếm các tỉnh miền Tây (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên) không tốn một viên đạn.

Nhân dân sáu tỉnh Nam Kì nêu cao tinh thần quyết tâm chống Pháp. Họ nổi lên khởi nghĩa ở khắp nơi.

Nhiều trung tâm kháng chiến được lập ra ở Đồng Tháp Mười, Tây Ninh, Bến Tre, Vĩnh Long, Sa Đéc, Trà Vinh, Rạch Giá, Hà Tiên với những lãnh tụ nổi tiếng như Trương Quyền, Phan Tôn, Phan Liêm, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân... Trong số đó, nhiều người thà chết chứ không chịu hợp tác với giặc ; lại có người dùng văn thơ để chiến đấu như Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Huân Nghiệp, Phan Văn Trị...



Hình 86. Lược đồ những địa điểm nổ ra khởi nghĩa ở Nam Kì (1860 - 1875)

Nguyễn Hữu Huân đã hai lần bị giặc bắt. Được thả ra, ông lại tiếp tục chống Pháp. Khi bị giặc đưa đi hành hình, ông vẫn ung dung làm thơ. Nguyễn Trung Trực - trước kháng chiến ở miền Đông, sau sang miền Tây lập căn cứ ở Hòn Chông

(Rạch Giá). Bị giặc bắt đem ra chém, ông đã khảng khái nói : "Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây".

Từ năm 1867 đến năm 1875, hàng loạt cuộc khởi nghĩa chống Pháp còn tiếp tục nổ ra ở Nam Kì.

- *Dựa vào lược đồ, em hãy trình bày những nét chính về cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Nam Kì.*
- *Hãy đọc một đoạn thơ của Nguyễn Đình Chiểu mà em thuộc nói về cuộc kháng chiến chống Pháp.*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Thực dân Pháp thực hiện âm mưu xâm lược Việt Nam như thế nào ?
2. Tinh thần kháng chiến chống Pháp xâm lược của nhân dân ta được thể hiện như thế nào ?
3. Dựa vào lược đồ (hình 86), nêu một số địa điểm diễn ra khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Kì.

Bài 25
KHÁNG CHIẾN LAN RỘNG RA TOÀN QUỐC (1873 - 1884)

Sau năm 1867, hai lần quân Pháp đánh Bắc Kì. Nhân dân kiên quyết kháng chiến còn triều đình Huế thì do dự, tiếp tục cắt đất cầu hoà. Hiệp ước Pa-tơ-nốt (6 - 6 - 1884) được kí kết, chấm dứt sự tồn tại độc lập của triều đình phong kiến nhà Nguyễn.

I - THỰC DÂN PHÁP ĐÁNH BẮC KÌ LẦN THỨ NHẤT. CUỘC KHÁNG CHIẾN Ở HÀ NỘI VÀ CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG BẮC KÌ

1. Tình hình Việt Nam trước khi Pháp đánh chiếm Bắc Kì

Ngay sau khi chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam Kì, thực dân Pháp đã bắt tay ngay vào việc thiết lập bộ máy thống trị và tiến hành bóc lột về kinh tế nhằm biến nơi đây thành bàn đạp để đánh chiếm Cam-pu-chia, rồi chiếm nốt ba tỉnh miền Tây Nam Kì.

Pháp xây dựng bộ máy cai trị có tính chất quân sự từ trên xuống dưới ; đẩy mạnh chính sách bóc lột bằng tô thuế, cướp đoạt ruộng đất của nông dân, ra sức vơ vét lúa gạo để xuất khẩu, mở trường đào tạo tay sai ; xuất bản báo chí nhằm tuyên truyền cho kế hoạch xâm lược sắp tới.

Trong khi đó, triều đình Huế vẫn tiếp tục thi hành các chính sách đối nội, đối ngoại lỗi thời.

Triều đình ra sức vơ vét tiền của trong nhân dân để phục vụ cho cuộc sống xa hoa và bồi thường chiến phí cho Pháp. Các ngành kinh tế nông, công, thương nghiệp bị sa sút. Tài chính thiếu hụt. Binh lực suy yếu. Đời sống nhân dân cơ cực. Hàng loạt cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra bị đàn áp dữ dội. Đối với Pháp, triều đình tiếp tục muốn thương lượng để chia sẻ quyền thống trị.

- *Nêu những nét cơ bản của tình hình Việt Nam sau năm 1867.*

2. Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kì lần thứ nhất (1873)

Lợi dụng việc triều đình Huế nhờ đem tàu ra vùng biển Hạ Long đánh dẹp cướp biển và do nhiều nguồn tin, chủ yếu của bọn gián điệp đội lốt giáo sĩ cung cấp, thực dân Pháp đã nắm được tình hình Bắc Kì. Từ cuối năm 1872, chúng cho tên lái buôn Đuy-puy vào gây rối ở Hà Nội. Tiếp đó, lấy cớ giải quyết vụ Đuy-puy, hơn 200 quân Pháp do Gác-ni-ê chỉ huy từ Sài Gòn kéo ra Bắc.

Sáng ngày 20 - 11 - 1873, quân Pháp nổ súng đánh thành Hà Nội.

7000 quân triều đình, dưới sự chỉ huy của Nguyễn Tri Phương, cố gắng cản giặc nhưng thất bại. Buổi trưa, thành mất. Nguyễn Tri Phương bị thương. Bị giặc bắt, ông nhịn ăn mà chết.

Trong vòng chưa đầy một tháng, Pháp cho quân toả đi chiếm Hải Dương, Hưng Yên, Phủ Lí, Ninh Bình, Nam Định.

- *Thực dân Pháp đã tiến hành kế hoạch đánh chiếm Bắc Kì như thế nào ?*
- *Tại sao quân triều đình ở Hà Nội đông mà vẫn không thắng được giặc ?*

3. Kháng chiến ở Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Kì (1873 - 1874)

Ngay khi quân Pháp kéo đến Hà Nội, nhân dân ta đã anh dũng đứng lên kháng chiến.

Đêm đêm, các toán nghĩa binh bí mật vào thành phố quấy rối địch. Kho đạn của chúng phía bờ sông bị đốt cháy. Một đội nghĩa binh, dưới sự chỉ huy của viên Chưởng cơ, chặn đánh địch quyết liệt ở cửa ô Thanh Hà. Họ đã hi sinh đến người cuối cùng(1). Khi giặc chiếm được tỉnh thành Hà Nội, tổ chức Nghĩa hội của những người yêu nước được thành lập.

(1) Để kỉ niệm sự kiện này, nhân dân ta gọi cửa ô Thanh Hà là cửa ô Quan Chưởng.

Tại các tỉnh đồng bằng, đi tới đâu quân Pháp cũng vấp phải sự kháng cự của nhân dân ta. Ở Thái Bình, có căn cứ kháng chiến của cha con ông Nguyễn Mậu Kiến. Tại Phong Doanh (Ý Yên, Nam Định), có căn cứ kháng chiến của Phạm Văn Nghị...

Thấy lực lượng của địch ở Hà Nội tương đối yếu, quân ta khép chặt vòng vây. Ngày 21 - 12 - 1873, khi quân Pháp đánh ra Cầu Giấy, chúng đã bị đội quân của Hoàng Tá Viêm phối hợp với quân Cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc phục kích. Gác-ni-ê cùng nhiều sĩ quan thực dân và binh lính bị giết tại trận.

Chiến thắng Cầu Giấy khiến quân Pháp hoang mang, còn quân dân ta thì phấn khởi, càng hăng hái đánh giặc.

Giữa lúc đó, triều đình Huế lại kí với thực dân Pháp Hiệp ước Giáp Tuất (15 - 3 - 1874). Theo đó, Pháp sẽ rút quân khỏi Bắc Kì, còn triều đình thì chính thức thừa nhận sáu tỉnh Nam Kì hoàn toàn thuộc Pháp.

Hiệp ước năm Giáp Tuất đã làm mất một phần quan trọng chủ quyền lãnh thổ, ngoại giao và thương mại của Việt Nam.

- ***Trình bày diễn biến của trận Cầu Giấy năm 1873.***
- ***Tại sao triều đình Huế kí Hiệp ước Giáp Tuất (1874) ?***

II - THỰC DÂN PHÁP ĐÁNH BẮC KÌ LẦN THỨ HAI. NHÂN DÂN BẮC KÌ TIẾP TỤC KHÁNG CHIẾN TRONG NHỮNG NĂM 1882 - 1884.

1. Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kì lần thứ hai (1882)

Hiệp ước Giáp Tuất (1874) đã gây nên làn sóng phản đối mạnh mẽ trong dân chúng cả nước.

Khởi nghĩa của Trần Tấn, Đặng Như Mai ở Nghệ - Tĩnh đã nêu khẩu hiệu chống thực dân Pháp và phản đối sự đầu hàng của triều đình :

"Dập dìu trống đánh cờ xiêu,
Phen này quyết đánh cả Triều lẫn Tây".

Nền kinh tế đất nước ngày càng kiệt quệ. Nhân dân đói khổ. Giặc cướp nổi lên ở khắp nơi, có lúc triều đình đã phải cầu cứu cả quân Pháp và quân Thanh đánh dẹp. Các đề nghị cải cách, duy tân đều bị khước từ. Tình hình rối loạn cực độ.

Trong khi đó, tư bản Pháp đang phát triển mạnh, rất cần nguồn tài nguyên khoáng sản ở Bắc Kì nên chúng quyết tâm xâm chiếm bằng được.

Lấy cớ triều đình Huế vi phạm Hiệp ước 1874, tiếp tục giao thiệp với nhà Thanh mà không hỏi ý kiến của Pháp, ngày 3 - 4 - 1882 quân Pháp, do viên đại tá Ri-vi-e chỉ huy, đã đổ bộ lên Hà Nội.

Ngày 25 - 4 - 1882, Ri-vi-e gửi tối hậu thư cho Tổng đốc Hoàng Diệu, đòi nộp khí giới và giao thành không điều kiện.

Không đợi trả lời, quân Pháp nổ súng tấn công. Quân ta anh dũng chống trả, nhưng chỉ cầm cự được gần một buổi sáng. Đến trưa, thành mất. Hoàng Diệu thắt cổ tự tử để bảo toàn khí tiết.

Triều đình Huế vội vàng cầu cứu quân Thanh và cử người ra Hà Nội thương thuyết với Pháp ; đồng thời ra lệnh cho quân ta phải rút lên mạn ngược. Thừa dịp, quân Thanh ồ ạt kéo sang nước ta, đóng ở nhiều nơi. Trong khi đó, quân Pháp nhanh chóng toả đi chiếm Hòn Gai, Nam Định và các tỉnh khác thuộc đồng bằng Bắc Kì.



Hình 87. Hoàng Diệu (1829 - 1882)

- *Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kì lần thứ hai như thế nào ?*

2. Nhân dân Bắc Kì tiếp tục kháng Pháp

Khi quân Pháp tiến đánh Bắc Kì lần thứ hai, nhân dân đã tích cực phối hợp với quan quân triều đình kháng chiến. Ở Hà Nội, khi quân Pháp nổ súng đánh thành, nhân dân tự tay đốt nhà, tạo thành bức tường lửa chặn giặc. Hàng nghìn người dân tụ tập thành đội ngũ, gươm giáo chỉnh tề tại đình Quảng Văn (Cửa Nam) chuẩn bị kéo vào thành đánh giặc, nhưng chưa kịp đi thì thành đã mất. Cuộc chiến đấu trong lòng địch diễn ra sau đó vô cùng quả cảm.

Nhân dân Hà Nội không bán lương thực cho Pháp, phối hợp với đồng bào các vùng xung quanh, đào hào, đắp luỹ, lập ra các đội dân dũng, bất chấp lệnh giải tán của triều đình.

Tại các địa phương, nhân dân tích cực đắp đập, cắm kè trên sông, làm hầm chông, cạm bẫy v.v... chống Pháp.

Khi Ri-vi-e đánh Nam Định, quân dân ta từ Sơn Tây và Bắc Ninh kéo về áp sát thành Hà Nội uy hiếp địch. Ri-vi-e hoảng sợ, phải trở về Hà Nội đối phó.

Ngày 19-5-1883, hơn 500 tên địch kéo ra Cầu Giấy đã lọt vào trận địa mai phục của ta. Quân Cờ đen lại phối hợp với quân của Hoàng Tá Viêm đổ ra đánh. Nhiều sĩ quan và lính Pháp bị giết, trong đó có Ri-vi-e.

Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai càng làm cho quân Pháp thêm hoang mang, dao động. Chúng đã toan bỏ chạy nhưng triều đình Huế lại chủ trương thương lượng với Pháp, hi vọng địch sẽ rút quân (như năm 1873). Song tình hình lúc này đã khác trước. Sau khi có thêm viện binh, cuối tháng 7 - 1883 nhân cơ hội vua Tự Đức mới qua đời, nội bộ triều đình đang lục đục, chủ nghĩa tư bản Pháp trên đà phát triển, thực dân Pháp quyết định đem quân tấn công thẳng vào Thuận An, cửa ngõ kinh thành Huế.

- *Nhân dân Bắc Kì đã phối hợp với quân đội triều đình để kháng chiến chống Pháp như thế nào ?*
- *Tại sao thực dân Pháp không nhượng bộ triều đình Huế sau khi Ri-vi-e bị giết tại trận Cầu Giấy năm 1883 ?*

3. Hiệp ước Pa-tơ-nốt. Nhà nước phong kiến Việt Nam sụp đổ (1884)

Từ chiều 18 - 8 - 1883, hạm đội Pháp bắt đầu bắn phá dữ dội các pháo đài ở cửa Thuận An. Đến ngày 20 - 8, chúng đổ bộ lên khu vực này. Triều đình hoảng hốt xin đình chiến. Cao uỷ Pháp là Hác-măng lên ngay Huế và đưa ra một bản hiệp ước thảo sẵn, buộc triều đình chấp nhận vào ngày 25 - 8 - 1883 (Hiệp ước Quý Mùi).

Nội dung bản hiệp ước (còn gọi là Hiệp ước Hác-măng) có những khoản chính như sau :

Triều đình Huế chính thức thừa nhận nền bảo hộ của Pháp ở Bắc Kì và Trung Kì, cắt tỉnh Bình Thuận ra khỏi Trung Kì để nhập vào đất Nam Kì thuộc Pháp. Ba tỉnh Thanh-Nghệ-Tĩnh được sáp nhập vào Bắc Kì. Triều đình chỉ được cai quản vùng đất Trung Kì, nhưng mọi việc đều phải thông qua viên Khâm sứ Pháp ở Huế. Công sứ Pháp ở các tỉnh Bắc Kì thường xuyên kiểm soát những công việc của quan lại triều đình, nắm các quyền trị an và nội vụ. Mọi việc giao thiệp với nước ngoài (kể cả với Trung Quốc) đều do Pháp nắm. Triều đình Huế phải rút quân đội ở Bắc Kì về Trung Kì.

Việc triều đình kí Hiệp ước 1883 càng đẩy mạnh phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta.

Nhiều sĩ phu văn thân là quan lại triều đình ở các địa phương, như Nguyễn Thiện Thuật, Tạ Hiện, Hoàng Văn Hoè, Lã Xuân Oai, Nguyễn Quang Bích... đã phản đối lệnh bãi binh. Đây chính là cơ sở để phái kháng chiến trong triều đình Huế, do Tôn Thất Thuyết cầm đầu, mạnh tay hành động.

Do chiến sự tiếp tục kéo dài ở Bắc Kì, thực dân Pháp buộc phải tổ chức những cuộc tấn công nhằm tiêu diệt các trung tâm đề kháng còn sót lại. Từ cuối năm 1883 đến giữa năm 1885, chúng cho quân chiếm Bắc Ninh, Thái Nguyên, Hưng Hoá, Tuyên Quang... Quân Thanh đóng giữ các vị trí này chỉ chống cự lấy lệ, rồi rút. Cuối cùng, Pháp - Thanh đã đi đến thoả thuận với nhau bằng Quy ước Thiên Tân (11 - 5 - 1884), theo đó, nhà Thanh cam kết rút hết quân đội khỏi Bắc Kì.

Sau khi làm chủ tình thế, chính phủ Pháp lại bắt triều đình Huế kí bản hiệp ước mới vào ngày 6 - 6 - 1884 (Hiệp ước Pa-tơ-nốt), có nội dung cơ bản giống với Hiệp ước Hác-măng, chỉ sửa đổi đôi chút về ranh giới khu vực Trung Kì nhằm xoa dịu dư luận và lấy lòng vua quan phong kiến bù nhìn.

Hiệp ước Pa-tơ-nốt đã chấm dứt sự tồn tại của triều đại phong kiến nhà Nguyễn với tư cách là một quốc gia độc lập, thay vào đó là chế độ thuộc địa nửa phong kiến, kéo dài đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.

- ***Thái độ của nhân dân ta khi triều đình Huế kí các hiệp ước đầu hàng thực dân Pháp như thế nào ?***

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Lập bảng nêu nội dung chủ yếu của các hiệp ước 1883 và 1884.
2. Tại sao nói từ năm 1858 đến năm 1884 là quá trình triều đình Huế đi từ đầu hàng từng bước đến đầu hàng toàn bộ trước quân xâm lược ?

Bài 26

PHONG TRÀO KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỈ XIX

Sau Hiệp ước 1884 và cuộc phản công của phái chủ chiến tại kinh thành Huế tháng 7 - 1885, triều đình hoàn toàn đầu hàng. Nhân dân tiếp tục đấu tranh dưới ngọn cờ Cần vương.

I - CUỘC PHẢN CÔNG CỦA PHÁI CHỦ CHIẾN TẠI KINH THÀNH HUẾ. VUA HÀM NGHI RA "CHIẾU CẦN VƯƠNG"

1. Cuộc phản công quân Pháp của phái chủ chiến ở Huế tháng 7 - 1885

Sau hai hiệp ước 1883 và 1884, phái chủ chiến trong triều đình Huế vẫn nuôi hi vọng giành lại chủ quyền từ tay Pháp khi có điều kiện.

Dựa vào ý chí của nhân dân yêu nước và các quan lại chủ chiến tại các địa phương, Tôn Thất Thuyết (Thượng thư Bộ Binh, thành viên Hội đồng Phụ chính) ra sức xây dựng lực lượng, tích trữ lương thảo, khí giới... Ông còn thẳng tay trừng trị những kẻ thân Pháp và đưa Ưng Lịch lên ngôi (vua Hàm Nghi).

Trước hành động ngày một quyết liệt của Tôn Thất Thuyết, thực dân Pháp lo sợ. Chúng tìm mọi cách để tiêu diệt phái chủ chiến. Tình hình hết sức căng thẳng.

Đêm mồng 4 rạng sáng 5 - 7 - 1885, Tôn Thất Thuyết hạ lệnh tấn công quân Pháp ở toà Khâm sứ và đồn Mang Cá. Quân Pháp nhất thời rối loạn. Sau khi củng cố tinh thần, chúng đã mở cuộc phản công chiếm Hoàng thành. Trên đường đi, chúng xả súng tàn sát, cướp bóc hết sức dã man. Hàng trăm người dân vô tội đã bị giết hại.

- ***Nêu nguyên nhân, diễn biến cuộc phản công của phái chủ chiến tại kinh thành Huế.***



Hình 88.
Lược đồ kinh thành Huế năm 1885

2. Phong trào Cần vương

Khi cuộc tấn công thất bại, Tôn Thất Thuyết phải đưa vua chạy ra Tân Sở (Quảng Trị). Tại đây, ngày 13 - 7 - 1885, ông nhân danh vua Hàm Nghi ra "Chiếu Cần vương", kêu gọi văn thân và nhân dân đứng lên giúp vua cứu nước. Từ đó, một phong trào yêu nước chống xâm lược đã dâng lên sôi nổi, kéo dài đến cuối thế kỉ XIX, được gọi là *phong trào Cần vương*. Về diễn biến của phong trào, có thể chia thành hai giai đoạn : 1885 - 1888 và 1888 - 1896. Ở giai đoạn 1885 - 1888, phong trào bùng nổ khắp cả nước, sôi động nhất là các tỉnh Trung Kì và Bắc Kì.



Hình 89. Hàm Nghi (1872 - 1943)



Hình 90. Tôn Thất Thuyết (1835 - 1913)

Thấy địa bàn Tân Sở chật hẹp, dễ bị địch bao vây, Tôn Thất Thuyết tiếp tục đưa vua Hàm Nghi vượt Trường Sơn ra Bắc rồi lập căn cứ ở làng Phú Gia, huyện Hương Khê (Hà Tĩnh). Căn cứ bao gồm miền Tây ba tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và lan sang cả Lào.

Trên đường đi, nhà vua đã nhận được sự giúp đỡ tận tình, chu đáo của đồng bào các dân tộc ở vùng biên giới Việt - Lào. Cuối năm 1886, Tôn Thất Thuyết lên đường sang Trung Quốc cầu viện.

Tháng 11 - 1888, nhờ có tay sai dẫn đường, quân Pháp vào được nơi ở của nhà vua, bắt và đưa Hàm Nghi đi đày sang An-giê-ri (châu Phi).

Tuy Hàm Nghi bị bắt nhưng phong trào Cần vương vẫn được duy trì và dần quy tụ thành những cuộc khởi nghĩa lớn, có quy mô và trình độ tổ chức cao hơn trong giai đoạn 1888 - 1896.

- *Phong trào Cần vương nổ ra và phát triển như thế nào ?*

II - NHỮNG CUỘC KHỞI NGHĨA LỚN TRONG PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG

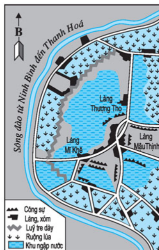
1. Khởi nghĩa Ba Đình (1886 - 1887)

Ba Đình thuộc huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá. Lợi dụng địa hình của ba làng Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khê, những người lãnh đạo phong trào Cần vương ở Thanh Hoá đã cho xây dựng ở đây một chiến tuyến phòng thủ kiên cố.

Chỉ huy cứ điểm là Phạm Bành và Đinh Công Tráng. Nghĩa quân gồm cả người Kinh, người Mường, người Thái... tham gia.

Cuộc chiến đấu bắt đầu quyết liệt từ tháng 12 - 1886 đến tháng 1 - 1887. Khi giặc Pháp mở cuộc tấn công quy mô vào căn cứ, nghĩa quân đã anh dũng cầm cự trong suốt 34 ngày đêm, đẩy lui nhiều đợt tấn công của giặc. Cuối cùng, để chấm dứt cuộc vây hãm, quân giặc liều chết xông vào. Chúng phun dầu thiêu trụi các luỹ tre, triệt hạ và xoá tên ba làng trên bản đồ hành chính.

Nghĩa quân phải mở đường máu rút lên Mã Cao, thuộc miền Tây Thanh Hoá, tiếp tục chiến đấu thêm một thời gian rồi tan rã.



Hình 91. Công sự phòng thủ Ba Đình

- *Quan sát hình 91, em hãy cho biết những điểm mạnh, điểm yếu của cứ điểm Ba Đình.*
- *Cuộc chiến đấu ở Ba Đình đã diễn ra như thế nào ?*



Hình 92. Lược đồ vị trí Mã Cao

2. Khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 - 1892)

Ngay từ năm 1883, ở vùng Bãi Sậy (Hưng Yên) đã diễn ra các hoạt động của nghĩa quân dưới sự lãnh đạo của Đinh Gia Quế. Năm 1885, hưởng ứng chiếu Cần vương của Hàm Nghi, phong trào kháng Pháp ở đây lại bùng lên mạnh mẽ. Người đứng đầu cuộc khởi nghĩa này là Nguyễn Thiện Thuật.

Ông từng làm Tán tương quân vụ tỉnh Hải Dương. Khi triều đình kí Hiệp ước 1883, Nguyễn Thiện Thuật trở về quê (Mĩ Hào, Hưng Yên) mộ quân, lập căn cứ kháng chiến. Dưới quyền ông còn có các tướng lĩnh khác, hoạt động trên nhiều địa bàn khác nhau.

Dựa vào vùng lau sậy um tùm và đầm lầy thuộc các huyện Văn Lâm, Văn Giang, Khoái Châu, Yên Mĩ..., nghĩa quân đã xây dựng căn cứ kháng chiến và triệt để áp dụng chiến thuật du kích đánh địch.

Trong những năm 1885 - 1889, thực dân Pháp phối hợp với lực lượng tay sai do Hoàng Cao Khải cầm đầu, mở cuộc tấn công quy mô vào căn cứ nhằm tiêu diệt nghĩa quân.



Hình 93. Nguyễn Thiện Thuật (1844 - 1926)

Sau những trận chống càn liên tiếp, lực lượng nghĩa quân bị suy giảm và rơi vào thế bị bao vây, cô lập. Đến cuối năm 1889, Nguyễn Thiện Thuật sang Trung Quốc, phong trào tiếp tục một thời gian rồi tan rã.

- ***Em hãy nêu những điểm khác nhau giữa khởi nghĩa Bãi Sậy và khởi nghĩa Ba Đình.***

3. Khởi nghĩa Hương Khê (1885 - 1895)

Lãnh đạo cao nhất của cuộc khởi nghĩa là Phan Đình Phùng. Ông từng làm quan Ngự sử trong triều đình Huế. Do cương trực, thẳng thắn, dám phản đối việc phế lập của phe chủ chiến nên ông đã bị cách chức, đuổi về quê. Tuy vậy, năm 1885 ông vẫn hưởng ứng lời kêu gọi của vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết, đứng ra mộ quân khởi nghĩa và trở thành thủ lĩnh có uy tín nhất trong phong trào Cần vương ở Nghệ - Tĩnh.

Bên cạnh Phan Đình Phùng còn có nhiều tướng lĩnh tài ba khác, tiêu biểu là Cao Thắng.



Hình 94. Phan Đình Phùng (1847 - 1895)

Từ năm 1885 đến năm 1888, nghĩa quân lo tổ chức, huấn luyện, xây dựng công sự, rèn đúc khí giới và tích trữ lương thảo... Lực lượng nghĩa quân được chia thành 15 quân thứ (đơn vị). Mỗi quân thứ có từ 100 đến 500 người, phân bố trên địa bàn bốn tỉnh : Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình. Họ đã tự chế tạo được súng trường theo mẫu súng của Pháp.
Từ năm 1888 đến năm 1895 là thời kì chiến đấu của nghĩa quân. Dựa vào vùng rừng núi hiểm trở, có sự chỉ huy thống nhất và phối hợp tương đối chặt chẽ, nghĩa quân đã đẩy lui nhiều cuộc hành quân càn quét của địch.

Để đối phó, thực dân Pháp tập trung binh lực và xây dựng một hệ thống đồn bốt dày đặc nhằm bao vây, cô lập nghĩa quân. Đồng thời, chúng mở nhiều cuộc tấn công quy mô vào Ngàn Trươi, là căn cứ chính của cuộc khởi nghĩa.

Nghĩa quân phải chiến đấu trong điều kiện ngày càng gian khổ hơn, lực lượng suy yếu dần. Sau khi chủ tướng Phan Đình Phùng hi sinh



Hình 95. Lược đồ căn cứ Hương Khê

ngày 28 - 12 - 1895(1), cuộc khởi nghĩa được duy trì thêm một thời gian rồi tan rã.

- *Dựa vào lược đồ, trình bày diễn biến cuộc khởi nghĩa Hương Khê.*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Trình bày diễn biến cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy.
2. Tại sao nói cuộc khởi nghĩa Hương Khê là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương ?
3. Em có nhận xét gì về phong trào vũ trang chống Pháp cuối thế kỉ XIX ?

(1) Trước đây, thực dân Pháp và phong kiến tay sai tung tin Phan Đình Phùng chết vì bệnh kiết lị. Gần đây, các tài liệu xác minh ông mất là do bị thương trong chiến đấu.

Bài 27

KHỞI NGHĨA YÊN THẾ VÀ PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP CỦA ĐỒNG BÀO MIỀN NÚI CUỐI THẾ KỈ XIX

Cùng với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương, phong trào đấu tranh của nông dân Yên Thế và cuộc kháng chiến chống Pháp của đồng bào miền núi cũng diễn ra vào cuối thế kỉ XIX.

I - KHỞI NGHĨA YÊN THẾ (1884 - 1913)

Yên Thế nằm ở phía tây bắc tỉnh Bắc Giang, có diện tích khoảng 40 - 50 km^2. Đây là vùng đất đồi, cây cối rậm rạp, địa hình hiểm trở.



Hình 96. Lược đồ căn cứ Yên Thế

Tình hình kinh tế nông nghiệp sa sút dưới thời Nguyễn đã khiến cho nhiều nông dân vùng đồng bằng Bắc Kì buộc phải rời quê hương đi tìm nơi khác sinh sống. Một số người đã lên Yên Thế. Giữa thế kỉ XIX, họ bắt đầu lập làng, tổ chức sản xuất.

Khi thực dân Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng Bắc Kì, Yên Thế trở thành mục tiêu bình định của chúng. Để bảo vệ cuộc sống của mình, nông dân Yên Thế đã đứng lên đấu tranh.

- Trong *giai đoạn 1884 - 1892*, nhiều toán nghĩa quân hoạt động riêng rẽ ở Yên Thế, chưa có sự chỉ huy thống nhất. Thủ lĩnh có uy tín nhất lúc đó là Đề Nắm.

Sau khi Đề Nắm mất (tháng 4 - 1892), Đề Thám (Hoàng Hoa Thám) trở thành vị chỉ huy tối cao của phong trào.

- *Giai đoạn 1893 - 1908* là thời kì nghĩa quân vừa chiến đấu, vừa xây dựng cơ sở.

Nhận thấy tương quan lực lượng quá chênh lệch, Đề Thám phải tìm cách giảng hoà với quân Pháp.



Hình 97. Hoàng Hoa Thám (1858 - 1913)

Sau khi phục kích bắt được tên điền chủ người Pháp là Sét-nay, Đề Thám đồng ý thả tên này với điều kiện Pháp phải rút quân khỏi Yên Thế ; Đề Thám được cai quản bốn tổng trong khu vực là Nhã Nam, Mục Sơn, Yên Lễ và Hữu Thượng.

Thời gian giảng hoà không kéo dài vì ngay từ đầu địch đã ráo riết lập đồn bốt, mở cuộc tấn công trở lại.

Lực lượng của Đề Thám bị tổn thất, suy yếu nhanh chóng.

Để cứu vãn tình thế, Đề Thám phải chủ động xin giảng hoà lần thứ hai (tháng 12 - 1897). Thực dân Pháp chấp nhận nhưng đưa ra những điều kiện ngặt nghèo, buộc nghĩa quân phải thực hiện.

Từ năm 1897 đến năm 1908, tranh thủ thời gian hoà hoãn, Đề Thám cho khai khẩn đồn điền Phồn Xương, lo tích luỹ lương thực, xây dựng đội quân tinh nhuệ, sẵn sàng chiến đấu. Nhiều nhà yêu nước, trong đó có Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đã tìm lên Yên Thế, bắt liên lạc với Đề Thám.

- *Giai đoạn 1909 - 1913*, sau vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội, phát hiện thấy có sự dính líu của Đề Thám, thực dân Pháp đã tập trung lực lượng, mở cuộc tấn công quy mô lên Yên Thế. Trải qua nhiều trận càn liên tiếp của địch, lực lượng nghĩa quân hao mòn dần. Đến ngày 10 - 2 - 1913, khi thủ lĩnh Đề Thám bị sát hại, phong trào tan rã.

- Trình bày nguyên nhân bùng nổ cuộc khởi nghĩa Yên Thế.

II - PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP CỦA ĐỒNG BÀO MIỀN NÚI

Vùng trung du và miền núi là nơi thực dân Pháp tiến hành bình định muộn hơn. Phong trào kháng chiến ở đây bùng nổ sau đồng bằng nhưng lại tồn tại bền bỉ và kéo dài.

Ở Nam Kì, nhân dân các dân tộc thiểu số, như người Thượng, Khơ-me, Xtiêng, đã sát cánh cùng người Kinh đánh Pháp ngay từ giữa thế kỉ XIX.

Ở miền Trung, phong trào của người thiểu số diễn ra sôi nổi, tiêu biểu là các cuộc đấu tranh do Hà Văn Mao (dân tộc Mường), Cầm Bá Thước (dân tộc Thái) cầm đầu.

Ở Tây Nguyên, các tù trưởng như Nơ-trang Gư (N'Trang Guh), Ama Con (Ama Kol), Ama Giơ-hao (Ama Jhao)... đã kêu gọi nhân dân rào làng chiến đấu suốt từ năm 1889 đến năm 1905.

Ở vùng Tây Bắc, đồng bào các dân tộc Thái, Mường, Mông... đã tập hợp dưới ngọn cờ của Nguyễn Quang Bích, Nguyễn Văn Giáp, lập căn cứ kháng Pháp ở Lai Châu, Sơn La và hoạt động mạnh trên lưu vực sông Đà.

Trong các năm từ 1884 đến 1890, xuất hiện các toán quân người Thái dưới sự chỉ huy của Đèo Văn Trì, Nông Văn Quang, Cầm Văn Thanh, Cầm Văn Hoan.

Đồng bào Thái ở Sơn La, Yên Bái, do Đèo Chính Lục, Đặng Phúc Thành cầm đầu, đã phục kích quân Pháp ở nhiều nơi.

Đồng bào Mông ở Hà Giang, do Hà Quốc Thượng đứng đầu, đã nổi dậy chống Pháp từ năm 1894 đến năm 1896.

Tại vùng Đông Bắc Bắc Kì, bùng nổ phong trào của người Dao, người Hoa, tiêu biểu nhất là đội quân của Lưu Kì.

Phong trào chống Pháp ở miền núi nổ ra kịp thời, phát triển mạnh mẽ, được duy trì tương đối lâu dài, đã trực tiếp góp phần làm chậm quá trình xâm lược và bình định của thực dân Pháp.

- ***Nêu tên một số cuộc khởi nghĩa chống Pháp của đồng bào miền núi cuối thế kỉ XIX.***

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Khởi nghĩa Yên Thế có những đặc điểm gì khác so với các cuộc khởi nghĩa cùng thời ?
2. Em có nhận xét gì về phong trào kháng chiến chống Pháp của đồng bào miền núi cuối thế kỉ XIX ?

Bài 28

TRÀO LƯU CẢI CÁCH DUY TÂN Ở VIỆT NAM NỬA CUỐI THẾ KỈ XIX

Vào nửa cuối thế kỉ XIX, ở Việt Nam đã ra đời các trào lưu cải cách duy tân. Nhưng các đề nghị cải cách duy tân cuối cùng đều không thực hiện được.

I - TÌNH HÌNH VIỆT NAM NỬA CUỐI THẾ KỈ XIX

Vào những năm 60 của thế kỉ XIX, trong khi thực dân Pháp ráo riết mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược Nam Kì, chuẩn bị tấn công đánh chiếm cả nước ta thì triều đình Huế vẫn tiếp tục thực hiện các chính sách nội trị, ngoại giao lỗi thời, lạc hậu khiến cho kinh tế, xã hội Việt Nam rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng.

Bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương trở nên mục ruỗng ; nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp đình trệ ; tài chính cạn kiệt, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn. Mâu thuẫn giai cấp và mâu thuẫn dân tộc ngày càng gay gắt thêm.

Phong trào khởi nghĩa nông dân lại tiếp tục bùng nổ dữ dội : năm 1862, Nguyễn Thịnh (Cai tổng Vàng) nổi dậy ở Bắc Ninh ; tháng 9-1862, đồng bào Thổ, dưới sự chỉ huy của Nông Hùng Thạc, nổi dậy ở Tuyên Quang. Lại có những nhóm thổ phỉ người Trung Quốc như Lý Đại Xương, Hoàng Nhị Văn, Lưu Sĩ Anh..., hoành hành ở phía bắc Thái Nguyên ; cuộc bạo loạn của Tạ Văn Phụng ở vùng ven biển (1861 - 1865)... Đặc biệt là cuộc khởi nghĩa của binh lính và dân phu ngay tại kinh đô Huế năm 1866 với sự tham gia của một số sĩ phu, quan lại quý tộc... càng đẩy đất nước vào tình trạng rối ren.

Trong bối cảnh đó, các trào lưu cải cách duy tân ra đời.

- ***Nêu những nét chính về tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam giữa thế kỉ XIX.***
- ***Nguyên nhân nào dẫn đến những cuộc khởi nghĩa nông dân chống triều đình phong kiến trong nửa cuối thế kỉ XIX ?***

II - NHỮNG ĐỀ NGHỊ CẢI CÁCH Ở VIỆT NAM VÀO NỬA CUỐI THẾ KỈ XIX

Trước tình trạng đất nước ngày một nguy khốn, đồng thời xuất phát từ lòng yêu nước, thương dân, muốn cho nước nhà giàu mạnh, có thể đương đầu với cuộc tấn công ngày càng dồn dập của kẻ thù, một số quan lại, sĩ phu yêu nước thức thời đã mạnh dạn đưa ra những đề nghị, yêu cầu đổi mới công việc nội trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá... của nhà nước phong kiến.

Năm 1868, Trần Đình Túc và Nguyễn Huy Tế xin mở cửa biển Trà Lí (Nam Định). Đinh Văn Điền xin đẩy mạnh việc khai khẩn ruộng hoang và khai mỏ, phát triển buôn bán, chấn chỉnh quốc phòng.

Năm 1872, Viện Thương bạc(1) xin mở ba cửa biển ở miền Bắc và miền Trung để thông thương với bên ngoài.

Đặc biệt, từ năm 1863 đến 1871 Nguyễn Trường Tộ đã kiên trì gửi lên triều đình 30 bản điều trần, đề cập đến một loạt vấn đề như chấn chỉnh bộ máy quan lại, phát triển công, thương nghiệp và tài chính, chỉnh đốn võ bị, mở rộng ngoại giao, cải tổ giáo dục...

Ngoài ra, vào các năm 1877 và 1882, Nguyễn Lộ Trạch còn dâng hai bản "Thời vụ sách" lên vua Tự Đức, đề nghị chấn hưng dân khí, khai thông dân trí, bảo vệ đất nước.

- *Vì sao các quan lại, sĩ phu đưa ra những đề nghị cải cách ?*
- *Kể tên những sĩ phu tiêu biểu trong phong trào cải cách ở nửa cuối thế kỉ XIX. Nêu những nội dung chính trong các đề nghị cải cách của họ.*

III - KẾT CỤC CỦA CÁC ĐỀ NGHỊ CẢI CÁCH

Trong bối cảnh bế tắc của xã hội phong kiến Việt Nam cuối thế kỉ XIX, một số sĩ phu, quan lại đã vượt qua những luật lệ hà khắc, sự nghi kị, ghen ghét, thậm chí nguy hiểm đến cả tính mạng của mình để đưa ra những đề nghị cải cách nhằm canh tân đất nước. Các đề nghị cải cách này đều nhằm đáp ứng phần nào yêu cầu của nước ta lúc đó.

Tuy nhiên, các đề nghị cải cách nói trên vẫn mang tính chất lẻ tẻ, rời rạc, chưa xuất phát từ những cơ sở bên trong, chưa động chạm tới những vấn đề cơ bản của thời đại : giải quyết hai mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam

(1) Cơ quan ngoại giao, phụ trách việc giao thiệp với nước ngoài.

là mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp xâm lược và giữa nông dân với địa chủ phong kiến.

Triều đình phong kiến Nguyễn bảo thủ, bất lực trong việc thích ứng với hoàn cảnh, nên đã không chấp nhận những thay đổi và từ chối mọi sự cải cách, kể cả những cải cách hoàn toàn có khả năng thực hiện. Điều này đã làm cản trở sự phát triển của những tiền đề mới, khiến xã hội vẫn chỉ luẩn quẩn trong vòng bế tắc của chế độ thuộc địa nửa phong kiến.

Dù không thành hiện thực, song những tư tưởng cải cách cuối thế kỉ XIX đã gây được tiếng vang lớn, ít nhất cũng đã dám tấn công vào những tư tưởng bảo thủ và phản ánh trình độ nhận thức mới của những người Việt Nam hiểu biết, thức thời.

Tư tưởng cải cách cuối thế kỉ XIX đã góp phần vào việc chuẩn bị cho sự ra đời phong trào Duy tân ở Việt Nam vào đầu thế kỉ XX.

- ***Trình bày những hạn chế của các đề nghị cải cách cuối thế kỉ XIX.***

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Kể tên các nhà cải cách cuối thế kỉ XIX. Trình bày nội dung một số đề nghị cải cách.
2. Vì sao các đề nghị cải cách ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX không thực hiện được ?

Chương II

XÃ HỘI VIỆT NAM TỪ NĂM 1897 ĐẾN NĂM 1918

Bài 29
CHÍNH SÁCH KHAI THÁC THUỘC ĐỊA CỦA THỰC DÂN PHÁP VÀ NHỮNG CHUYỂN BIẾN VỀ KINH TẾ, XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp đầu thế kỉ XX đã gây nên những chuyển biến về kinh tế, xã hội ở Việt Nam.

I - CUỘC KHAI THÁC THUỘC ĐỊA LẦN THỨ NHẤT CỦA THỰC DÂN PHÁP (1897 - 1914)

Sau khi căn bản hoàn thành công cuộc bình định bằng quân sự, thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa Việt Nam một cách quy mô.

1. Tổ chức bộ máy Nhà nước

Thực dân Pháp thành lập Liên bang Đông Dương(1), gồm Việt Nam, Cam-pu-chia và Lào, đứng đầu là viên Toàn quyền người Pháp.

Việt Nam bị chia làm ba xứ với ba chế độ cai trị khác nhau : Bắc Kì là xứ nửa bảo hộ, Trung Kì theo chế độ bảo hộ, Nam Kì theo chế độ thuộc địa. Mỗi xứ gồm nhiều tỉnh ; đứng đầu xứ và tỉnh là các viên quan người Pháp. Dưới tỉnh là phủ, huyện, châu. Đơn vị hành chính cơ sở ở Việt Nam vẫn là làng xã, do các chức dịch địa phương cai quản. Bộ máy chính quyền từ trung ương đến cơ sở đều do thực dân Pháp chi phối.

(1) Theo sắc lệnh ngày 17 - 10 - 1887 của Tổng thống Pháp, Liên bang Đông Dương gồm Bắc Kì, Trung Kì, Nam Kì và Cam-pu-chia ; năm 1899 sáp nhập thêm Lào.

- *Em hãy vẽ sơ đồ tổ chức Nhà nước ở Việt Nam do thực dân Pháp dựng lên.*
- *Em có nhận xét gì về tổ chức bộ máy cai trị của thực dân Pháp ?*

2. Chính sách kinh tế

Thực dân Pháp đẩy mạnh việc cướp đoạt ruộng đất. Ở Bắc Kì, chỉ tính đến năm 1902 đã có 182 000 hécta ruộng đất bị Pháp chiếm. Riêng Giáo hội Thiên Chúa đã chiếm 1/4 diện tích cày cấy ở Nam Kì.

Bọn chủ đất mới vẫn áp dụng phương pháp bóc lột nông dân theo kiểu phát canh thu tô như địa chủ Việt Nam.

Trong công nghiệp, trước hết thực dân Pháp tập trung vào khai thác than và kim loại.

Năm 1912, sản lượng khai thác than đã tăng gấp hai lần sản lượng năm 1903. Chỉ trong năm 1911, Pháp đã khai thác hàng vạn tấn quặng kẽm, hàng trăm tấn thiếc, đồng, hàng trăm kilôgam vàng và bạc.

Sau công nghiệp khai thác, các ngành sản xuất xi măng, gạch ngói, điện nước, chế biến gỗ, xay xát gạo, giấy, diêm, rượu, đường, vải sợi... cũng đem lại cho chúng một nguồn lợi lớn.

Thực dân Pháp xây dựng hệ thống giao thông vận tải để tăng cường việc bóc lột kinh tế và đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân.

Đường bộ vươn tới những nơi xa xôi hẻo lánh. Đường thuỷ ven biển và kênh rạch ở Nam Kì được khai thác triệt để. Đến năm 1912, hệ thống đường sắt Việt Nam có tổng chiều dài 2059 km.

Để nắm giữ độc quyền thị trường Việt Nam, hàng hoá của Pháp nhập vào Việt Nam chỉ bị đánh thuế rất nhẹ hoặc được miễn thuế. Trong khi đó, hàng hoá các nước khác bị đánh thuế rất cao, có mặt hàng tới 120%. Hàng hoá của Việt Nam chủ yếu là xuất sang Pháp.

Pháp tiến hành đánh các thứ thuế mới, chồng lên các thuế cũ đã có từ trước khi Pháp tới. Nặng nhất là thuế muối, thuế rượu, thuế thuốc phiện. Ngoài ra, chúng còn bắt phu đắp đường, đào sông, xây cầu, dinh thự, đồn bốt...



Hình 98. Ga Hà Nội (năm 1900)

- *Nêu chính sách của thực dân Pháp trong các ngành nông nghiệp, công, thương nghiệp, giao thông vận tải và tài chính.*
- *Các chính sách trên của Pháp nhằm mục đích gì ?*

3. Chính sách văn hoá, giáo dục

Cho đến năm 1919, Pháp vẫn duy trì chế độ giáo dục của thời phong kiến, song trong một số kì thi có thêm môn Tiếng Pháp. Về sau, do nhu cầu học tập của con em các quan chức thực dân và cũng để tạo một lớp người bản xứ phục vụ cho công việc cai trị, chính quyền Pháp ở Đông Dương bắt đầu mở trường học mới cùng một số cơ sở văn hoá, y tế.

Hệ thống giáo dục phổ thông được chia làm ba bậc :
- Bậc Ấu học ở xã thôn (dạy chữ Hán và Quốc ngữ) ;
- Bậc Tiểu học ở phủ, huyện (dạy chữ Hán và Quốc ngữ, chữ Pháp là môn tự nguyện) ;
- Bậc Trung học ở tỉnh (dạy chữ Hán, Quốc ngữ và chữ Pháp là bắt buộc).

- *Theo em, chính sách văn hoá, giáo dục của Pháp có phải để "khai hoá văn minh" cho người Việt Nam hay không ? Vì sao ?*

II - NHỮNG BIẾN CHUYỂN CỦA XÃ HỘI VIỆT NAM

Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam đã có nhiều biến đổi.

1. Các vùng nông thôn

Giai cấp địa chủ phong kiến đã đầu hàng, làm tay sai cho thực dân Pháp, số lượng ngày càng đông thêm. Một bộ phận câu kết với đế quốc để áp bức, bóc lột nhân dân. Tuy nhiên, một số địa chủ vừa và nhỏ còn có tinh thần yêu nước.

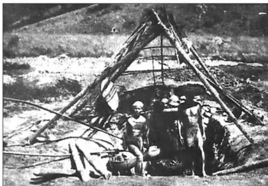
Cuộc sống của người nông dân cơ cực trăm bề.



Hình 99. Nông dân Việt Nam trong thời kì Pháp thuộc

Họ bị tước đoạt ruộng đất, phải gánh chịu rất nhiều thứ thuế và vô số các khoản phụ thu của chức dịch trong các làng. Nông dân bị phá sản, có người ở lại nông thôn làm tá điền cho địa chủ, một số bỏ đi làm phu cho các đồn điền Pháp, số khác ra thành thị kiếm ăn bằng những nghề phụ như cắt tóc, kéo xe hoặc làm bồi bếp, con sen, ở vú ; một số rất nhỏ làm công ở các nhà máy, hầm mỏ của tư bản Pháp và Việt Nam.

Ở lại nông thôn hay ra thành thị, cuộc sống của người nông dân đều lâm vào cảnh nghèo khổ, không lối thoát. Căm ghét chế độ bóc lột của thực dân Pháp cộng với ý thức dân tộc sâu sắc, nông dân sẵn sàng hưởng ứng, tham gia các cuộc đấu tranh do bất kì cá nhân, tổ chức, tầng lớp hoặc giai cấp nào đề xướng để có thể giúp họ giành được tự do và no ấm.



Hình 100. Công nhân Việt Nam trong thời kì Pháp thuộc

- ***Dưới thời Pháp thuộc, các giai cấp địa chủ phong kiến và nông dân có những thay đổi như thế nào ?***

2. Đô thị phát triển, sự xuất hiện các giai cấp, tầng lớp mới

Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, đô thị Việt Nam ra đời và phát triển ngày càng nhiều. Ngoài Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn - Chợ Lớn còn có Nam Định, Hòn Gai, Vinh, Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Biên Hoà, Mĩ Tho...

Cùng với sự phát triển đô thị, một tầng lớp tư sản đầu tiên đã xuất hiện.

Họ là các nhà thầu khoán, đại lí, chủ xí nghiệp, chủ xưởng thủ công, đông nhất là các chủ hãng buôn bán. Họ bị các nhà tư bản Pháp chèn ép, chính quyền thực dân kìm hãm. Song do bị lệ thuộc, yếu ớt về mặt kinh tế, nên họ chỉ mong muốn có những thay đổi nhỏ để dễ bề làm ăn sinh sống, chứ chưa dám tỏ thái độ hưởng ứng hay tham gia các cuộc vận động cách mạng giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX.

Một tầng lớp đông đảo cũng xuất hiện trong giai đoạn này, đó là tiểu tư sản thành thị.

Họ là chủ các xưởng thủ công nhỏ, cơ sở buôn bán nhỏ, những viên chức cấp thấp, như thông ngôn, nhà giáo, thư kí, kế toán, học sinh. Cuộc sống của họ tuy có phần dễ chịu hơn nông dân, công nhân và dân nghèo thành thị, song vẫn rất bấp bênh. Họ là những người có ý thức dân tộc, đặc biệt là các nhà giáo, thanh niên học sinh, nên tích cực tham gia vào các cuộc vận động cứu nước đầu thế kỉ XX.



Hình 101. Nhà hát lớn thành phố Hà Nội, hoàn thành xây dựng năm 1911

Công, thương nghiệp thuộc địa phát triển, dẫn đến sự hình thành đội ngũ công nhân, lúc đó có khoảng 10 vạn người.

Phần lớn họ xuất thân từ nông dân, không có ruộng đất nên phải tìm đến các hầm mỏ, nhà máy, đồn điền... xin làm công ăn lương. Công nhân và gia đình họ bị thực dân phong kiến và tư sản bóc lột nên sớm có tinh thần đấu tranh mạnh mẽ chống bọn chủ, đòi cải thiện điều kiện làm việc và sinh hoạt (tăng lương, giảm giờ làm...).

- *Cùng với sự phát triển của đô thị, các giai cấp, tầng lớp mới nào đã xuất hiện ?*
- *Thái độ của từng giai cấp, tầng lớp đối với cách mạng giải phóng dân tộc như thế nào ? Vì sao họ lại có thái độ như vậy ?*

3. Xu hướng mới trong cuộc vận động giải phóng dân tộc

Trong lúc xã hội Việt Nam có sự phân hoá sâu sắc thì vào những năm đầu thế kỉ XX, các tư tưởng dân chủ tư sản ở châu Âu được truyền bá vào nước ta qua sách báo của Trung Quốc. Hơn nữa, việc Nhật Bản đi theo con đường tư bản chủ nghĩa và trở nên giàu mạnh cũng kích thích nhiều nhà yêu nước lúc bấy giờ muốn noi theo con đường cứu nước của Nhật Bản.

"Vậy thì bây giờ muốn tìm ngoại viện không gì bằng sang Nhật là hơn cả".
(Nguyễn Hàm)

Với lòng yêu nước nồng nàn và sự hiểu biết mới, những trí thức Nho học tiến bộ Việt Nam lao vào cuộc vận động cứu nước theo con đường dân chủ tư sản với tất cả nhiệt tình của tuổi trẻ.

- *Tại sao các nhà yêu nước ở Việt Nam thời bấy giờ muốn noi theo con đường cứu nước của Nhật Bản ?*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, thực dân Pháp thi hành những chính sách gì về chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục ở Việt Nam ?
2. Nêu tác động của chính sách khai thác thuộc địa đối với kinh tế, xã hội Việt Nam.
3. Lập bảng thống kê về tình hình các giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX theo mẫu sau :

Giai cấp, tầng lớp	Nghề nghiệp	Thái độ đối với độc lập dân tộc

4. Nêu điểm mới của xu hướng cứu nước đầu thế kỉ XX.

Bài 30
PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN NĂM 1918

Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân ta trước và trong Chiến tranh thế giới thứ nhất đều thất bại. Nguyễn Tất Thành đi tìm con đường cứu nước mới cho dân tộc.

I - PHONG TRÀO YÊU NƯỚC TRƯỚC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Sau khi phong trào Cần vương thất bại, nhiều cuộc đấu tranh yêu nước chống Pháp theo hướng mới lại tiếp tục nổ ra vào những năm đầu thế kỉ XX.

1. Phong trào Đông du (1905 - 1909)

Trong số những người yêu nước đón nhận con đường cứu nước dân chủ tư sản, có một số người muốn dựa vào Nhật Bản. Nhật Bản được xem là nước cùng màu da, cùng văn hoá Hán học, lại đi theo con đường tư bản châu Âu, đã giàu mạnh lên và đánh thắng đế quốc Nga (năm 1905) nên có thể nhờ cậy được.



Hình 102. Phan Bội Châu (1867 - 1940)

Để thực hiện ý định trên, các nhà yêu nước lập ra Hội Duy tân (1904) do Phan Bội Châu đứng đầu. Mục đích của Hội là lập ra một nước Việt Nam độc lập.

Đầu năm 1905, Phan Bội Châu sang Nhật nhờ giúp khí giới, tiền bạc để đánh Pháp. Người Nhật chỉ hứa đào tạo cán bộ cho cuộc bạo động vũ trang sau này. Hội Duy tân phát động thành viên tham gia phong trào Đông du(1).

Lúc đầu, phong trào Đông du hoạt động thuận lợi ; số học sinh sang Nhật có lúc lên tới 200 người. Đến tháng 9 - 1908, thực dân Pháp câu kết với Nhật và yêu cầu nhà cầm quyền nước này trục xuất những người yêu nước Việt Nam. Tháng 3 - 1909, Phan Bội Châu buộc phải rời Nhật Bản. Phong trào Đông du tan rã. Hội Duy tân ngừng hoạt động.

- ***Dựa vào đâu Hội Duy tân chủ trương bạo động vũ trang để giành độc lập ? Em nghĩ gì về chủ trương này ?***

2. Đông Kinh nghĩa thục (1907)

Cùng thời với phong trào Đông du, ở Bắc Kì có một cuộc vận động cải cách văn hoá xã hội theo lối tư sản.

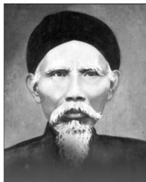
Tháng 3 - 1907, Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Lê Đại, Vũ Hoành v.v... mở một trường học tại Hà Nội, lấy tên là *Đông Kinh nghĩa thục*(2).

(1) Nhật Bản ở phía đông nước ta nên cuộc xuất dương sang học ở Nhật gọi là *Đông du*.
(2) *Đông Kinh* là tên cũ của Hà Nội, *nghĩa thục* là trường tư làm việc vì lợi ích chung.

Chương trình học gồm các bài về Địa lí, Lịch sử, Khoa học thường thức. Bên cạnh hình thức mở trường học, các nhà Nho tiến bộ còn tổ chức các buổi bình văn và xuất bản sách báo. Các hoạt động này nhằm bồi dưỡng nâng cao lòng yêu nước, truyền bá nội dung học tập và nếp sống mới.

Lúc đầu, trường hoạt động chủ yếu ở nội thành Hà Nội, sau đó mở rộng ra ngoại thành và các tỉnh Hà Đông, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình... Số học sinh có lúc lên tới 1000 người.

Hoạt động của Đông Kinh nghĩa thục khiến thực dân Pháp lo ngại. Tháng 11 - 1907, thực dân Pháp ra lệnh giải tán Đông Kinh nghĩa thục, tịch thu sách vở, tài liệu và đồ dùng của nhà trường. Lương Văn Can, Hoàng Tăng Bí, Vũ Hoành v.v... bị bắt. Tuy chỉ hoạt động trong thời gian ngắn nhưng Đông Kinh nghĩa thục đã đạt được kết quả rất lớn, đặc biệt trong việc cổ động cách mạng, phát triển văn hoá, ngôn ngữ dân tộc.



Hình 103. Lương Văn Can (1854 - 1927)

- *Đông Kinh nghĩa thục có những hoạt động nào ?*
- *Đông Kinh nghĩa thục có ảnh hưởng gì đến phong trào yêu nước chống Pháp ở nước ta ?*

3. Cuộc vận động Duy tân và phong trào chống thuế ở Trung Kì (1908)

Cũng trong những năm đầu thế kỉ XX, cuộc vận động Duy tân (theo cái mới) diễn ra sôi nổi tại Trung Kì. Lãnh đạo phong trào là Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng v.v... Gần giống như phong trào Đông Kinh nghĩa thục ở Bắc Kì, hình thức hoạt động của phong trào Duy tân rất phong phú : mở trường, diễn thuyết về các đề tài sinh hoạt xã hội, tình hình thế giới, tuyên truyền đả phá các hủ tục phong kiến lạc hậu, đua nhau cắt tóc ngắn, mặc áo ngắn, đả kích quan lại xấu, cổ động việc mở mang công, thương nghiệp... Ảnh hưởng của phong trào rất mạnh. Đến năm 1908, dưới ảnh hưởng trực tiếp của

phong trào Duy tân, một phong trào chống đi phu, chống sưu thuế diễn ra rầm rộ ở Quảng Nam, sau đó là Quảng Ngãi, rồi lan ra một số tỉnh ở Trung Kì. Thực dân Pháp đã thẳng tay đàn áp, bắt bớ, tù đày, tuyên án xử tử nhiều nhà yêu nước, trong đó có Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp...



Hình 104. Phan Châu Trinh (1872 - 1926)

II - PHONG TRÀO YÊU NƯỚC TRONG THỜI KÌ CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 - 1918)

1. Chính sách của thực dân Pháp ở Đông Dương trong thời chiến

Ngày 1 - 8 - 1914, Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ. Thực dân Pháp đẩy mạnh việc vơ vét sức người, sức của ở Đông Dương để phục vụ cho cuộc chiến tranh đế quốc. Số lính thợ người Đông Dương cung cấp cho chiến tranh chiếm 1/4 tổng số lính thợ trong tất cả các thuộc địa của Pháp. Từ chỗ chuyên canh cây lúa, nay nông dân Việt Nam phải chuyển sang trồng các cây công nghiệp phục vụ chiến tranh, như thầu dầu, đậu, lạc, đặc biệt là cao su. Việc tăng cường bắt nông dân đi lính và thu hẹp diện tích trồng lúa đã làm cho sản xuất ở nông thôn giảm sút, đời sống nông dân càng thêm khốn khổ. Hàng vạn tấn kim loại quý hiếm ở Việt Nam bị thực dân Pháp khai thác. Chúng còn bắt nhân dân mua công trái để chi phí cho chiến tranh.

- ***Nêu những thay đổi trong các chính sách về kinh tế, xã hội của Pháp ở Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất. Vì sao có sự thay đổi đó ?***

2. Vụ mưu khởi nghĩa ở Huế (1916). Khởi nghĩa của binh lính và tù chính trị ở Thái Nguyên (1917)

Nhân khi thực dân Pháp thực hiện chiến dịch bắt lính ráo riết để đưa sang chiến trường châu Âu, những người yêu nước tiến bộ của hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi, do Thái Phiên và Trần Cao Vân lãnh đạo, đã bí mật liên lạc với số binh lính bị tập trung tại thành phố Huế và mời vua Duy Tân (lên ngôi năm 1907) tham gia cuộc khởi nghĩa.

Kế hoạch khởi sự được dự kiến vào đêm mùng 3 rạng sáng 4 - 5 - 1916 tại Huế. Song việc chuẩn bị của những người lãnh đạo có nhiều sơ hở nên kế hoạch bị bại lộ. Các trại lính người Việt đều bị đóng cửa, khí giới bị tước. Thái Phiên, Trần Cao Vân bị bắt và sau đó bị kết án tử hình. Vua Duy Tân bị truất ngôi rồi đưa đi đày ở châu Phi.

Một cuộc khởi nghĩa khác của binh lính cũng nổ ra ở Thái Nguyên vào năm 1917. Nhờ hằng ngày tiếp xúc với tù chính trị, trong đó có Lương Ngọc Quyến[1], một số binh lính do Trịnh Văn Cấn (tức Đội Cấn) cầm đầu được giác ngộ và đã phối hợp với tù chính trị tiến hành khởi nghĩa.



Hình 105. Vua Duy Tân (1900 - 1945) khi mới lên ngôi

Nghĩa quân đã giết chết viên Giám binh Pháp, phá nhà lao, thả tù chính trị, chiếm các công sở và làm chủ tỉnh lị Thái Nguyên trong một tuần lễ, nhưng lại không chiếm được trại lính Pháp. Do vậy, khi viện binh Pháp kéo đến, chúng tập trung từ ngoài đánh vào, từ trong đánh ra làm cho nghĩa quân phải rút ra khỏi tỉnh lị. Lương Ngọc Quyến đã anh dũng hi sinh trong chiến đấu.

Cuộc chiến đấu kéo dài gần 5 tháng ở rừng núi vô cùng gian khổ. Bị thương, Đội Cấn đã tự sát, nêu cao ý chí bất khuất của người chỉ huy và của các nghĩa quân anh hùng.

Ngoài ra, trong thời gian Chiến tranh thế giới thứ nhất cũng nổ ra cuộc đấu tranh chống Pháp của đồng bào các dân tộc, chủ yếu ở Tây Nguyên, tiêu biểu là cuộc nổi dậy của đồng bào Mơ-nông do Nơ-trang Lơng (N'Trang Lơng) chỉ huy.



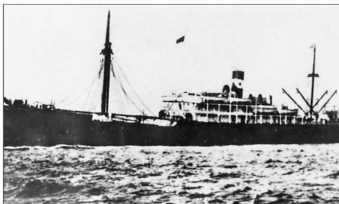
Hình 106. Trịnh Văn Cấn (? - 1918)

(1) Lương Ngọc Quyến là con trai Lương Văn Can - Hiệu trưởng trường Đông Kinh nghĩa thục.

- *Trình bày những nét lớn về hai cuộc khởi nghĩa của binh lính ở Huế và Thái Nguyên.*
- *Hai cuộc khởi nghĩa này có những đặc điểm gì về lực lượng tham gia và phương pháp tiến hành ?*

3. Những hoạt động của Nguyễn Tất Thành sau khi ra đi tìm đường cứu nước

Nguyễn Tất Thành[1] sinh ngày 19 - 5 - 1890, trong một gia đình trí thức yêu nước ở xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Người sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh nước nhà bị mất vào tay thực dân Pháp, nhiều cuộc khởi nghĩa và phong trào cách mạng nổ ra liên tục, song không đi đến thắng lợi. Tuy khâm phục Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, nhưng Nguyễn Tất Thành không tán thành đường lối hoạt động của họ nên quyết định tìm con đường cứu nước mới cho dân tộc.



Hình 107. Tàu Đô đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin

Giữa năm 1911, tại cảng Nhà Rồng (Sài Gòn), Nguyễn Tất Thành xuống làm phụ bếp cho tàu Đô đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin - một tàu buôn của Pháp, để có cơ hội tới các nước phương Tây xem họ làm thế nào, rồi sẽ về giúp đồng bào cứu nước. Cuộc hành trình của Người kéo dài 6 năm, qua nhiều nước ở châu Phi, châu Mĩ, châu Âu.

(1) Sau này là Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp. Ở đây, Người đã làm rất nhiều nghề, học tập, rèn luyện trong quần chúng lao động và giai cấp công nhân Pháp. Hoạt động trong Hội những người Việt Nam yêu nước, Người hăng hái học tập, tham gia những buổi diễn thuyết ngoài trời của các nhà chính trị, triết học, tham gia đấu tranh đòi cho binh lính và thợ thuyền Việt Nam sớm được hồi hương. Sống và hoạt động trong phong trào công nhân Pháp, tiếp nhận ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga, tư tưởng của Nguyễn Tất Thành dần có những biến chuyển.

Những hoạt động yêu nước của Người tuy mới chỉ bước đầu, nhưng là điều kiện quan trọng để Người xác định con đường cứu nước đúng cho dân tộc Việt Nam.

- *Vì sao Nguyễn Tất Thành lại ra đi tìm đường cứu nước mới ?*
- *Hướng đi của Người có gì mới so với những nhà yêu nước chống Pháp trước đó ?*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Lập bảng thống kê các phong trào yêu nước chủ yếu đầu thế kỉ XX theo mẫu sau :

Phong trào	Mục đích	Hình thức và nội dung hoạt động chủ yếu

2. Nêu một số điểm giống và khác nhau giữa các phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX với phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX về mục đích, lực lượng tham gia, hình thức đấu tranh.
3. Trình bày đặc điểm nổi bật của phong trào yêu nước trong những năm 1914 - 1918.
4. Sưu tầm các tài liệu (bài viết, tranh ảnh...) về cuộc hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành.

Bài 31

ÔN TẬP
LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1918

I - NHỮNG SỰ KIỆN CHÍNH

1. Quá trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp và cuộc đấu tranh chống xâm lược của nhân dân ta từ năm 1858 đến năm 1884

Lập bảng thống kê :

Thời gian	Quá trình xâm lược của thực dân Pháp	Cuộc đấu tranh của nhân dân ta

2. Phong trào Cần vương (1885 - 1896)

Lập niên biểu :

- Ngày 5 - 7 - 1885 : cuộc phản công của phái chủ chiến ở kinh thành Huế.
- Ngày 13 - 7 - 1885 : ra chiếu Cần vương.

...

3. Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX (đến năm 1918)

- Phong trào Đông du (1905 - 1909) : Hội Duy tân, học sinh Việt Nam sang Nhật.
- Đông Kinh nghĩa thục (1907) : sự thành lập và những hoạt động.

II - NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU

- Vì sao thực dân Pháp xâm lược Việt Nam ? (sự phát triển của chủ nghĩa thực dân, nhu cầu xâm chiếm thuộc địa...)
- Nguyên nhân làm cho nước ta trở thành thuộc địa của thực dân Pháp (thái độ và trách nhiệm của triều đình Huế trong việc để mất nước...).
- Nhận xét chung về phong trào chống Pháp cuối thế kỉ XIX (từ sau năm 1884) : quy mô (thời gian, không gian, số lượng người tham gia, mức độ quyết liệt...), cách thức và phương pháp đấu tranh, tính chất phong trào, ý nghĩa, bài học.

- Phong trào Cần vương : nguyên nhân phát sinh và phát triển, diễn biến (qua hai giai đoạn 1885 - 1888 và 1889 - 1896), đặc điểm, tính chất, kết quả và ý nghĩa của phong trào.
- Những chuyển biến về kinh tế, xã hội, tư tưởng trong phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỉ XX : nguyên nhân chuyển biến, những biểu hiện cụ thể qua các phong trào.
- Nhận xét chung về phong trào yêu nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XX (nhấn mạnh những nét mới so với phong trào cuối thế kỉ XIX) :

  + Về chủ trương đường lối
  + Về biện pháp đấu tranh
  + Về thành phần tham gia
  + Về hình thức hoạt động

  ...
- Bước đầu hoạt động cứu nước của Nguyễn Tất Thành (những sự kiện chính) và ý nghĩa.

III - BÀI TẬP THỰC HÀNH

Giáo viên xây dựng một số bài tập trắc nghiệm khách quan, tự luận, thực hành... bao quát nội dung chủ yếu của phần Lịch sử Việt Nam (1858 - 1918) và hướng dẫn học sinh thực hiện.

Ví dụ :

1. Lập bảng thống kê về các cuộc khởi nghĩa lớn trong phong trào Cần vương theo các mục sau :

Khởi nghĩa	Thời gian	Người lãnh đạo	Địa bàn hoạt động	Nguyên nhân thất bại	Ý nghĩa ; Bài học

2. So sánh hai xu hướng cứu nước : bạo động của Phan Bội Châu và cải cách của Phan Châu Trinh (chủ trương, biện pháp, khả năng thực hiện, tác dụng, hạn chế...)
3. Sưu tầm tài liệu để trình bày về cuộc đời và hoạt động của Nguyễn Tất Thành từ thuở niên thiếu đến năm 1918.

...

NHỮNG SỰ KIỆN CHÍNH TRONG SGK LỊCH SỬ 8

THỜI GIAN	LỊCH SỬ THẾ GIỚI (TỪ GIỮA THẾ KỈ XVI ĐẾN NĂM 1945)	LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1918)
Giữa thế kỉ XVI	Cách mạng Hà Lan	
Giữa thế kỉ XVII	Cách mạng tư sản Anh	
1776	Tuyên ngôn Độc lập của Hợp chúng quốc Mĩ	
Cuối thế kỉ XVIII	Cách mạng tư sản Pháp	
1848	Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản	
1848 - 1849	Phong trào cách mạng ở Pháp và Đức	
1858		Thực dân Pháp mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam
1868	Minh Trị duy tân	
1871	Công xã Pa-ri	
1884		Hiệp ước Pa-tơ-nốt
1884 - 1913		Khởi nghĩa Yên Thế
1885		Hàm Nghi ra "Chiếu Cần vương"
1885 - 1896		Phong trào Cần vương
1904		Hội Duy tân được thành lập
1911	Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc	Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước
1914 - 1918	Chiến tranh thế giới thứ nhất	
1917	Cách mạng tháng Mười Nga	Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp
1919	Phong trào Ngũ tứ ở Trung Quốc	
1918 - 1920	Nước Nga Xô viết đánh thắng thù trong, giặc ngoài	
1922	Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết được thành lập	
1929 - 1933	Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới	
1939 - 1945	Chiến tranh thế giới thứ hai	

BẢNG TRA CỨU MỘT SỐ THUẬT NGỮ TRONG SGK LỊCH SỬ 8

B

Bang : Đơn vị hành chính có tính chất tự trị ở Hợp chúng quốc Mĩ (Hoa Kì).

Bảo hộ (chế độ) : Một hình thức thống trị của đế quốc thực dân đối với một số nước bị xâm lược.

Bônsêvích (phái) : Những người theo trào lưu mácxít trong phong trào xã hội - dân chủ Nga, hình thành năm 1903, đứng đầu là V.I.Lê-nin. Họ chiếm đa số trong đảng.

C

Cách mạng công nghiệp : Bước phát triển của sản xuất tư bản chủ nghĩa, diễn ra đầu tiên ở Anh rồi lan ra các nước khác. Nó thúc đẩy việc phát minh máy móc, đẩy mạnh sản xuất và hình thành hai giai cấp tư sản và vô sản.

Cách mạng khoa học - kĩ thuật : Sự phát triển kĩ thuật nhanh chóng trong sản xuất gắn với những phát minh lớn của các ngành khoa học.

Cần vương (phong trào) : Phong trào đấu tranh chống ngoại xâm dưới danh nghĩa ủng hộ một nhà vua (diễn ra ở Việt Nam vào cuối thế kỉ XIX).

Chủ nghĩa cơ hội : Khuynh hướng tư tưởng chính trị trong phong trào công nhân từ cuối thế kỉ XIX chủ trương từ bỏ những nguyên tắc của cách mạng vô sản, thoả hiệp vô nguyên tắc với giai cấp tư sản.

Đ

Đẳng cấp : Những tầng lớp xã hội được hình thành dưới chế độ phong kiến, do luật pháp hoặc tục lệ quy định về vị trí xã hội, quyền lợi và nghĩa vụ khác nhau.

Đẳng cấp thứ ba : Đẳng cấp thấp nhất trong xã hội phong kiến Pháp trước năm 1789, gồm công nhân, dân nghèo thành thị, tư sản và nông dân. Họ không có quyền gì, bị phong kiến thống trị và phải đóng mọi thứ thuế.

H

Hai chính quyền song song tồn tại *(tình trạng)* : Việc cùng tồn tại Chính phủ lâm thời tư sản và Xô viết đại biểu công nhân, nông dân và binh lính ở nước Nga từ tháng 2 đến tháng 7 - 1917.

Hội nghị ba đẳng cấp : Cơ quan đại diện của các đẳng cấp ở Pháp, tồn tại từ năm 1302 đến năm 1789, gồm đại biểu của Quý tộc, Tăng lữ và Đẳng cấp thứ ba.

L

Liên quân tám nước *(Bát quốc liên quân)* : Quân đội tám nước tư bản (Anh, Pháp, Đức, Mĩ, Nga, I-ta-li-a, Áo - Hung, Nhật Bản) hợp tác với nhau để đàn áp Nghĩa Hoà đoàn ở Trung Quốc vào năm 1900.

N

Nhà nước kiểu mới **:** Nhà nước được thành lập sau khi cách mạng vô sản thành công. Khác với nhà nước của chủ nô, phong kiến, tư sản - những giai cấp thống trị, nhà nước kiểu mới bảo vệ quyền lợi của nhân dân lao động. Công xã Pa-ri 1871 là nhà nước kiểu mới.

P

Phát xít *(chủ nghĩa)* **:** Hình thức chuyên chính của bọn tư bản, đế quốc phản động nhất, hiếu chiến nhất, chủ trương thủ tiêu mọi quyền tự do cơ bản của con người, khủng bố, đàn áp tàn bạo nhân dân, gây chiến tranh xâm lược để thống trị thế giới.

Phụ thuộc *(nước)* **:** Quốc gia tuy không bị các nước đế quốc xâm chiếm, trực tiếp thống trị, song vẫn lệ thuộc vào chúng.

Q

Quý tộc mới **:** Tầng lớp quý tộc phong kiến đã tư sản hoá, kinh doanh tư bản chủ nghĩa, xuất hiện ở châu Âu vào thế kỉ XVI, mạnh nhất ở Anh, là lực lượng quan trọng lãnh đạo Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII.

T

Thuộc địa **:** Nước bị thực dân xâm lược và thống trị, mất hoàn toàn quyền độc lập.

Thuộc địa - nửa phong kiến *(nước)* **:** Thực chất là nước thuộc địa, nhưng chế độ phong kiến được duy trì để làm tay sai cho thực dân trong việc đàn áp, bóc lột nhân dân.

Tư bản độc quyền *(giai đoạn)* **:** Giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản, thường gọi là giai đoạn đế quốc tiếp sau giai đoạn tự do cạnh tranh. Một trong những đặc điểm nổi bật là sự hình thành các công ti độc quyền.

Tư bản tài chính **:** Sự kết hợp chặt chẽ giữa tư bản công nghiệp và tư bản ngân hàng trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

Tư sản dân tộc **:** Bộ phận giai cấp tư sản ở nước thuộc địa, phụ thuộc, thường bị đế quốc chèn ép về quyền lợi, có mâu thuẫn với chính quyền thực dân, phong kiến, trong một chừng mực nhất định có tinh thần đấu tranh chống đế quốc, phong kiến, nhưng không triệt để.

Tư sản mại bản **:** Tầng lớp tư sản ở nước thuộc địa và phụ thuộc có quyền lợi gắn với đế quốc, chống lại phong trào yêu nước của nhân dân.

X

Xô viết **:** Tổ chức tự quản của nhân dân, ra đời trong phong trào cách mạng 1905 - 1907 ở Nga. Đó là tổ chức chính quyền cách mạng, tiền thân của Nhà nước Liên Xô về sau.

MỤC LỤC

Trang

Phần một

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI
(Từ giữa thế kỉ XVI đến năm 1917)

Chương I

THỜI KÌ XÁC LẬP CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN
(Từ giữa thế kỉ XVI đến nửa sau thế kỉ XIX)

Chương II

CÁC NƯỚC ÂU - MĨ
CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

Chương III

CHÂU Á THẾ KỈ XVIII - ĐẦU THẾ KỈ XX